

VIỆT DỊCH

Hà Hưng Quốc, Ph.D.

2009

Chỉ sáu bảy (67) lời trong hai vế
Gói gọn càn khôn ghém nghĩa màu
Mở tay cổ thánh, thì ra thế
Đạo vốn bày ra tự bấy lâu.

VIỆT DỊCH

Bí Mật Của Đất Trời Gói Gọn Trong Hai Vế

Cốt Lõi Của Dịch Học Nằm Trong 67 Lời

Việt Dịch. Tại sao lại là Việt Dịch? Tại vì Dịch vốn dĩ là của Việt. Dịch chưa bao giờ không phải là của Việt. Dầu là suốt mấy ngàn năm qua Dịch có bị người tiếm đoạt bản quyền thì nó vẫn là gia tài của Việt.¹ Ngày xưa tổ tiên Việt đã làm ra

¹ “*Bản đồ gene người được lập. Cây phả hệ loài người được vẽ. Không còn là nhiều gốc nữa mà loài người quy về ông tổ chung Phi châu. Khoa học cũng lần ra con đường người hiện tại tới Việt Nam rồi đi lên chiếm lĩnh Trung Nguyên. . . . Khoảng 70.000 năm trước, người Homo sapiens từ châu Phi theo đường Nam Á tới Việt Nam. Tại đây hai loại chủng Mongoloid và Australoid hòa huyết cho ra 4 chủng Việt cổ: Indonesien, Melanesien, Vedoid và Negritoid. Khoảng 40.000 năm trước, người Việt mang rìu đá lên khai phá Trung Nguyên. Cũng trong thời gian này, có những nhóm Mongoloid riêng lẻ đi lên vùng Tây Bắc Trung Quốc. Từ hái lượm, họ chuyển qua du mục và trở thành tổ tiên những bộ lạc Mongoloid phương Bắc. Khoảng 15.000 năm trước, người Việt mang giống lúa, khoai sọ, giống gà, giống chó lên xây dựng nền nông nghiệp lúa nước trên đất Trung Hoa. Khoảng 2600 năm TCN, người Mông Cổ vượt Hoàng Hà chiếm đất của người Việt, đẩy một bộ phận người Việt trở lại Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Những người này mang gene Mongoloid phương Nam làm chuyển hóa di truyền dân cư trong vùng. Ở Trung Nguyên, do hòa huyết Mông-Việt, người Mongoloid phương Nam ra đời, đó là tổ tiên người Hán. Là lớp con lai Việt, sống trên đất của Bách Việt, tổ tiên người Hán tiếp thu văn hóa Việt vào đời sống của mình và sáng tạo văn hóa Hán rực rỡ vào khoảng 1500 năm TCN. **Như vậy, tất cả văn hóa vật thể và phi vật thể có mặt trên đất Trung Hoa trước 2600 năm TCN đều là sản phẩm của Việt tộc. Người Việt ở Việt Nam, do có đa dạng di truyền cao nhất trong dân cư Đông Á và giữ được lãnh thổ riêng nên là người kế tục của tộc Việt cả về di truyền cả về văn hóa.**” (Trích từ Thừa Chuyện Với Sử Gia Tạ Chí Đại Trùng của Hà Văn Thùy). “*Như vậy, đối với vấn nạn nguồn gốc Kinh Dịch, các học giả Trung Quốc đành chịu 'bó tay' không truy vấn được. Vậy thì người Việt Nam hà cớ gì cứ đi theo họ để xác nhận một điều họ đã phủ nhận.*” (Trích Chuyện Nguồn Gốc Kinh Dịch Người Việt Nam Nên Đối Xử Công Bằng Với Tổ Tiên của Nguyễn Thiếu Dũng).*

Dịch. Ngày hôm nay con cháu Việt một lần nữa sẽ viết lại Dịch. Ngày xưa là Việt Dịch. Ngày nay cũng là Việt Dịch. Dịch chảy trong dòng máu Việt. Xuyên suốt nhiều ngàn năm, từ thuở sơ khai cho đến nay, Dịch chưa từng ngưng chảy trong dòng sống và tâm linh của Việt. Dịch chưa từng rời Việt. Dịch là của Việt. Cho nên Dịch không thể nào không là Việt Dịch.

Cội nguồn của Việt là cội nguồn tâm linh. Dịch chảy từ cội nguồn tâm linh tới Việt. Viết lại Dịch không phải để đòi lại bản quyền cho Việt. Viết lại Dịch là để mọi người cùng nhau khám phá và trở về với cội nguồn tâm linh của Việt. Đánh mất cội nguồn tâm linh đó Việt không còn là Việt² và Dịch cũng không còn là Dịch³.

Dịch của Việt vốn minh triết kỳ mỹ. Cội nguồn tâm linh của Việt vốn chí thiện chí chân. Nhờ có minh triết kỳ mỹ của Dịch mới có hiền thánh an thế thịnh đức. Nhờ

² “*Thực sự đó là cái gì vô cùng lớn lao và linh thiêng. Hàng ngàn năm, dân tộc ta như một bầy người ngơ ngác, không biết cội nguồn tổ tiên cũng như gốc gác văn hóa, như đám trôi sông lạc chợ... Một thời gian dài chúng tôi cứ dằn vặt với suy nghĩ: Vì sao? Vì sao? Vì sao người Việt chối bỏ gia tài văn hóa lớn lao như vậy của tổ tiên để nhốt mình trong ngu dân và làm nô lệ tự nguyện cho văn hóa ngoại bang? Quả tình không hiểu nổi!*” (Trích Thừa Chuyện Với Sử Gia tạ Chí Đại Trường của Hà Văn Thù).

³ “*Trong suốt phần kinh văn của kinh dịch, không thể nào cho rằng đó là một hệ thống lý thuyết vũ trụ quan hoàn chỉnh. Bởi vậy, trải hàng ngàn năm, các nhà nghiên cứu đã tìm mọi cách lý giải kinh dịch, nhưng vẫn không thể nào tìm được một sự lý giải thỏa đáng . . . cho đến tận ngày hôm nay, kinh dịch cũng như thuyết âm dương-ngũ hành nói chung, thiếu hẳn một hệ thống lý thuyết căn bản . . . một khoảng trống lý thuyết cho sự liên hệ từ một hệ thống lý thuyết vũ trụ quan hoàn chỉnh đến những phương pháp luận thể hiện trong sự ứng dụng trên thực tế. Trải hơn 2000 năm, các nhà lý học đã cố gắng lấp khoảng trống nói trên. Nhưng ngay cả lý giải của những nhà lý học nổi tiếng mà sự ảnh hưởng của họ là rất lớn, cũng chứng tỏ những mâu thuẫn ngay trong nội dung . . .*” (Trích từ *Tìm Về Cội Nguồn Kinh Dịch* của Nguyễn Vũ Anh Tuấn). “*Có thể nói, suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm phát triển khoa học của nhân loại, không có một lý thuyết nào mang nhiều tính sai lầm, lại ảnh hưởng đến vô số người, và nhất là kéo dài trong một thời gian quá lâu cho bằng lý thuyết 'ngũ hành'!*” (Trích từ *Khám Phá Mới Về Dịch Lý & Ngũ Hành* của Nguyễn Cường).

có chí thiện chí chân của cội nguồn tâm linh Việt mới có minh triết kỳ mỹ của Dịch. Vì thế Khổng Tử mới nói “*phù dịch khai vật thành vụ, mạo thiên chi đạo, như tư nhi dĩ giả dã, thị cố thánh nhân dĩ thông thiên hạ chí chí, dĩ định thiên hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên hạ chi nghi*”⁴ nghĩa là nói Dịch mở mang trí chí cho loài người, tạo thành muôn việc, gồm hết các đạo lý trong thiên hạ cho nên thánh nhân dùng nó để thông cái chí của thiên hạ, thành tựu những việc trong thiên hạ, quyết đoán sự ngờ vực trong thiên hạ.

Dịch của Việt vốn là cái nôi của luật pháp, thứ luật pháp trong ý nghĩa cao đẹp nhất và thuần khiết nhất mà nhân loại có thể tiến tới. Dịch của Việt vốn là cái nôi của tự do và dân chủ, thứ tự do và dân chủ trong ý nghĩa đẹp nhất và thuần khiết nhất mà con người có thể đạt được. Luật pháp từ nôi Dịch và tự do dân chủ từ nôi Dịch có khả năng an thế thịnh đức cho thế gian. Cho nên Khổng Tử mới nói “*dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di luân thiên địa chi đạo*”⁵ nghĩa là nói kinh dịch chuẩn đích theo trời đất do đó có thể chinh đốn được đạo của trời đất.

Nhân loại đang ở bờ vực thẳm. Những lực lượng gây ra phân hoá và tàn hủy đang bao trùm mặt đất. Dịch của Việt có khả năng mở ra một con đường sinh tồn và phát triển tốt đẹp cho nhân loại. Dịch của Việt có khả năng tạo tác một thời đại văn minh thiện đức. Việt phải trở về với cội nguồn tâm linh của Việt để đem cái minh triết của Dịch mà xua đuổi cái tối tăm của thế giới này, để đem cái kỳ mỹ mà sửa đổi cái tha hóa của thế giới này, để đem cái chí chân mà vỗ về cái bất an của nhân loại trên mặt đất này, để đem cái chí thiện mà chuyển hóa lương tâm của nhân loại trên mặt đất này.

Khoa học và tất cả những gì thiên về vật chất sẽ phục vụ con người tốt hơn thông qua Dịch. Tôn giáo cũng sẽ phục vụ con người tốt hơn thông qua Dịch. Chính trị, kinh tế, xã hội đều cần đến Dịch. Việt Dịch có khả năng mang Adam và Eva

⁴ Trích từ Hệ Từ Truyện, Thiên Thượng, Chương 11.

⁵ Trích từ Hệ Từ Truyện, Thiên Thượng, Chương 4

trở về vườn địa đàng để Tôn Ngộ Không dạy cho họ làm thế nào ném trái cấm mà không bị đuổi ra khỏi địa đàng. Việt Dịch có khả năng “*đem câu bác ái vào nhà tử bi*”⁶ để trảm họ không phải “*ong óng tranh khôn*.”⁷ Đã đến lúc Việt phải trở về với cội nguồn tâm linh của Việt để làm đội ngũ tiên phong mà dẫn đạo thế giới tương lai, như tổ tiên Việt đã từng mang rìu đá lên khai phá Trung Nguyên và khai sinh Hán tộc cùng nền văn hoá rực rỡ của Trung Hoa.

1. Tiên Thiên Bát Quái Đồ







Với hầu hết những người học dịch, từ trình độ chấp chứng cho tới uyên thâm, và với tất cả đạo gia, từ sơ căn cho tới thượng trí, đều biết đến cái gọi là “*vô cực nhi thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*.” Bất kể là ở học phái nào, bất kể là ở địa bàn ứng dụng nào, bất kể là học giả hay là đạo gia, tất cả đều nói tới, đều vận dụng, đều mặc nhiên chấp nhận giá trị của cụm chữ này khi nói về dịch.

Vậy thì, câu hỏi trước tiên, “*vô cực nhi thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” là cái gì?

Câu hỏi được đặt ra rất thẳng thắn: hãy cho biết nó là cái gì? Và để có thể trả lời “nó là cái gì” một cách thẳng thắn chúng ta sẽ phải trải qua một tiến trình dài, từng bước một, để giải mã cụm chữ trên và sẽ phải vận dụng ngôn ngữ lẫn kiến thức khoa học của thế giới hôm nay để làm công việc đó. Nhưng trước khi bước vào hành trình này, chúng ta hãy dành chút thời gian để nhìn thật kỹ vào hình 1, tạm gọi là bảng thiết kế cho tiến trình từ vô cực tới vạn vật, và suy nghĩ về nó đã.

⁶ Trích từ Ngọc Minh Kinh của Cao Đài Đại Đạo

⁷ Trích trong Sấm Trạng Trình

LỜI	HÌNH	TƯỢNG	SỐ	NGHĨA Ý
Vô Cực			0	Vượt ngoài phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải được.
Thái Cực		●	$2^0 = 1$	1 Nguyên Nhân cũng là 1 Nguyên Lý, là nơi khởi đầu
Lưỡng Nghi		— --	$2^1 = 2$	2 Nguyên Lực thể hiện qua hai mặt đối kháng, nhưng tương tác tương tùy và bất khả ly.
Tứ Tượng		☰ ☷ ☱ ☵	$2^2 = 4$	4 Nguyên Tố cho sự tạo tác & 4 Nguyên Trạng của sự vận hành theo qui luật khách quan bất biến
Bát Quái		☰ ☷ ☱ ☵ ☲ ☴ ☶ ☳	$2^3 = 8$	8 Nguyên Tính của tất cả hiện tượng nằm trong phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải được.
Vạn Vật		Vạn Tượng	2^n	Mọi hiện tượng trong phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải

Hình 1: Bảng Thiết Kế Tiến Trình Từ Vô Cực Tới Vạn Vật

A. Từ Vô Cực Tới Càn Khôn Vạn Vật

Với bảng thiết kế trên có lẽ không khó cho chúng ta thấy cụm chữ “*vô cực nhi thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” là để mô tả một tiến trình đi từ một tiến tới vô số hạn hiện tượng và tiến trình đó có thể được hiểu như sau:

Từ chỗ của tột cùng, được gọi là Nguyên Nhân, cũng là chỗ của sự thật tuyệt đối, được gọi là Nguyên Lý, sản sinh ra hai động lực tối yếu, được gọi là Hai Nguyên Lực, luôn luôn đối kháng nhau nhưng không thể hủy diệt nhau cũng không thể rời nhau và luôn luôn thể hiện qua hai mặt đối lập. Hai nguyên lực này tác động lên bốn yếu tố tối sơ, được gọi là Bốn Nguyên Tố, và thể hiện qua bốn hành trạng của chu kỳ vận động, được gọi là Bốn Nguyên Trạng, đưa tới sự hình thành của tám tính chất tối căn

bản, được gọi là Tám Nguyên Tính. Và sự vận hành của tám nguyên tính này tạo tác nên mọi hiện tượng nằm trong phạm trù có thể hiểu được và có thể lý giải được. Vượt ngoài phạm trù đó dịch học gọi là vô cực.

Thái Cực là gọi theo ngôn ngữ của dịch học. Còn gọi nó là Nguyên Nhân là vì nơi đó là nguồn phát sinh của mọi thứ, mọi cái trong phạm trù có thể thấy biết được. Hoặc gọi nó là Nguyên Lý là vì nơi đó cũng là cội gốc phát sinh của mọi sự, mọi lẽ trong phạm trù có thể luận giải được. Đạo gia gọi ngôi Thái Cực là Thượng Đế, là Ngôi Lời, là Đại Hồn, là Đại Ngã, là Đại Linh Quang, là Đấng Chủ Tế, là Đấng Tạo Hóa, là Hóa Công, là “*khối điển quang vô cực vô biên sinh động mãnh liệt*,” là cái “*làm nên thiên địa vạn vật đồng nhất thể*.” Triết gia nói Sự Thật Tuyệt Đối, nói Chân Lý Tuyệt Đối, nói Thiên Lý, nói Nguyên Thể, nói Âme Universelle (vũ trụ tâm), nói Divine Unity (thái nhất) . . . là nói tới chỗ tột cùng mà dịch học gọi là Thái Cực. Thái Cực = Nguyên Nhân = Nguyên Lý được đại diện bằng một hình vòng tròn với một điểm ở trung tâm. Vòng tròn mà bên trong không có gì khác có ý nghĩa là vô biên hạn, là bao trùm tất cả, là tự nhiên vốn cao vốn tột, không dùng thể dùng lời nói hay văn tự diễn tả, là cực kỳ thuần dương thuần tịnh. Vòng tròn đó đại diện cho ngôi vô cực. Vô cực là trạng thái chưa thể hiện của thái cực. Thái cực là trạng thái thể hiện của vô cực. Tuy hai mà là một, cho nên mới nói vô cực nhi thái cực. Tuy một mà là hai, vì có phân ra thể hiện và chưa thể hiện. Thái cực là đầu mối của tất cả mọi hiện tượng nằm trong phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải được. Vượt ngoài phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải được là vô cực.

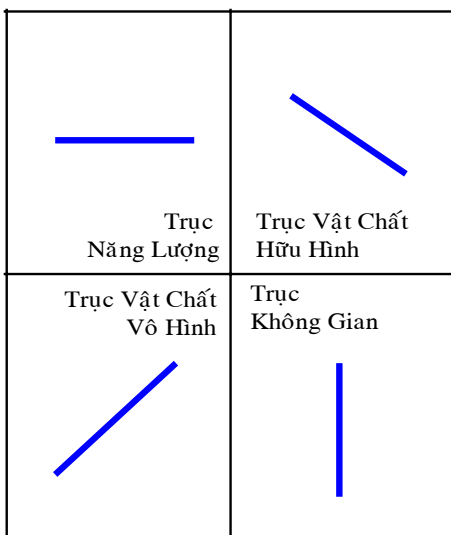
Đặc tính của thái cực là cực tịnh, nhưng đã cực tịnh thì có động phát sinh, sanh ra khối thái dương. Trong khối thái dương có ngôi thiếu âm. Qua thời gian, ngôi thiếu âm trường vượng cực độ hoá thành ngôi thái Âm. Trong thái âm có lại có hàm tàng ngôi thiếu dương. Ngôi Tứ Tượng hiện đủ đều do âm dương động tịnh biến hóa mà có.

Lưỡng Nghi gồm có hai nghi là dương nghi và âm nghi, biểu tượng bằng một vạch liền và một vạch đứt, đại diện cho tính chất động đối đãi với tính chất tĩnh trong chuyển dịch và đại diện cho mặt dương đối đãi với mặt âm trong thể hiện, làm nên sự sinh sinh hóa hoá của càn khôn vạn vật. Hay nói một cách khác, Lưỡng Nghi là hai nguồn lực tối yếu, Lực Động và Lực Bất Động. Hai lực này xô đẩy nhau nhưng không thể hủy diệt nhau cũng không thể rời nhau. Dưới quy luật vận động một tiến một thoái và một sinh một thành, sự tương tác tương tùy của hai nguồn lực làm nên sự chuyển dịch và biến hóa thể hiện thành hai mặt đối lập bất khả ly. Hai nguồn lực này là hai công trình sư tạo tác mọi hiện tượng trong phạm trù có thể hiểu biết được, luận giải được. Và vì là hai nguồn lực tối yếu có mặt trên mọi cấp độ tạo tác và trong mọi sự hình thành cho nên gọi là hai nguyên lực. Theo đó, Hai Nguyên Lực là một cách gọi khác của ngôi Lưỡng Nghi. Lưỡng Nghi = Hai Nguyên Lực được đại diện bằng một vòng tròn bên trong là một nửa đen và một nửa trắng ôm lấy nhau xoay chuyển, lẫn lộn với ý nghĩa là hai nguyên lực này vốn dĩ đã từ ngôi thái cực mà sinh ra.

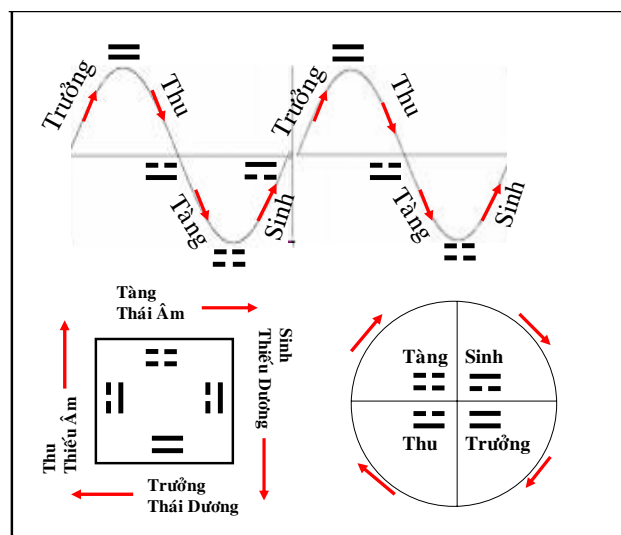
Tứ Tượng gồm có Thiếu Dương, Thái Dương, Thiếu Âm và Thái Âm đại diện cho bốn hành trạng sinh, trưởng, thu, tàng [thành, thịnh, hoại, diệt] trong chu kỳ sinh hóa của vạn vật. Bốn hành trạng này luôn luôn tuân thủ theo quy luật chuyển động khách quan bất biến từ sinh tới trưởng, từ trưởng tới thu, từ thu tới tàng, từ tàng lại sinh và chu kỳ sinh hoá cứ thế tiếp diễn không ngừng, không dứt. Thí dụ như bốn hành trạng của mùa tiết trong năm là xuân, hạ, thu, đông. Quy luật chuyển động khách quan của mùa tiết là từ xuân tới hạ, từ hạ tới thu, từ thu tới đông, rồi từ đông tới xuân tuần tự và liên tục. Bốn hành trạng của thời gian một ngày đêm là sáng, trưa, chiều, tối. Quy luật chuyển động khách quan của thời gian là từ khuya tới sáng, từ sáng tới trưa, từ trưa tới chiều, từ chiều tới khuya, rồi lập lại chu kỳ tuần tự và liên tục.

Đó là theo sự lý giải “cổ điển” của dịch học về Tứ Tượng. Thực ra thì ngôi Tứ Tượng có đến hai mặt. Một mặt, nó đại diện cho bốn yếu tố tối sơ là không gian,

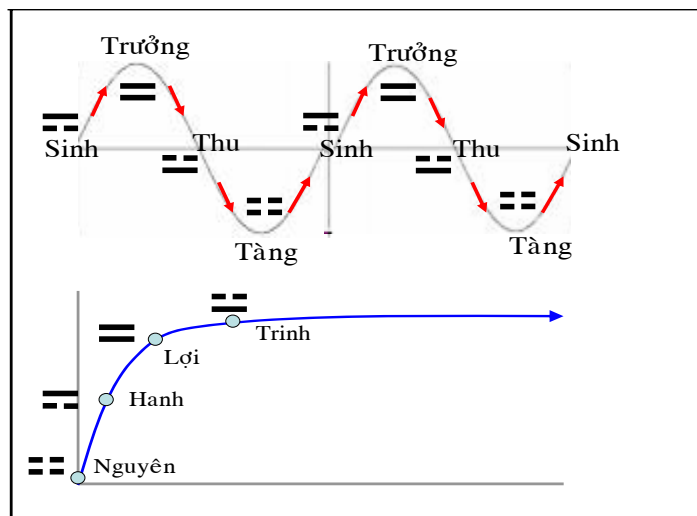
năng lượng, vật chất hữu hình và vật chất vô hình. Dùng chữ tượng để đại diện cho mỗi yếu tố tối sơ đó thì chúng ta sẽ có được tượng không gian, tượng năng lượng, tượng vật chất vô hình, và tượng vật chất hữu hình. Và thay vì gọi là tượng thì hãy tạm gọi là trực. Từ đó 4 tượng sẽ biến thành là trực không gian, trực năng lượng, trực vật chất vô hình, và trực vật chất hữu hình như các bạn thấy trong hình 2A. Và vì 4 tượng là những yếu tố tối sơ nên chúng được gọi là những nguyên tố. Theo đó ngôi Tứ Tượng chính là ngôi Bốn Nguyên Tố.



Hình 2A: Bốn Nguyên Tố



Hình 2B: Bốn Hành Trạng



Hình 2C: Bốn Hành Trạng

Một mặt khác, Tứ Tượng lại đại diện cho bốn hành trạng sinh, trưởng, thu, tàng trong chu kỳ sinh hoá và cho quy luật chuyển động khách quan của chu kỳ sinh hoá như đã trình bày. Theo đó, ngôi Tứ Tượng cũng chính là ngôi Bốn Hành Trạng.

Ngôi Bốn Nguyên Tố và ngôi Bốn Hành Trạng là thể hiện của hai mặt âm dương đối lập nhưng hỗ tương, là chi phối của ngôi Lương Nghi xuống đến [ẩn trong] ngôi Tứ Tượng. Như vậy, nói tóm lại, hai chữ Tứ Tượng là để chỉ cho cả hai mặt là bốn tượng của nguyên tố đồng thời cũng là bốn tượng của hành trạng.

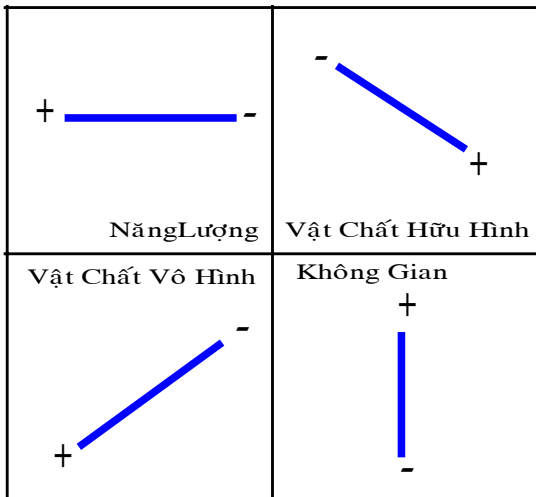
Chưa hết, bốn hành trạng của ngôi Tứ Tượng không phải chỉ đơn giản tuân thủ quy luật chuyển động khách quan sinh, trưởng, thu, tàng hay thành, thịnh, hoại, diệt thể hiện thành chu kỳ liên tục và không đứt như thiên nhiên sinh hoá luôn thể hiện, giống như trong hình 2B. Còn có bốn hành trạng khác mà dịch học cổ điển gọi là nguyên, hanh, lợi, trinh. Nguyên là đầu tiên, là cái to lớn bao trùm lên mọi điều. Hanh là hanh thông, là thuận tiện, là vượt qua được trở ngại, là qua được ranh thành bại, là tập hợp các điều hay, là tập hợp các điều nên làm. Lợi là nên việc, là được việc, là thỏa lòng, là tập hợp các điều phải. Trinh là trung chính, là bền chặt, là lâu dài, là duy trì. Bốn hành trạng này tuân thủ quy luật vận động khách quan nhưng sự chuyển biến và thời gian của mỗi chuyển biến thì tùy thuộc vào những yếu tố liên hệ trong sự vận động, tùy thuộc vào đối tượng chủ động, và tùy thuộc vào mục tiêu. Thời gian trải nghiệm của mỗi hành trạng dài ngắn đều tùy thuộc. Diễn tiến từ một hành trạng này có đưa đến hành trạng kế tiếp hay không cũng tùy thuộc. Bốn hành trạng nguyên, hanh, lợi, trinh là thể hiện một tiến trình trong khi bốn hành trạng thành, thịnh, hoại, diệt là thể hiện của một chu kỳ và sự khác biệt của chúng có thể thấy trong hình 2C. Bốn hành trạng thành, thịnh, hoại, diệt nghiêng về mô tả hiện tượng của thế giới thiên nhiên sinh hoá còn bốn hành trạng nguyên, hanh, lợi, trinh nghiêng về mô tả hiện tượng của thế giới sinh hoá phi thiên nhiên.

Như vậy, ngôi Bốn Hành Trạng cũng có hai mặt đối lập nhưng hỗ tương, cũng là thể hiện của âm dương của ngôi Lưỡng Nghi xuống đến ngôi Tứ Tượng. Trong âm dương có âm dương.

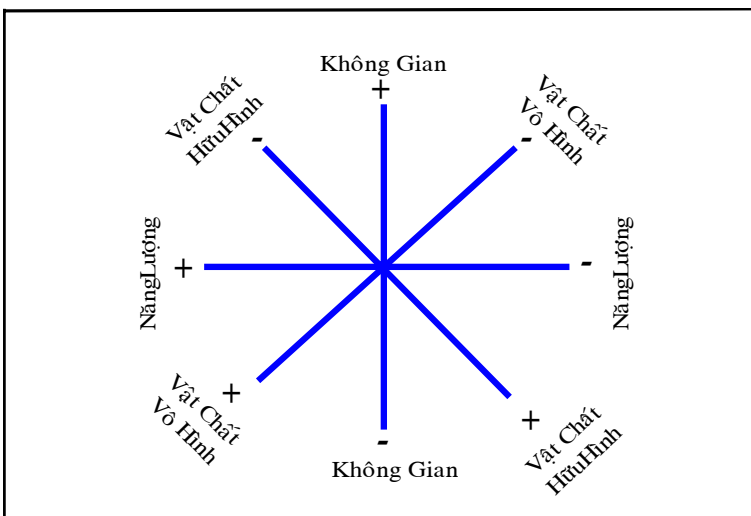
Tại sao cần phải có “4 yếu tố tối sơ” hay nói một cách khác là tại sao phải có thêm khái niệm “4 nguyên tố” vào dịch học? Có người đã từng hỏi như vậy. Và nếu đây cũng là thắc mắc của các bạn thì xin cho phép chúng ta được đặt ra một câu hỏi để trả lời một cách gián tiếp. Như đã trình bày, hai nguồn lực tối sơ, Lực Động và Lực Bất Động, ở ngôi Lưỡng Nghi là hai công trình sư “tạo tác” mọi hiện tượng, vậy chứ hai công trình sư đó tác lên cái gì và tạo từ cái gì? Đã quá rõ phải không? Đây không phải là “thêm” vào một điều gì mới, mà chỉ đơn giản trình bày cái “nó là như vậy.”

Thực ra thì cái gọi là hai mặt của ngôi Tứ Tượng vừa được trình bày cũng không phải là một điều gì quá xa lạ. Đó chỉ là sự thể hiện tất yếu theo đúng quy luật đối xứng của âm dương: đã có thể thì phải có trạng, đã có trạng thì phải có thể. Bốn Nguyên Tố là mặt Thể tất phải có Bốn Hành Trạng cho mặt Trạng. Và trong Bốn Hành Trạng, đã có thường biến thì cũng tất nhiên cũng phải có vô thường biến. Bốn hành trạng sinh, trưởng, thu, tàng là sự vận động thường biến còn bốn hành trạng nguyên, hanh, lợi, trinh là sự vận động vô thường biến dưới ảnh hưởng của quy luật bất biến.

Sự tác động của Hai Nguyên Lực lên Bốn Nguyên Tố làm cho mỗi tượng thể hiện thành hai mặt đối lập. Từ chỗ đó, tượng không gian bày ra thành không gian dương tượng và không gian âm tượng. Tượng năng lượng bày ra thành năng lượng dương tượng và năng lượng âm tượng. Tượng vật chất hữu hình bày ra thành vật chất hữu hình dương tượng và vật chất hữu hình âm tượng. Tượng vật chất vô hình bày ra thành vật chất vô hình dương tượng và vật chất vô hình âm tượng. Sự tương tác của Hai Nguyên Lực lên Bốn Nguyên Tố thể hiện thành hai mặt đối lập của mỗi trục minh họa được như trong hình 3.



Hình 3: Hai Nguyên Lực Thuần Tác Lên Bốn Nguyên Tố



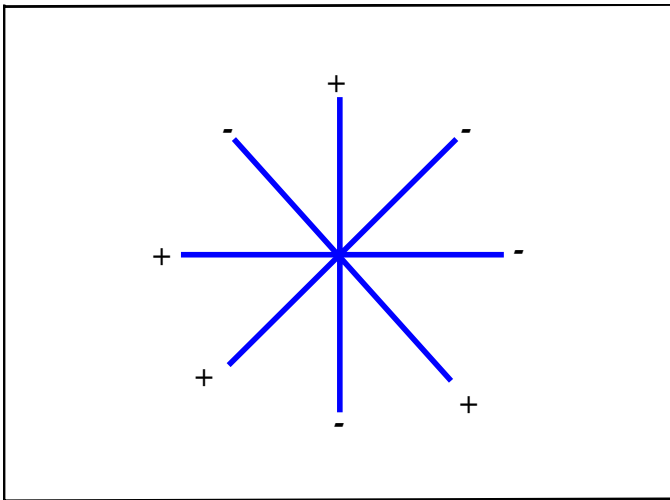
Hình 4A: Hai Nguyên Lực Hỗn Tác Lên Bốn Nguyên Tố

Hai nguồn lực, Lực Động và Lực Bất Động, của ngôi Lương Nghi không chỉ đơn giản “thuần tác” lên từng cái riêng biệt của bốn nguyên tố không gian, năng lượng, vật chất vô hình và vật chất hữu hình của ngôi Tứ Tượng rồi dừng lại ở đó. Hai Nguyên Lực còn tiến đến chỗ “hỗn tác” lên bốn nguyên tố đó qua những quy luật mà dịch học gọi là “tiến thoái, phản phúc, giao cảm, tương thông, xô đẩy, biến hóa.” Đại diện cho động trình hỗn tác đó không cần tìm đâu xa mà có thể

thấy ngay trên minh họa của bốn trục không gian, năng lượng, vật chất vô hình, và vật chất hữu hình nằm chồng lên nhau ở trung điểm của mỗi trục như trong hình 4A.

Nhìn vào đồ hình 4A này chúng ta thấy gì? Có phải chẳng dường như nó mô tả một cách khái quát về một vũ trụ đang vận hành, một vũ trụ sinh động, một vũ trụ tồn tại do sự hiện hữu đồng thời của hai mặt đối lập?

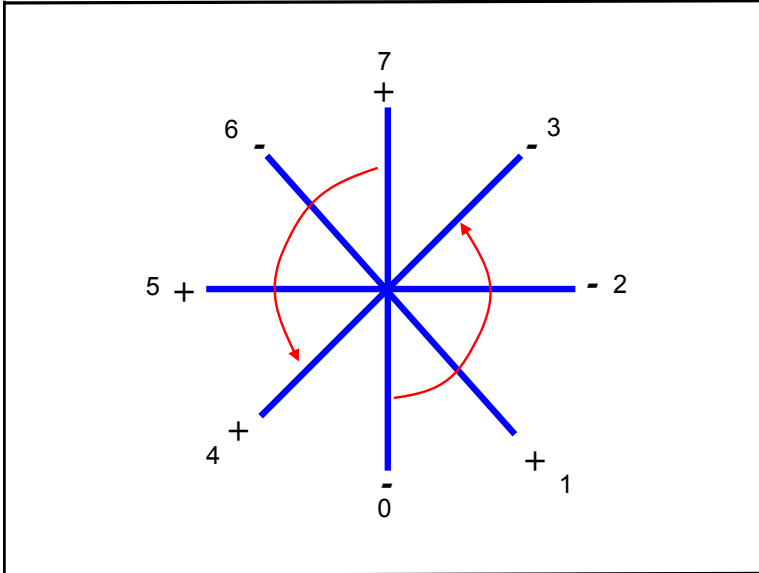
Ở giai đoạn này thì đồ hình chỉ mới có 4 trục chồng lên nhau và những ký hiệu âm dương ở đầu mỗi trục mà thôi, như trong hình 4B. Còn những chữ không gian, năng lượng, vật chất vô hình và vật chất hữu hình chỉ là những chú thích tạm thời đặt lên đó.



Hình 4B: Hai Nguồn Lực Hỗn Tác Lên Bốn Nguyên Tố

Bây giờ chúng ta thử dùng tám số thập phân, từ 0 đến 7, để gắn vào mỗi cực của đồ hình 4B với một nửa những con số, từ 7 tới 4, đi từ trên vòng xuống bên trái theo thứ tự, và một nửa những con số còn lại, từ 0 tới 3, đi từ dưới vòng lên bên phải theo thứ tự, giống như trong hình 5. Với sự phân bố như vậy thì nửa vòng cung 0-1-2-3 sẽ đối lập với nửa vòng cung 7-6-5-4, tuân thủ quy luật của Lưỡng

Nghi thể hiện thành hai mặt đối lập. Thực ra thì số thập phân bắt đầu từ 1 nhưng vì để đơn giản hoá [khỏi phải điều chỉnh ở những bước về sau] nên đã dùng từ số 0 tới 7 thay vì từ số 1 tới 8.



Hình 5: Phân Bố Số Thập Phân

Từ đồ hình này chúng ta thấy thêm được gì? Có phải chăng là sự phân bố của đồ hình thể hiện sự cân đối cao độ, cân & đối giữa hai đầu của mỗi trục cũng như cân & đối giữa hai nhóm trục?

Quan sát đồ hình chúng ta ghi nhận được như sau:

1. Nửa vòng cung 7-6-5-4 có bốn cực, theo thứ tự từ số lớn tới số nhỏ, và theo thứ tự từ trên xuống vòng qua bên trái. Nửa vòng cung 0-1-2-3 cũng có bốn cực, theo thứ tự từ số nhỏ tới số lớn, và theo thứ tự từ dưới lên vòng qua bên phải.
2. Nửa vòng cung 0-1-2-3 có một dương và ba âm. Nửa vòng cung 7-6-5-4 có ba dương và một âm. Nếu như tỷ trọng của dương bằng với tỷ trọng của âm và bằng một biến số X hoặc nói một cách khác có vẽ toán học hơn

là $(+) = (-) = X$ thì nhóm 0-1-2-3 sẽ có tỷ trọng là $1(+) + 3(-) = 1(x) + 3(x) = 4x$ và nhóm 7-6-5-4 sẽ có tỷ trọng là $3(+) + 1(-) = 3(x) + 1(x) = 4x$. Như vậy tỷ trọng của nhóm 0-1-2-3 cân bằng với tỷ trọng của nhóm 7-6-5-4.

Lấy một trục trong đồ hình làm trục chuẩn, bất cứ là trục nào, để chia thành hai nhóm đối xứng nhau qua trục đó và thử quan sát từ một góc nhìn khác:

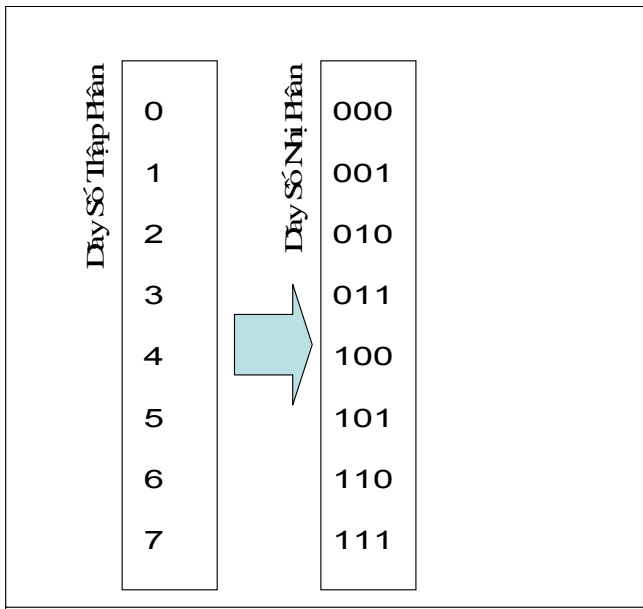
1. Nếu như không tính trục chuẩn vào số đếm âm dương của cả nhóm, thì mỗi nhóm sẽ có 3 cực và lúc nào cũng thể hiện $2(-) + 1(+)$ đối xứng với $2(+) + 1(-)$. Và nếu như tỷ trọng của dương bằng với tỷ trọng của âm và bằng một biến số X hoặc nói một cách khác có vẽ toán học hơn là $(+) = (-) = x$ thì sẽ đưa đến kết quả là tỷ trọng của nhóm $2(-) + 1(+)$ sẽ bằng với tỷ trọng của nhóm $2(+) + 1(-)$ bằng với $2(x) + 1(x) = 3x$. Như vậy là tỷ trọng của hai nhóm cân bằng nhau.
2. Nếu như tính trục chuẩn vào số đếm âm dương của cả nhóm, thì mỗi nhóm sẽ có 5 cực và lúc nào cũng thể hiện $3(-) + 2(+)$ đối xứng với $3(+) + 2(-)$. Và nếu như tỷ trọng của dương bằng với tỷ trọng của âm và bằng một biến số X hoặc nói một cách khác có vẽ toán học hơn là $(+) = (-) = x$ thì sẽ đưa đến kết quả là tỷ trọng của nhóm $3(-) + 2(+)$ sẽ bằng với tỷ trọng của nhóm $3(+) + 2(-)$ bằng với $3(x) + 2(x) = 5x$. Như vậy là tỷ trọng của hai nhóm cũng cân bằng nhau.

Từ những ghi nhận trên chúng ta có thể kết luận là đồ hình có sự cân đối cao độ trong cấu trúc của nó. Đối xứng cao độ và cân bằng cao độ.

Và cũng xin được mở ngoặc ở đây để lưu ý một điểm là tuy chúng ta có nói “giả dụ tỷ trọng của dương bằng tỷ trọng của âm” nhưng cũng nên thấy là sự giả dụ này thực sự không cần thiết vì tỷ trọng của dương “bắt buộc phải” bằng tỷ trọng của âm để vũ trụ này duy trì, đứng trên căn bản của vật lý học. Dùng chữ giả dụ thực ra chỉ để duy trì lô-gic mà thôi. Tại sao chúng ta phải chú ý đến điểm này? Câu trả lời rất đơn giản: vì nó liên quan đến việc phản biện lập luận của một vài

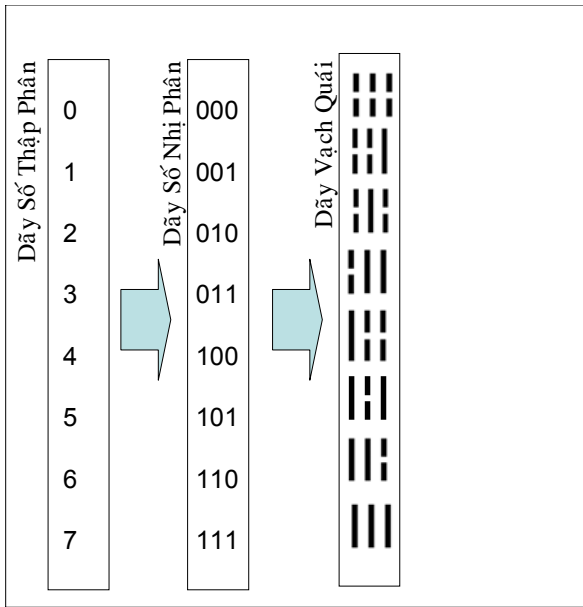
nhà nghiên cứu dịch học vì họ đã chứng minh giải pháp của mình đưa ra bằng cách tùy tiện lấy tỷ số 3/2 [cho dương = 3 và âm =2] để làm nên một sự cân xứng miễn cưỡng.

Sau khi đã phân bố những con số thập phân cho đồ hình chúng ta thử tiến một bước nữa là đổi những con số thập phân này thành những con số nhị phân (binary digits). Kết quả của sự chuyển đổi dãy số, từ hệ số thập phân qua hệ số nhị phân, sẽ giống như trong Hình 6.



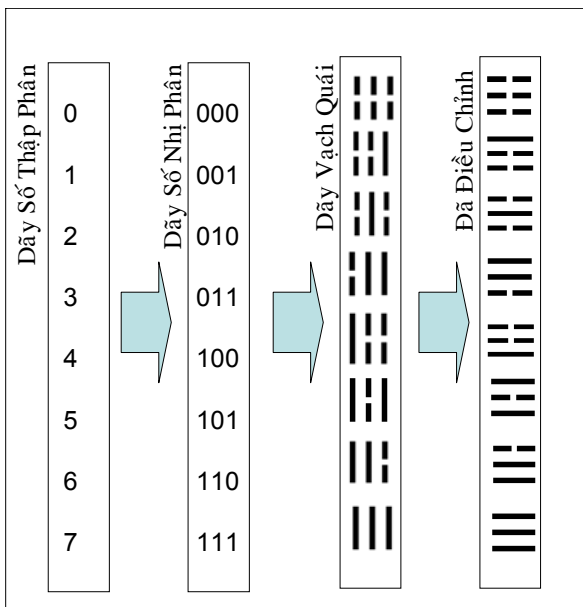
Hình 6: Chuyển Đổi Dãy Số Từ Hệ Thập Phân Qua Hệ Nhị Phân

Chưa hết, chúng ta thử tiến thêm một bước nữa là chuyển đổi những con số nhị phân trong hình 6 thành những vạch liền và vạch đứt, vạch liền tượng trưng cho con số 1 dương động và vạch đứt cho con số 0 âm tịnh. Chúng ta sẽ có được kết quả như trong hình 7.



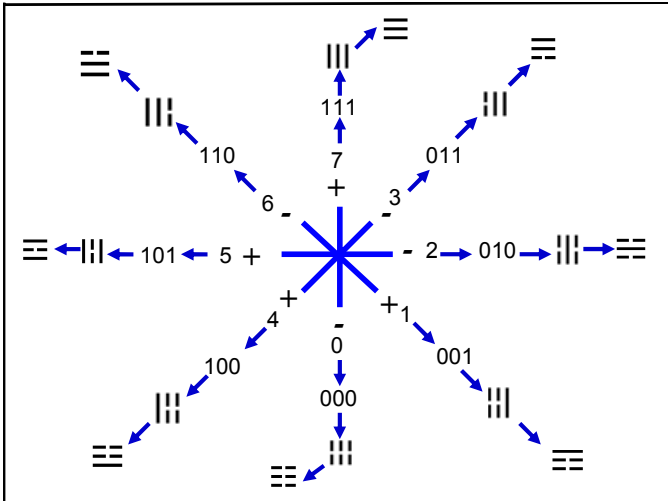
Hình 7: Chuyển Đổi Dây Số Nhị Phân Qua Vạch Quái

Vì dãy số nhị phân viết thứ tự theo chiều ngang còn vạch quái viết thứ tự theo chiều dọc cho nên thêm một lần nữa cần sự điều chỉnh bằng cách đem những vạch quái xoay 90 độ nghịch chiều kim đồng hồ để cho tương ứng trong cách viết. Như vậy chúng ta sẽ có kết quả như trong hình 8.



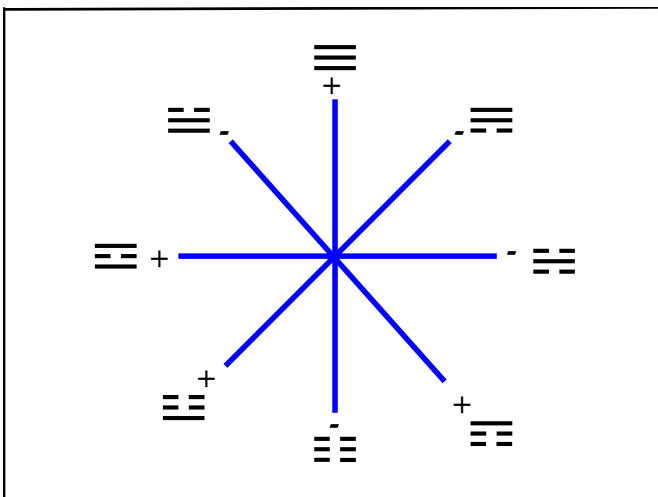
Hình 8: Điều Chỉnh Vạch Quái , Xoay Nghịch 90 Độ

Tiến trình chuyển đổi từ số thập phân qua số nhị phân, qua vạch quái, rồi điều chỉnh vạch quái được mô tả trên mỗi trục của hình 9 [là sản phẩm sau khi đem thông tin từ hình 8 phối vào hình 5].



Hình 9: Tiến Trình Chuyển Đổi Phân Bố Trên Mỗi Trục

Chỉ giữ lại những vạch quái được hoàn chỉnh và bỏ hết những chi tiết khác, chúng ta sẽ có được hình 9B.



Hình 9B: Phân Bố Vạch Quái Đã Hoàn Chỉnh

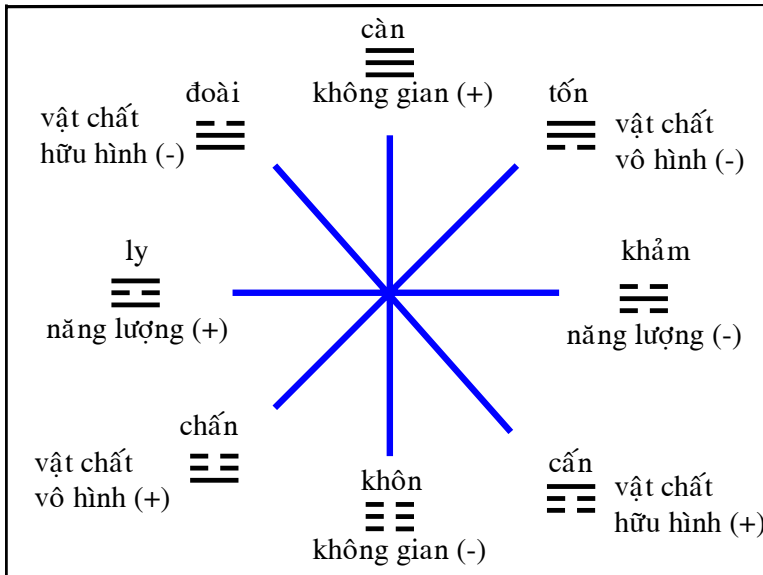
Từ đồ hình này chúng ta nhìn thấy được cái gì? À, thì ra cái hình này chính là một bát quái đồ. Không sai, đây chính là một bát quái đồ. Gọi nó là tiên thiên bát quái đồ thì chính xác hơn.

Qua những bước giải trình vừa rồi, bắt đầu từ khâu phân bố dãy số thập phân cho đến khâu chuyển đổi từ hệ số thập phân qua hệ số nhị phân rồi chuyển đổi từ hệ số nhị phân qua hệ vạch quái ở khâu sau cùng, chúng ta đã thấy rõ từ đâu mà có những vạch đứt vạch liền có vẽ rất ư là “huyền bí” trên đồ hình bát quái. Quan trọng hơn, sự tuần tự lý giải từ cụm chữ “*vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” đến chỗ hình thành toàn vẹn một bát quái đồ chủ đích là để làm sáng tỏ một số điểm quan trọng. Đó là, thứ nhất, cho thấy tiên thiên bát quái đồ từ đâu mà có. Thứ hai, cho thấy cấu trúc của tiên thiên bát quái đồ từ đâu mà thành. Thứ ba, cho thấy tính chất hợp lý trong tiến trình thành lập tiên thiên bát quái đồ. Thứ tư, cho thấy tính hệ thống trong sự tổng hợp những quy luật nhìn thấy trong cấu tạo của tiên thiên bát quái đồ.

Học giả của dịch học đa số đều cho là những đồ hình bát quái từ Đồ Thư mà ra. Với những gì chúng ta vừa khám phá e rằng giải thích đó của họ khó có thể thuyết phục. Lại càng khó thuyết phục hơn với những huyền thoại cho là những vị cổ thánh “học” từ những văn đốm trên lưng của những con vật vô tri. Hệ Từ Truyện, Thiên Hạ Chương 2 Tiết 1, đã viết: “*Cổ giả Bào Hy thị chi vương thiên hạ giả, ngưỡng tắc quan thượng ư thiên, phủ tắc quan pháp ư địa, quan điều thú chi văn, dĩ địa chi nghi, cận thủ chư thân, viễn thủ chư vật, ư thị thủy tác bát quái dĩ thông thần minh chi đức, dĩ loại vạn vật chi tình.*” Tạm dịch là ngày xưa họ Bào Hy [Phục Hy] cai trị thiên hạ, ngưỡng lên nhìn hình tượng trên trời, cúi xuống xét quy luật dưới đất, xem văn vẽ của cầm thú, nghiệm sự thích nghi với trời đất, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở vật, rồi làm ra tám quái để thông suốt cái đức của thần minh điều hòa cái tình của vạn vật. Sự giải thích “ngưỡng lên nhìn hình

tượng trên trời, cuối xuống xét quy luật dưới đất . . . rồi làm ra tám quái” trong hệ từ có lẽ là có căn bản hơn.

Trở lại vấn đề chính, Hai Nguyên Lực thuần tác lẫn và hỗn tác lên Bốn Nguyên Tố thể hiện thành tám tính chất tối căn bản gọi chung là Tám Nguyên Tính, đại diện cho tất cả mọi hiện tượng trong phạm trù có thể thấy hiểu được. Dịch học đặt tên cho Tám Nguyên Tính này là Bát Quái và “càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn” chính là tên gọi của tám quái.



Hình 10: Tiên Thiên Bát Quái Đờ

Vì hiện tượng trong phạm trù “có thể thấy hiểu được” rất nhiều, nhiều đến mức không có con số giới hạn, cho nên mỗi quái của bát quái đờ bắt buộc phải đại diện cho một tập hợp rất lớn những hiện tượng đó. Điều này có nghĩa là mỗi nguyên tính của tám quái phải tổng quát đến mức độ có thể bao trùm tất cả mọi thứ trong thế giới hiện tượng. Hay nói một cách khác là tám chữ “càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn” gắn cho tám quái cũng chính là tên gọi của tám tập hợp rộng lớn của mọi hiện tượng trong vũ trụ được xếp theo trật tự “có cùng một

tính chất tối sơ.” Tám tập hợp của những hiện tượng có cùng tính chất tối sơ đó là gì? Là những tập hợp “không gian dương tính, không gian âm tính, năng lượng dương tính, năng lượng âm tính, vật chất vô hình dương tính, vật chất vô hình âm tính, vật chất hữu hình dương tính, vật chất hữu hình âm tính” đã được nói qua rồi. Tám tập hợp, yếu tính tối sơ của mỗi tập hợp, tên của mỗi tập hợp, và biểu tượng của mỗi tập hợp được minh họa trong hình 10.

Như vậy, một quái không phải đơn giản tượng trưng cho một thứ hay một vật gì đó mà nó bao gồm tất cả những cái, những thứ có cùng một nguyên tính, cái gọi là tính chất tối sơ, của quái đó để có thể xếp vào tập hợp mà quái đó tượng trưng.

Càn quái không phải chỉ đơn giản là “trời” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “không gian dương tính” nằm trên trục không gian và thuộc về tượng không gian. Tính chất tối sơ của càn là không gian dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “không gian dương tính” có nghĩa là “không gian mở,” là “trống rỗng, thông thoáng,” là “có thể chứa đựng,” là “có thể che,” là “có thể làm giảm áp suất.” Hiểu như thế thì sẽ thấy Càn quái tượng trưng cho nhiều thứ. Lớn thì là không gian bao la của vũ trụ. Nhỏ hơn có thể là khoảng không gian trong một lòng núi, khoảng không gian trong một ngôi nhà, khoảng không gian trong một cái thùng, khoảng không gian trong một cái chai, khoảng không gian trong một cái hộp nhỏ, vân vân.

Khôn quái không phải chỉ đơn giản là “đất” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “không gian âm tính” nằm trên trục không gian và thuộc về tượng không gian. Tính chất tối sơ của khôn là không gian âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “không gian âm tính” có nghĩa là “không gian đóng, khép kín,” là “đã đầy, đã chiếm dụng,” là “có thể nâng đỡ,” là “có thể làm tăng áp suất.” Hiểu như vậy thì sẽ thấy khôn quái tượng trưng cho nhiều thứ. Xa là tất cả thiên thể trong vũ trụ. Gần hơn là mặt bằng và lòng đất của địa cầu

này. Gần hơn nữa là khoảng không gian đặc [không có chỗ chứa] hoặc khoảng không gian đã chiếm dụng [không thể chứa thêm] hoặc khoảng không gian khép kín [không thông với bên ngoài] nằm trong mọi thứ trên mặt đất.

Ly quái không phải chỉ đơn giản là “lửa” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “năng lượng dương tính” nằm trên trục năng lượng và thuộc về tượng năng lượng. Tính chất tối sơ của ly là năng lượng dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì năng lượng dương tính có nghĩa là là “nóng,” là “tỏa sáng,” là “cháy bùng,” là “bốc lên,” là “nhiệt độ cao hơn nhiệt độ của môi trường,” là “có thể làm tăng nhiệt,” là “có thể hóa nhiệt,” là “có thể đốt cháy.” Hiểu như vậy thì sẽ thấy quái ly tượng trưng cho nhiều thứ. Nói rộng là tất cả những gì nóng, sáng, cháy, bốc lên trong vũ trụ. Nói hẹp là tất cả những gì nóng, sáng, cháy, bốc lên, có thể hóa nhiệt, có thể làm tăng nhiệt trên mặt đất.

Khảm quái không phải là “nước” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “năng lượng âm tính” nằm trên trục năng lượng và thuộc về tượng năng lượng. Tính chất tối sơ của khảm là năng lượng âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “năng lượng âm tính” có nghĩa là “lạnh,” là “trầm xuống,” là “thấm xuống,” là “chảy tràn vào chỗ thấp,” là “rung chuyển khi có vật ngoài xúc chạm vào,” là “tối tăm,” là “nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ của môi trường,” là “có thể làm giảm nhiệt,” là “có thể hóa hàn,” là “có thể làm lạnh cứng,” là “có thể làm cho tắt lịm.” Hiểu như vậy thì sẽ thấy quái khảm tượng trưng cho nhiều thứ. Nói rộng là tất cả những gì lạnh, tối, tắt, trầm xuống trong vũ trụ. Nói hẹp là tất cả những gì lạnh, tối, tắt, trầm xuống, chảy tràn vào chỗ thấp trên mặt đất.

Cấn quái không phải chỉ đơn giản là “núi” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “vật chất hữu hình dương tính” nằm trên trục vật chất hữu hình và thuộc về tượng vật chất hữu hình. Tính chất tối sơ của cấn là vật chất hữu hình dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất hữu hình dương tính” có nghĩa là “đặc,” là “cứng,” là “nặng,” là “vững vàng, khó xô dịch,” là

“có thể ngưng kết.” Hiểu như vậy thì sẽ thấy quái căn tượng trưng cho nhiều thứ. Nói xa là tất cả những gì rắn, đặc, ngưng kết, nặng hơn trong vũ trụ. Nói gần là tất cả những gì rắn, đặc, ngưng kết, nặng hơn, vững vàng hơn trên mặt đất.

Đoài quái không phải chỉ đơn giản là “ao đầm” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “vật chất hữu hình âm tính” nằm trên trục vật chất và thuộc về tượng vật chất. Tính chất tối sơ của đoài là vật chất hữu hình âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất hữu hình âm tính” có nghĩa là là “mềm,” là “lỏng,” là “có thể bốc hơi,” là “làm cho nhẹ hơn.” Hiểu như vậy thì sẽ thấy quái đoài tượng trưng cho nhiều thứ. Nói xa là tất cả những gì mềm, lỏng, có thể bốc hơi, nhẹ hơn trong vũ trụ. Nói gần là tất cả những gì mềm, lỏng, có thể bốc hơi, nhẹ hơn trên mặt đất.

Chấn quái không phải chỉ đơn giản là “sấm sét” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “vật chất vô hình dương tính” nằm trên trục vật chất vô hình và thuộc về tượng vật chất vô hình. Tính chất tối sơ của chấn là vật chất vô hình dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất vô hình dương tính” có nghĩa là “khí quang,” là “chớp,” là “lóe sáng,” là “có thể hóa quang,” là “làm cho nổ.” Hiểu như vậy thì sẽ thấy quái chấn tượng trưng cho nhiều thứ. Nói xa là tất cả những nguồn khí quang [plasma; ionic gas, khí bị đoạt mất âm điện tử], là tất cả những nguồn điện quang, là những gì chớp, loé, nổ, phát sáng trong vũ trụ. Nói gần là tất cả những nguồn khí quang, là những nguồn điện quang, là những gì chớp, loé, nổ, phát quang ngay trên mặt đất, trong đó có ánh sét.

Tốn quái không phải chỉ đơn giản là “gió” mà nó bao gồm tất cả những thứ, những cái có thể xếp vào tập hợp “vật chất vô hình âm tính” nằm trên trục vật chất vô hình và thuộc về tượng vật chất vô hình. Tính chất tối sơ của tốn là vật chất vô hình âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất vô hình âm tính” có nghĩa là “khí,” là “trường,” là “có thể hoá âm,” là “làm cho phát ra âm thanh,” là

“làm cho nghe tiếng.” Hiểu như vậy thì sẽ thấy quái tổn tượng trưng cho nhiều thứ. Nói xa là không khí, là từ trường và những thể hiện thuộc âm thanh trong vũ trụ. Nói gần là tất cả những chất khí, là sức hút của trái đất, là trọng lực, là từ trường của vật chất, là những thể hiện thành âm thanh trên mặt đất, trong đó có tiếng sấm.

Từ đây về sau cụm chữ “tất cả những cái, những thứ” sẽ được gom chung vào cụm chữ “thể-dạng-tính-trạng-hành” khi nói về những từ vựng dùng để mô tả những thể hiện của vũ trụ. Thể là thể loại. Dạng là hình dạng. Tính là tính chất. Trạng là trạng thái. Hành là chuyển dịch, là hành vi, là hành động, là thực hiện.

Vũ trụ là sự hiện hữu cùng một lúc của hai mặt đối lập. Vũ trụ tiếp tục tồn tại là do sự vận động tương tác và biến hoá không ngừng nghỉ của hai lực đối kháng. Nhưng vũ trụ sẽ không thể hiện hữu nếu thiếu một trong bốn yếu tố tối căn bản: không có không gian, không có năng lượng, không có vật chất vô hình và không có vật chất hữu hình. Vũ trụ là thể hiện của thái cực nằm trong phạm trù có thể thấy hiểu và luận bàn. Tính chất tối sơ của vũ trụ được mã hóa thành tám quái đại diện cho tám tập hợp của mọi hiện tượng. Có bao quát đến mức độ như vậy thì tiên thiên bát quái đồ mới có thể là một mô hình khả dĩ có năng lực giải thích nguồn gốc phát sinh của vũ trụ cũng như năng lực mô tả sự vận động của mọi hiện tượng trong vũ trụ đúng như những học giả và những nhà ứng dụng dịch học đã tán thán.

Trong chuỗi giải trình của chúng ta còn có hai vấn đề cần được làm sáng tỏ. Vấn đề thứ nhất là chúng ta không thấy có yếu tố thời gian trong tiên thiên bát quái. Tại sao? Vấn đề thứ hai là chúng ta thấy trong tiến trình lý giải “*vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” rõ ràng là có một sự hiện hữu độc lập của Bốn Nguyên Tố đối với Hai Nguyên Lực [gián tiếp qua câu hỏi “vậy chứ hai công trình

sư đó tác lên cái gì và tạo từ cái gì?"]. Nếu là vậy thì làm sao có thể nói là lưỡng nghi sinh ra tứ tượng?

Mọi người đều biết thời gian đối với thế giới sống của chúng ta là một yếu tố bất khả ly. Nó luôn luôn đi liền với yếu tố không gian. Tất cả mọi tính toán trên mặt đất này đều đặt trên căn bản thời-không. Tuy biết là vậy nhưng truy cho cùng thì thời gian chỉ hiện hữu trong khái niệm của con người chứ không phải là sự thật của vũ trụ. Tôn giáo nói nhiều về điều này, nhất là trong kinh điển Phật giáo. Một số khoa học gia cũng cho rằng thời gian chỉ là ảo tưởng của con người; và chúng ta cần nên hiểu là phát biểu này của họ, những khoa học gia, xuất phát từ nền tảng khoa học vật lý chứ không phải xuất phát từ triết học trừu tượng. Cho nên, không có tượng thời gian trong tiên thiên bát quái đồ không phải là một điều bất hợp lý.

Chữ “sinh” có thể hiểu theo hai cách. Cách hiểu thứ nhất là cách quen thuộc theo kiểu từ A đẻ ra B, nếu không có A thì cũng không có B. Cách hiểu này thì sự hiện hữu của B tùy thuộc vào sự hiện hữu của A. Cách hiểu thứ hai là theo kiểu định vị thứ tự từ A rồi mới tới B. Không có A thì B vẫn hiện hữu nhưng nếu A và B hiện hữu cùng một lúc thì B phải đứng sau A. Nói một cách khác, cả hai cách hiểu đều là A sinh B nhưng cách thứ nhất là “thực thể A sinh thực thể B” còn cách thứ hai là “vị thế A sinh vị thế B.” Hay diễn dịch một cách khác cho dễ hiểu hơn, thay vì chúng ta nói “*vô cực nhi thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” chúng ta cũng có thể trình bày là “vô cực tới thái cực, thái cực tới lưỡng nghi, lưỡng nghi tới tứ tượng, tứ tượng tới bát quái, bát quái tới càn khôn vạn vật.” Hoặc trình bày một cách khác nữa là “vô cực → thái cực, thái cực → lưỡng nghi, lưỡng nghi → tứ tượng, tứ tượng → bát quái, bát quái → càn khôn vạn vật.” Hoặc là trình bày một cách khác nữa bằng mô hình toán số nhị phân là “ $0 \rightarrow 2^0 \rightarrow 2^1 \rightarrow 2^2 \rightarrow 2^3 \rightarrow 2^n$.” Như vậy thì chúng ta sẽ không khó để nhận thấy chữ “sinh” là để mô tả chiều phát triển hay chiều đi ra xa từ trên tầng vô cực

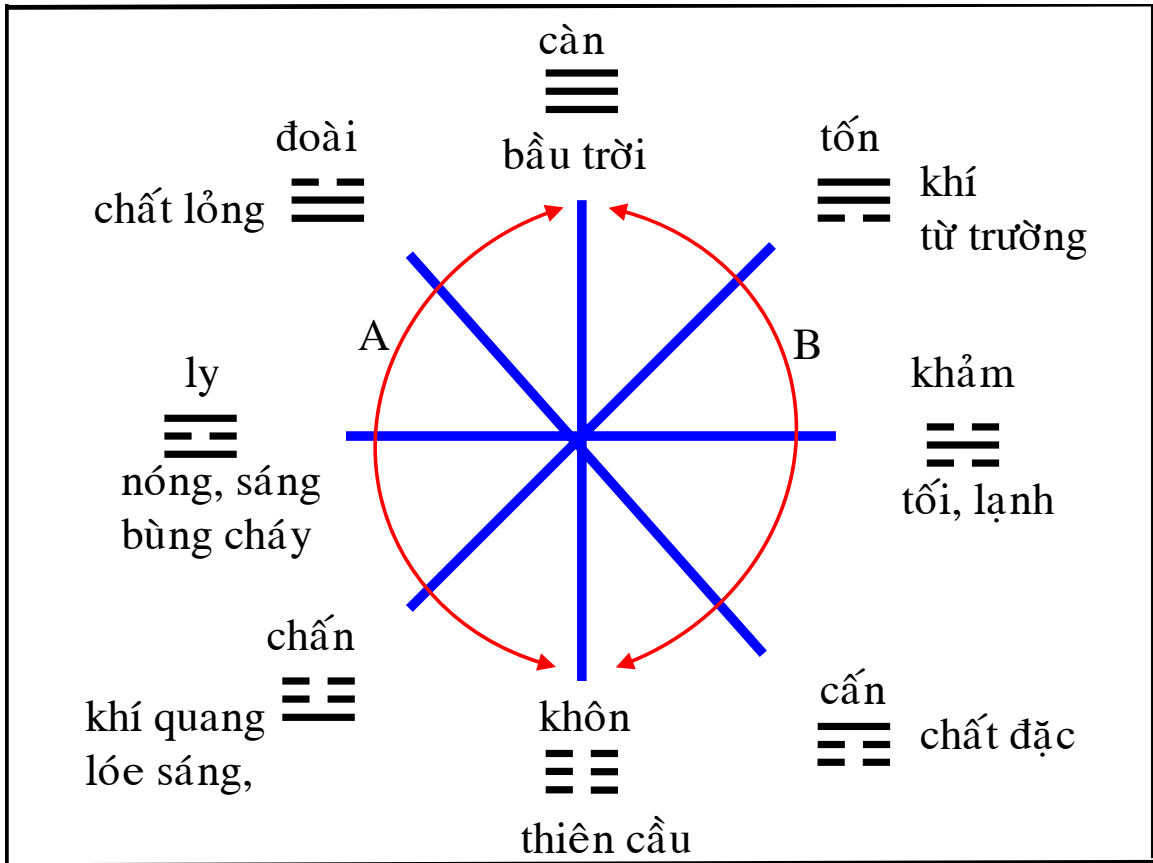
xuống tới tầng vạn vật, từ tầng 0 cho tới tầng 2^n . Có hiểu chữ sinh như vậy thì chúng ta mới thấy sự hợp lý của chiều trở về, chiều phản phục “ $0 \leftarrow 2^0 \leftarrow 2^1 \leftarrow 2^2 \leftarrow 2^3 \leftarrow 2^n$.” Hoặc “vô cực \leftarrow thái cực, thái cực \leftarrow lưỡng nghi, lưỡng nghi \leftarrow tứ tượng, tứ tượng \leftarrow bát quái, bát quái \leftarrow càn khôn vạn vật.” Cụm chữ “mới thấy sự hợp lý” được sử dụng là vì nếu hiểu chữ sinh theo kiểu “mẹ sinh con” thì không thể có chuyện “con sinh mẹ” theo chiều ngược lại. Nói tóm lại, chữ “sinh” ở đây là vừa dùng để mô tả sự tùy thuộc vừa dùng để mô tả sự tương quan theo chiều diễn tiến sinh thành của vũ trụ. Cho nên, dầu là sự hiện hữu của bốn nguyên tố ở ngôi Tứ Tượng có độc lập với sự hiện hữu của hai động lực ở ngôi Lưỡng Nghi đi nữa nhưng tương quan thứ tự trong diễn tiến sinh thành của sự vũ trụ thì vẫn đúng là “*vô cực nhi thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” để từ đó mới có cái gọi là “*nhất bản tán vạn thù*” rồi “*vạn thù qui nhất bản*.”

B. Tiên Thiên Bát Quái Đồ Thực Sự Là Cái Gì?

Như đã từng được nghi vấn, có phải chăng tiên thiên bát quái đồ là một mô hình có khả năng giải thích nguồn gốc phát sinh của vũ trụ cũng như khả năng mô tả sự vận động của mọi hiện tượng trong vũ trụ? Thật sự trả lời câu hỏi này sẽ cần rất nhiều thời gian nghiên cứu và bằng chứng. Trong phạm vi của bài viết này chúng ta chỉ có thể tiến hành việc sử dụng tiên thiên bát quái đồ để “thử giải thích” một số hiện tượng căn bản mà chúng ta thấy biết và lý giải được rồi nghiệm xem tiên thiên bát quái đồ “khả dĩ” có đất đứng hay không về mặt ứng dụng.

Nếu chúng ta chia tiên thiên bát quái đồ ra làm hai qua trục không gian thì một nửa của bát quái đồ, như vòng cung A trong hình 11, chiếm 5 quái theo thứ tự càn-đoài-ly-chấn-khôn và một nửa kia, như vòng cung B, chiếm 5 quái theo thứ tự khôn-cấn-khảm-tốn-càn. Gọi nhóm quái nằm trong vòng cung A là tập hợp A

và nhóm quái nằm trong vòng cung B là tập hợp B. Hai tập hợp A và B đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:



Hình 11: Hiện Tượng Vũ Trụ Đang Vận Hành



Thiên Hà NGC 6217



Tinh Vân NGC 6302

A: {(bầu trời) + (chất lỏng) + (nóng, sáng, bùng cháy) + (khí quang, lóe sáng) + (thiên cầu)}. Hoặc trình bày một cách khác là A: { bầu trời + chất lỏng + nóng + sáng + bùng cháy + khí quang + lóe sáng + thiên cầu}.

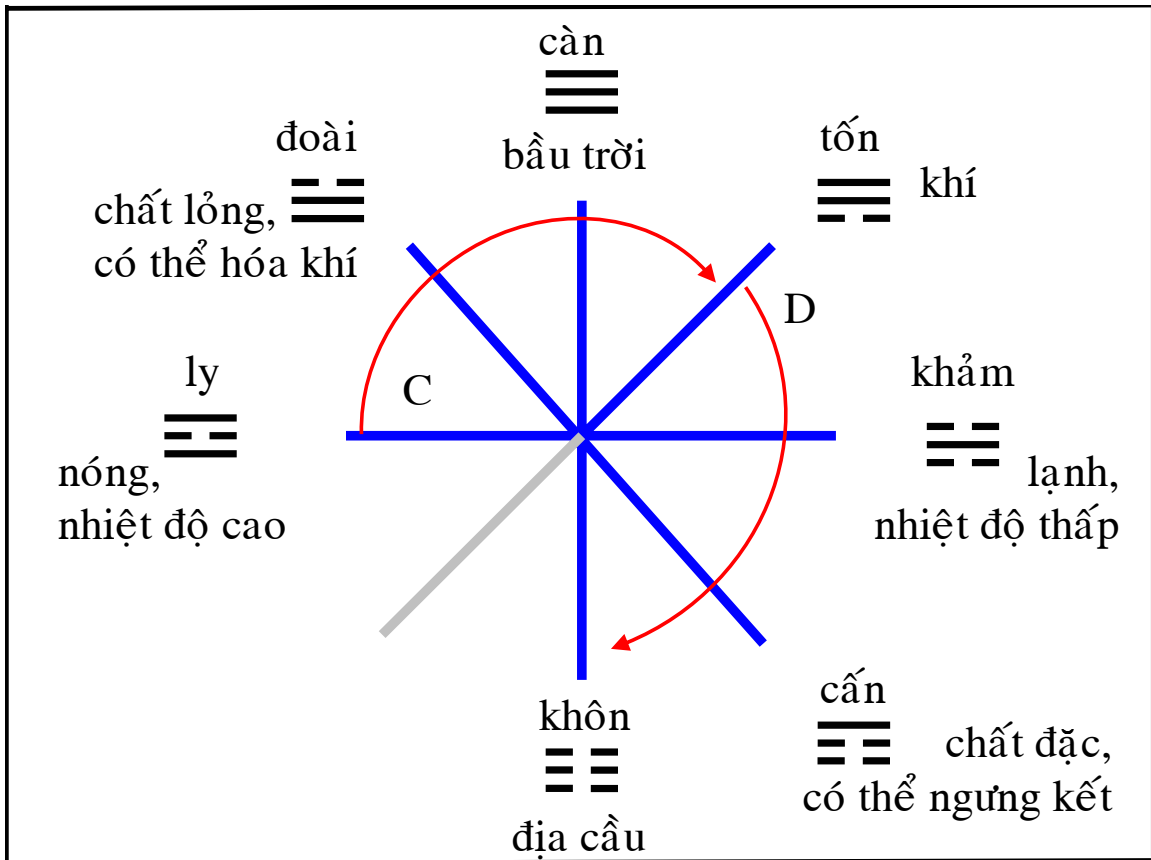
B: {(bầu trời) + (chất khí, từ trường) + (tối, lạnh) + (chất đặc) + (thiên thể)}.
Hoặc trình bày một cách khác là B: { bầu trời + chất khí + từ trường + tối + lạnh + chất đặc + thiên thể}.

Nhìn vào nội dung của tập hợp A chúng ta hình dung được điều gì? Phải chăng nó mô tả cho chúng ta thấy hình ảnh của một bầu trời trong đó những thiên văn, những khí cầu đang hừng hực khí quang (stars, nova) và những dãy thiên hà rực rỡ ánh sáng (galaxies) . . . bầu trời của sự thể hiện năng lượng dương? Rồi nhìn vào tập hợp B chúng ta hình dung được điều gì? Phải chăng chúng ta thấy một hình ảnh ngược lại? Cũng là cùng một bầu trời nhưng là phần không gian chứa đựng những thứ mà vật lý thiên văn mô tả là năng lượng tối (dark energy), vật chất tối (dark matter), những lỗ đen (black holes) và những thiên cầu đã nguội lạnh (planets) và những thiên thể (asteroids)?

Nếu lấy 4 quái theo thứ tự ly-đoài-càn-tốn trên tiên thiên bát quái đồ như vòng cung C, trong hình 12, và lấy 5 quái theo thứ tự càn-tốn-khảm-cấn-khôn như vòng cung D, cũng nằm trong hình 12, chúng ta có tập hợp C và tập hợp D đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:

C: {(nóng, nhiệt độ cao) + (chất lỏng, có thể hóa khí) + (bầu trời) → (khí)}.
Hay trình bày một cách khác là C: { nhiệt độ cao + chất lỏng có thể hóa khí + bầu trời [cho ra] không khí [bay lên]}.

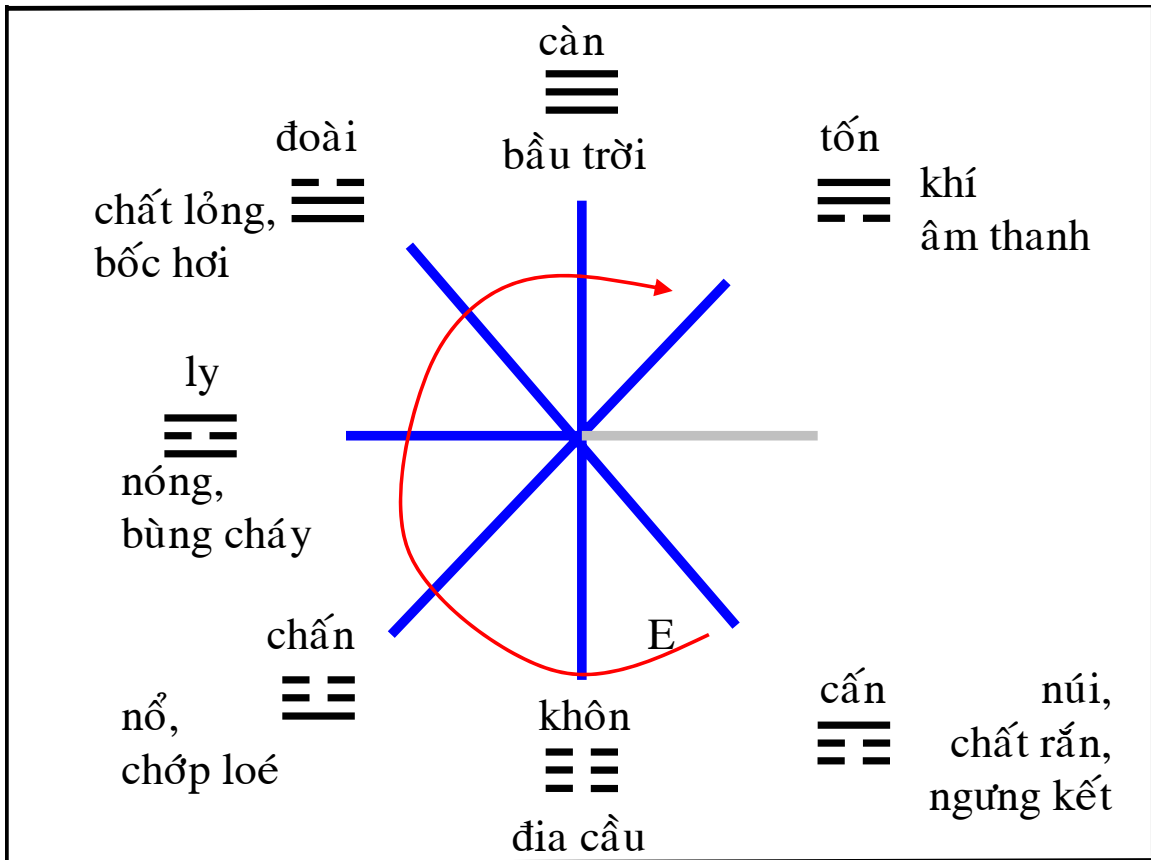
D: {(bầu trời) + (khí) + (lạnh, nhiệt độ thấp) → (có thể ngưng kết) + (mặt đất)}. Hay trình bày một cách khác là D: { bầu trời + không khí + nhiệt độ thấp [làm] ngưng kết [thành nước rơi xuống] mặt đất}.



Hình 12: Hiện Tượng Nắng Mưa

Nhìn vào hai tập hợp C và D chúng ta hình dung được điều gì? Phải chăng chúng mô tả hiện tượng nắng mưa hay hiện tượng chu lưu của nước, trong đó không khí trên bầu trời gặp lạnh nên ngưng kết thành mưa rơi xuống mặt đất và nước dưới mặt đất gặp nhiệt độ cao nên bốc hơi rồi bay lên bầu trời?

Nếu lấy 7 quái theo thứ tự khôn-chấn-ly-đoài-càn-tốn trên tiên thiên bát quái đồ như vòng cung E, trong hình 13, chúng ta sẽ có tập hợp E đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:

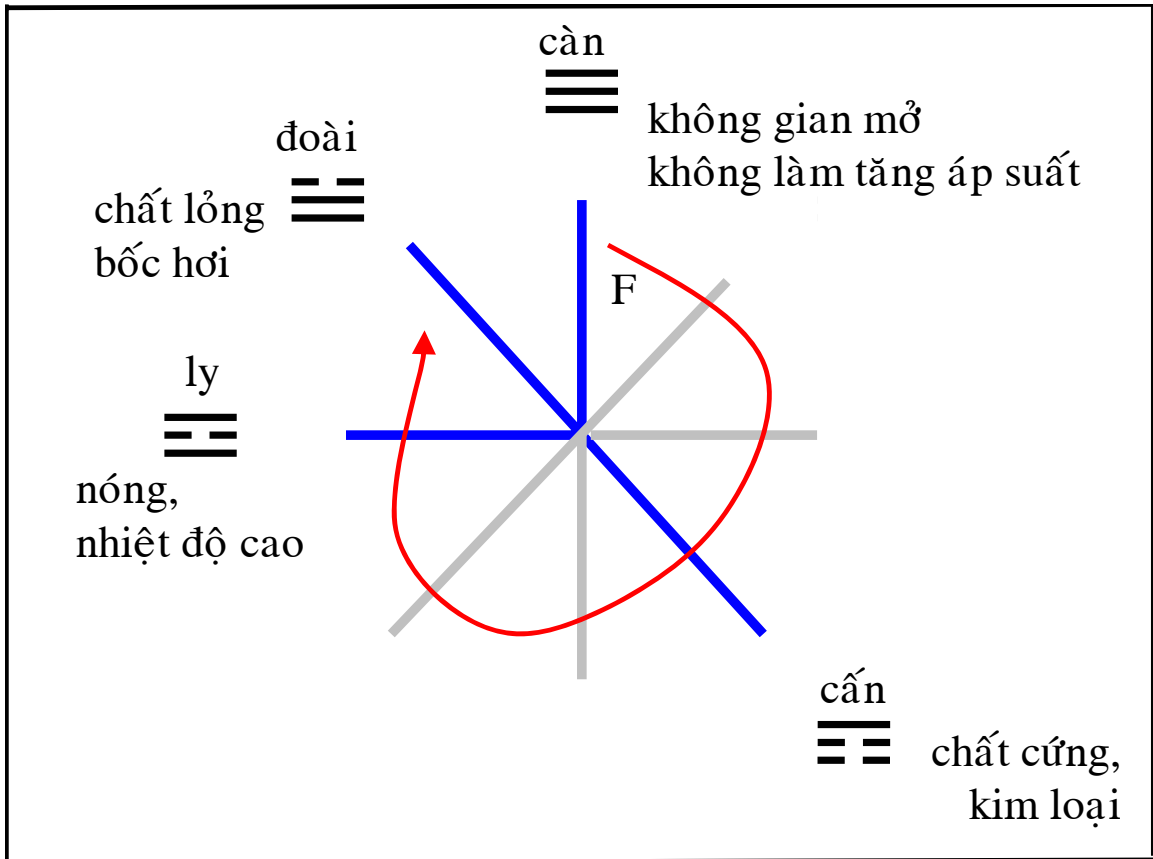


Hình 13: Hiện Tượng Núi Lửa Đang Phun

E: {(núi) + (địa cầu) + (nổ) + (nóng, bùng cháy) + (chất lỏng) + (bầu trời) + (khí, âm thanh)}. Hoặc trình bày một cách khác là E: {núi + lòng đất + phát nổ → chất lỏng nóng bùng cháy + bầu trời + chất khí + âm thanh}. Hay trình bày một cách khác nữa là E: {núi + lòng đất + phát nổ → nham thạch bùng cháy + bầu trời + chất khí + âm thanh}.

Nhìn vào nội dung của tập hợp E chúng ta thấy gì? Phải chăng nó mô tả hiện tượng của một núi lửa đang hoạt động với nham thạch nóng chảy và những chất khí từ không gian [khép kín] bên dưới lòng đất đã nổ ra rồi phun trào vào không gian [thông thoáng] bên trên mặt đất và gây ra âm thanh.

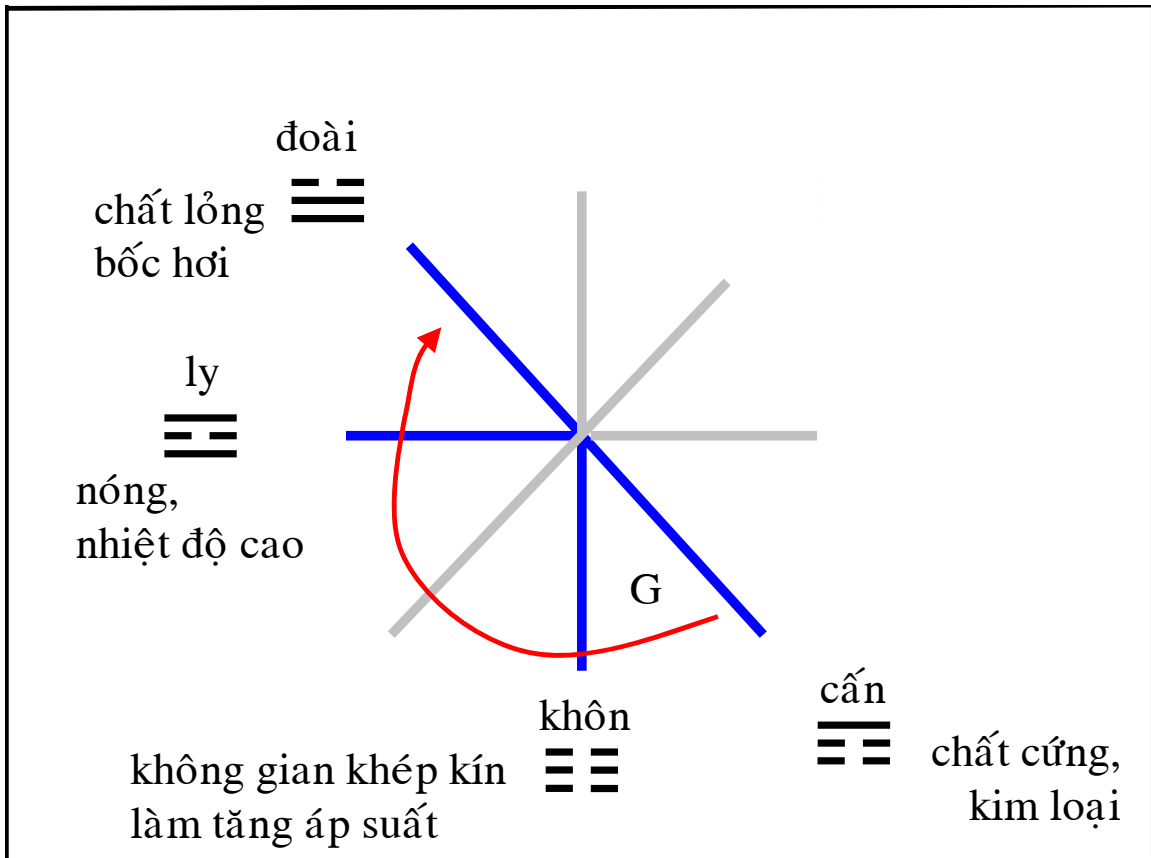
Nếu lấy 4 quái theo thứ tự càn-cấn-ly-đoài trên tiên thiên bát quái đồ như vòng cung F, trong hình 14A, và 4 quái theo thứ tự cấn-khôn-ly-đoài như vòng cung G, trong hình 14B, chúng ta có tập hợp E và tập hợp F đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:



Hình 14A: Hiện Tượng Kim Loại Nóng Chảy Trong Điều Kiện Không Gian Mở

$F: \{(\text{không gian mở}) + (\text{chất rắn}) + (\text{nóng, nhiệt độ cao}) \rightarrow (\text{chất lỏng})\}.$

Hoặc trình bày một cách khác là $F: \{ \text{dụng cụ nấu dưới áp suất bình thường} + \text{kim loại rắn} + \text{đun nóng ở nhiệt độ cao} \rightarrow \text{kim loại lỏng} \}.$



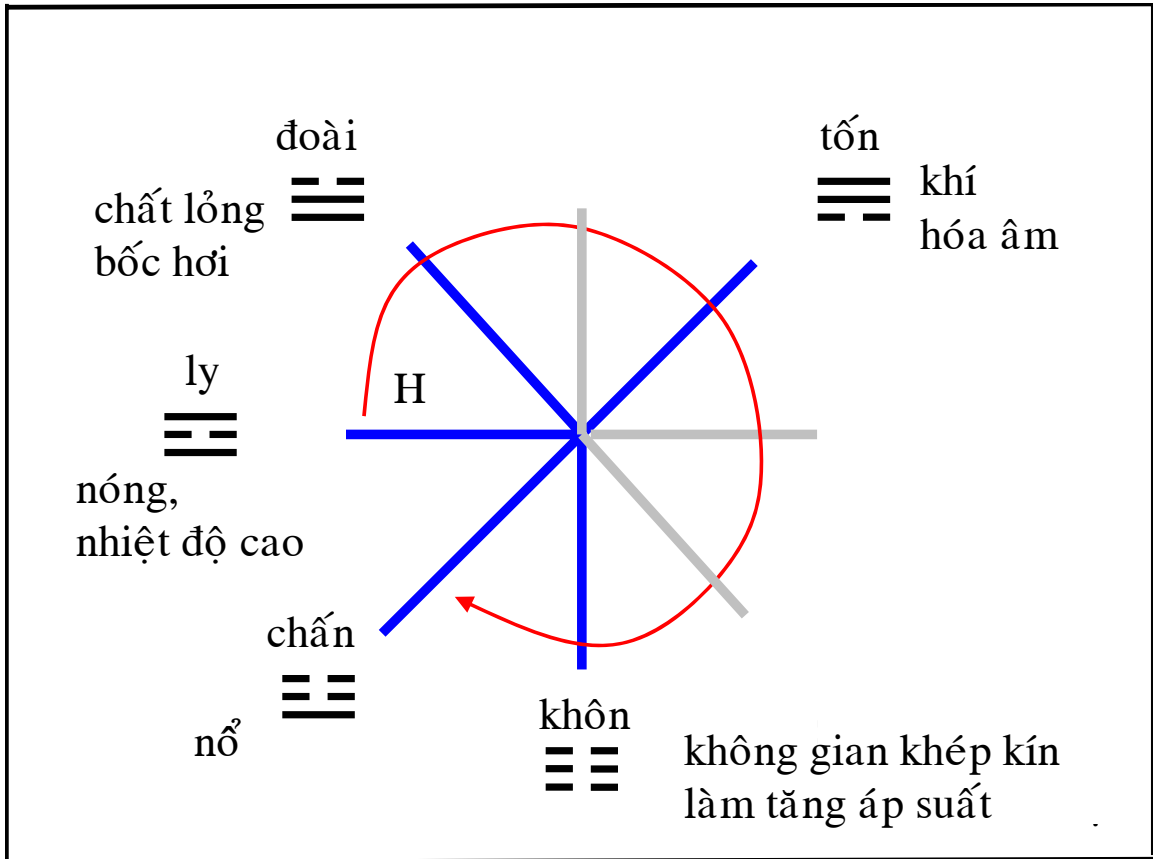
Hình 14B: Hiện Tượng Kim Loại Nóng Chảy Trong Điều Kiện Không Gian Đóng

G: {(chất rắn) + (làm tăng áp suất, không gian khép kín) + (nóng, nhiệt độ cao) + (chất lỏng)}. Hoặc trình bày một cách khác là G: { kim loại rắn + dụng cụ nấu dưới áp suất cao + đun nóng ở nhiệt độ cao → kim loại lỏng}.

Nhìn vào nội dung của tập hợp F và tập hợp G chúng ta thấy gì? Phải chăng là chúng mô tả hiện tượng nóng chảy của kim loại dưới hai điều kiện khác nhau, một cái dưới áp suất bình thường của môi trường không gian thông thoáng và một cái kia dưới áp suất cao trong không gian khép kín?

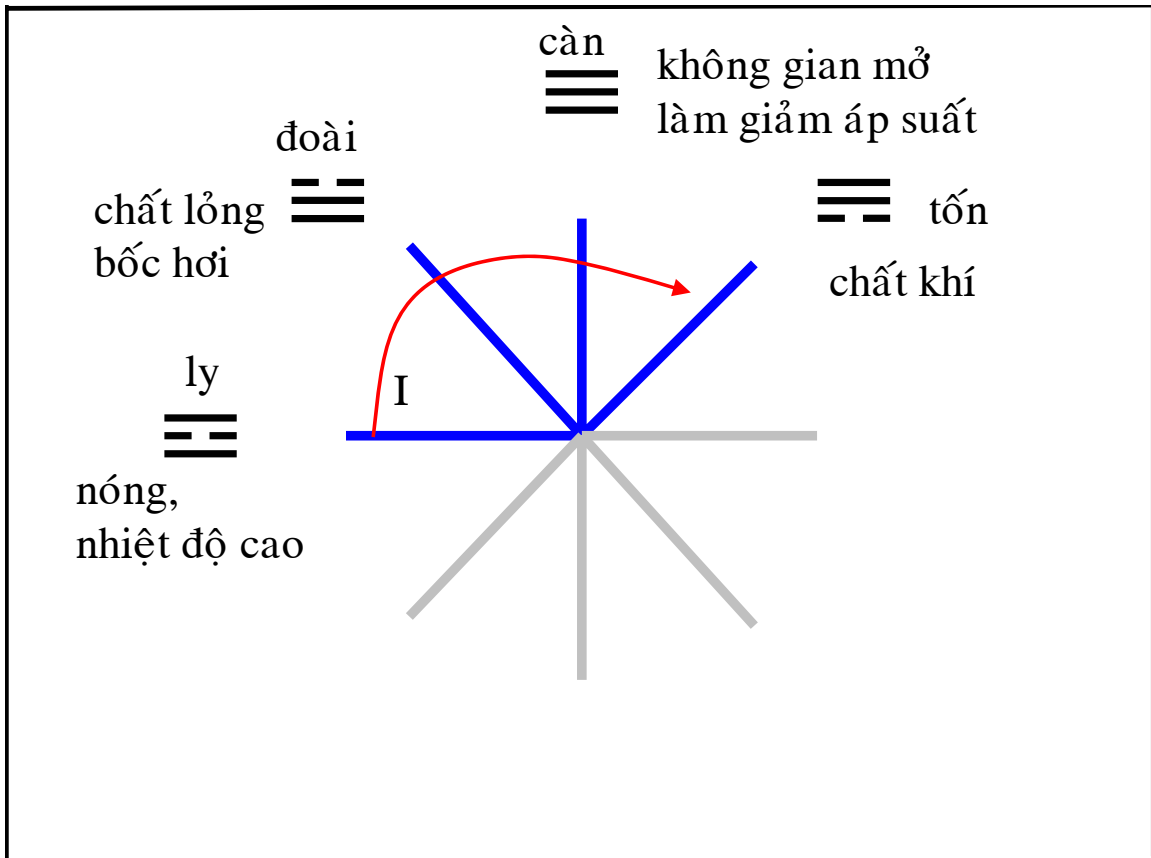
Nếu lấy 5 quái theo thứ tự ly-đoài-tốn-khôn-chấn như vòng cung H trong hình 15A và lấy 4 quái theo thứ tự ly-đoài-càn-tốn như vòng cung I trong hình 15B,

chúng ta sẽ có tập hợp H và tập hợp I đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:



Hình 15A: Hiện Tượng Chất Lỏng Được Đun Trong Điều Kiện Không Gian Đóng

H: {(nóng, nhiệt độ cao) + (chất lỏng) + (chất khí) + (không gian đóng, làm tăng áp suất) + (nổ)}. Hoặc trình bày một cách khác là H: { đun ở nhiệt độ cao + chất lỏng → hóa thành chất khí + không gian đóng → làm áp suất gia tăng → làm nổ}. Hay trình bày một cách khác nữa là H: { đun chất lỏng ở nhiệt độ cao → chất lỏng sẽ hóa khí [và trong điều kiện của một] không gian đóng → sẽ làm gia tăng áp suất → cuối cùng là phát nổ [nếu áp suất cứ tiếp tục gia tăng và vật chứa không chịu được]}.



Hình 15B: Hiện Tượng Chất Lỏng Được Đun Trong Điều Kiện Không Gian Mở

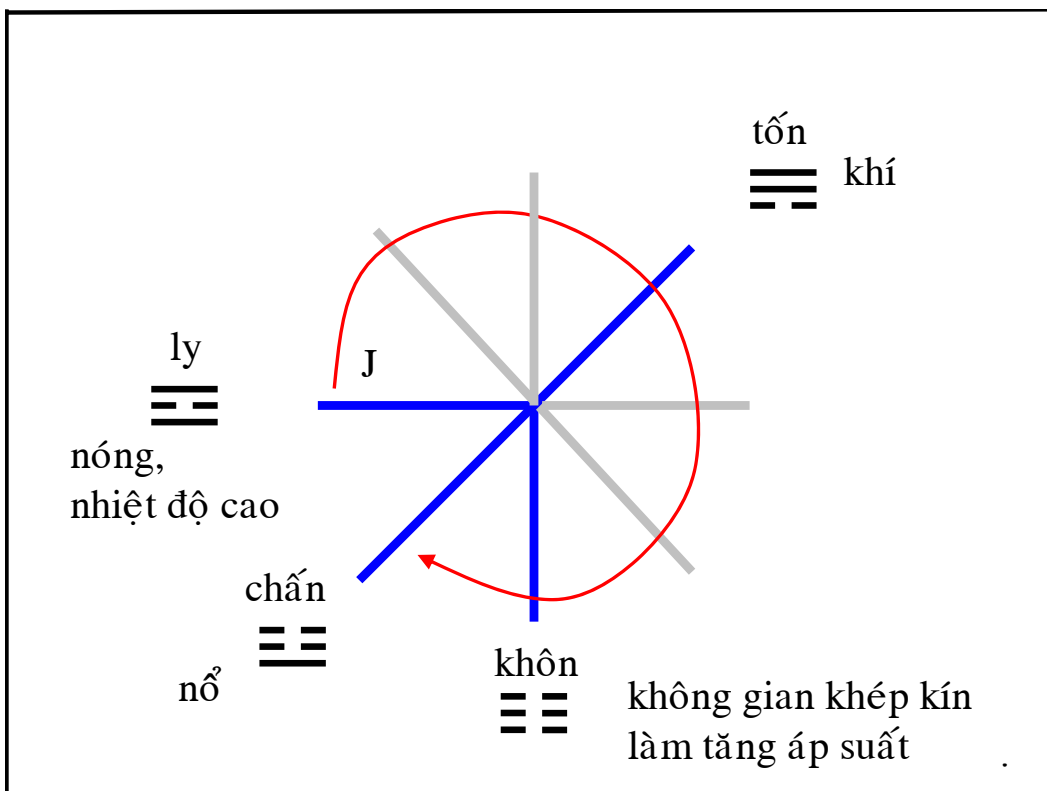
I: {(nóng, nhiệt độ cao) + (chất lỏng, có thể hóa khí) + (không gian mở) + (chất khí, có thể hóa âm)}. Hoặc trình bày một cách khác là I: {nóng, nhiệt độ cao + chất lỏng, có thể hóa khí + không gian mở → chất khí, có thể hóa âm}. Hay trình bày một cách khác nữa là I: {đun chất lỏng dưới nhiệt cao + không gian mở → chất lỏng hóa khí bay lên [và] tạo thành âm thanh}.

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp I và H chúng ta thấy gì? Phải chăng chúng mô tả hiện tượng chất lỏng được đun ở hai điều kiện khác nhau, một cái được đun trong không gian thông thoáng nên chất lỏng bốc hơi bình thường và có thể gây âm thanh [thí dụ như dùng ấm nấu nước sôi] còn một cái được đun trong

không gian khép kín [thí dụ như chất lỏng đun trong bình kín] nên chất lỏng bốc hơi rồi làm tăng áp suất và sau cùng là phát nổ.

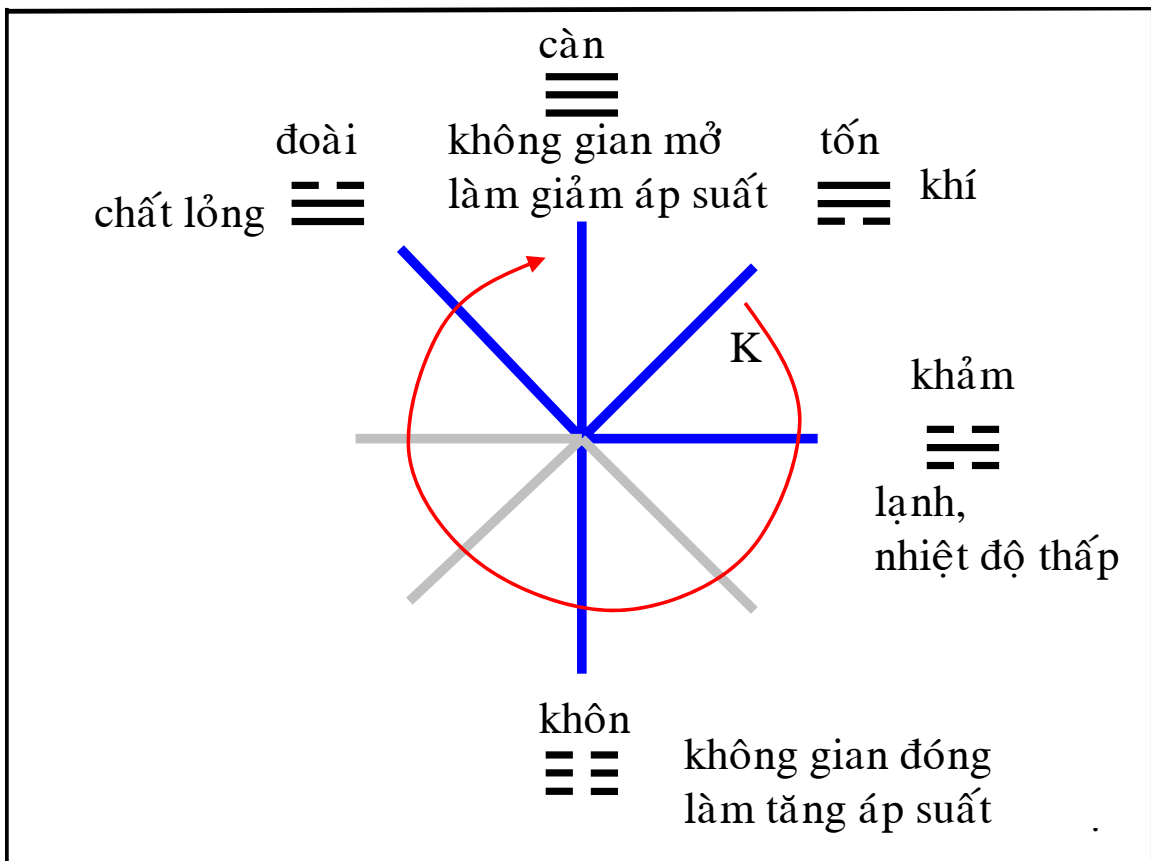
Nếu lấy 4 quái theo thứ tự ly-tốn-khôn-chấn như vòng J trong hình 16A và lấy 5 quái theo thứ tự tốn-khâm-khôn-đoài-càn như vòng K trong hình 16B, chúng ta sẽ có tập hợp J và tập hợp K đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:

J: {(nóng, nhiệt độ cao) + (chất khí) + (không gian đóng, làm tăng áp suất) + (nổ)}. Hoặc trình bày một cách khác là J: {nóng, nhiệt độ cao + chất khí + không gian đóng} → làm gia tăng áp suất → làm nổ}. Hay là trình bày một cách khác nữa là J: {đun chất khí ở nhiệt độ cao [trong điều kiện] không gian đóng [sẽ] làm gia tăng áp suất [và nếu tiếp tục sẽ] làm nổ }.



Hình 16A: Hiện Tượng Đun Khí Trong Điều Kiện Không Gian Đóng Dẫn Tới Nổ

K: {(chất khí) + (lạnh, nhiệt độ thấp) + (không gian đóng) + (chất lỏng) + (làm giảm áp suất)}. Hoặc trình bày một cách khác là K: {chất khí + lạnh, nhiệt độ thấp + không gian đóng → chất lỏng + làm giảm áp suất}. Hay trình bày một cách khác nữa là K: {làm lạnh chất khí ở nhiệt độ thấp [trong điều kiện] không gian đóng [sẽ] biến chất khí thành chất lỏng [và] làm hạ áp suất môi trường của không gian đóng}.

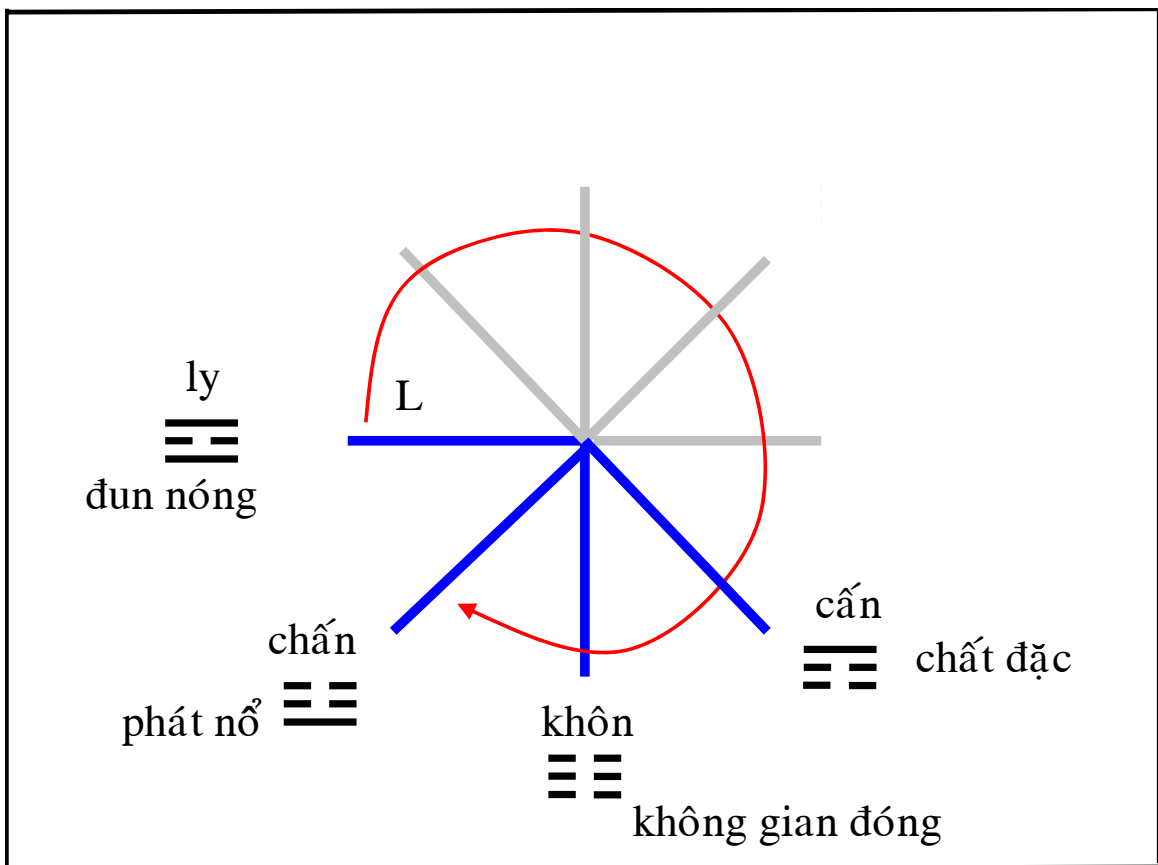


Hình 16B: Hiện Tượng Khí Ngưng Đọng Thành Chất Lỏng, Trong Điều Kiện Không Gian Khép kín

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp J và K chúng ta thấy gì? Phải chăng chúng mô tả phản ứng của chất khí dưới hai điều kiện khác nhau, một cái là khí bị đun

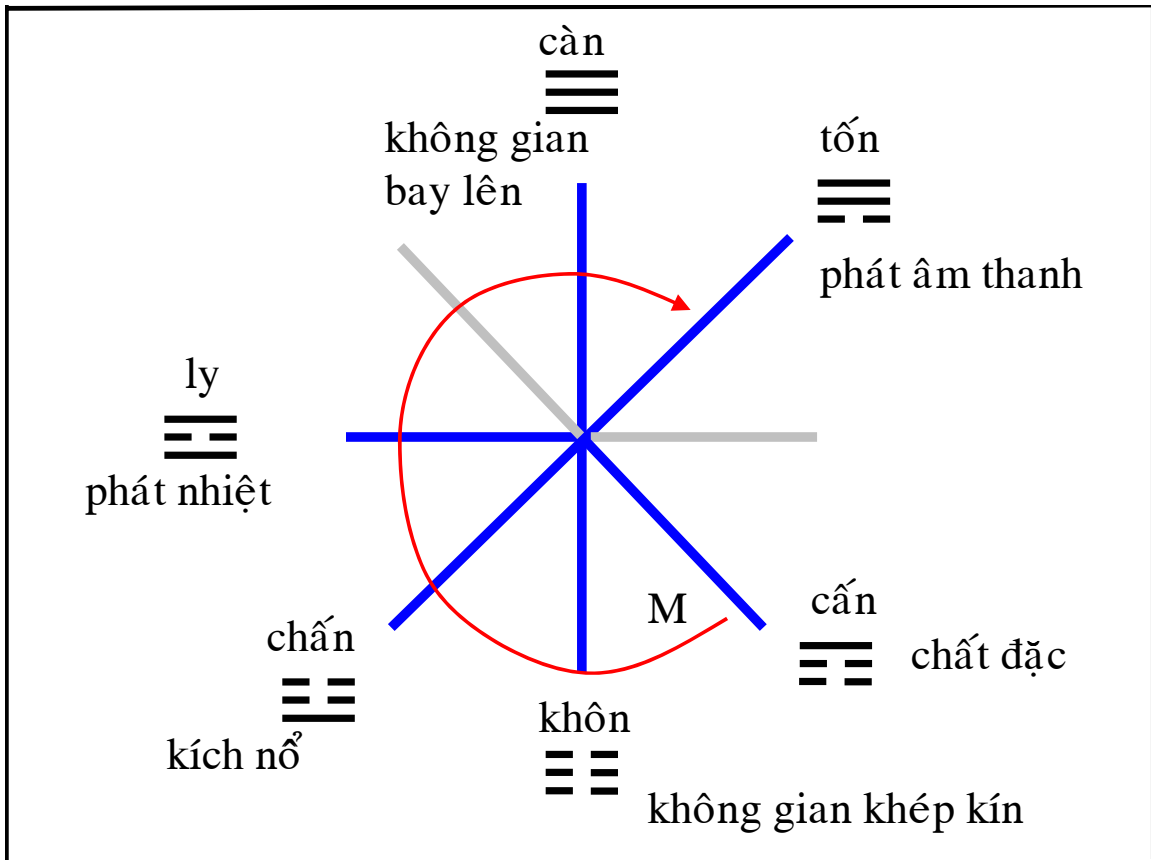
nóng trong không gian khép kín nên phát nổ còn một cái là khí bị làm lạnh trong không gian khép kín nên ngưng đọng thành chất lỏng?

Nếu lấy 4 quái theo thứ tự ly-cấn-khôn-chấn như vòng cung L trong hình 17A và lấy 6 quái theo thứ tự cấn-khôn-chấn-ly-càn-tốn như vòng cung M trong hình 17B, chúng ta sẽ có tập hợp L và tập hợp M đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:



Hình 17A: Hiện Tượng Đun Chất Đặc Trong Điều Kiện Không Gian Đóng, Tới Phát Nổ

L: {(đun nóng) + (chất đặc) + (không gian đóng) + (nổ)}. Hay trình bày một cách khác là L: { đun nóng + chất đặc + không gian đóng → phát nổ}.



Hình 17A: Hiện Tượng Chất Đặc Phát Nhiệt Và Sức Đẩy Do Kích Nổ Trong Điều Kiện Không Gian Đóng

M: {(chất đặc) + (không gian đóng) + (kích nổ) + (phát nhiệt) + (bay lên, không gian) + (phát ra âm thanh)}. Hay trình bày một cách khác là M: {hợp chất đặc + không gian đóng + kích nổ → nhiệt + sức đẩy bay lên + âm thanh}.

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp L và M chúng ta thấy gì? Có phải chăng chúng mô tả phản ứng của một chất đặc trong hai điều kiện khác nhau, một cái là chất đặc được đun nóng trong môi trường khép kín đến phát nổ, thí dụ như một thùng thuốc súng bị lửa đốt nóng đến phát nổ, còn một cái là chất đặc được kích nổ trong môi trường khép kín nên phát nhiệt, phát âm thanh và sức đẩy, thí dụ như một viên đạn được kích hỏa hoặc là một hỏa tiễn sử dụng nhiên liệu đặc

được kích hỏa để đốt nhiên liệu rồi lửa phụt ra và hỏa tiễn bay lên bầu trời với âm thanh vang động?

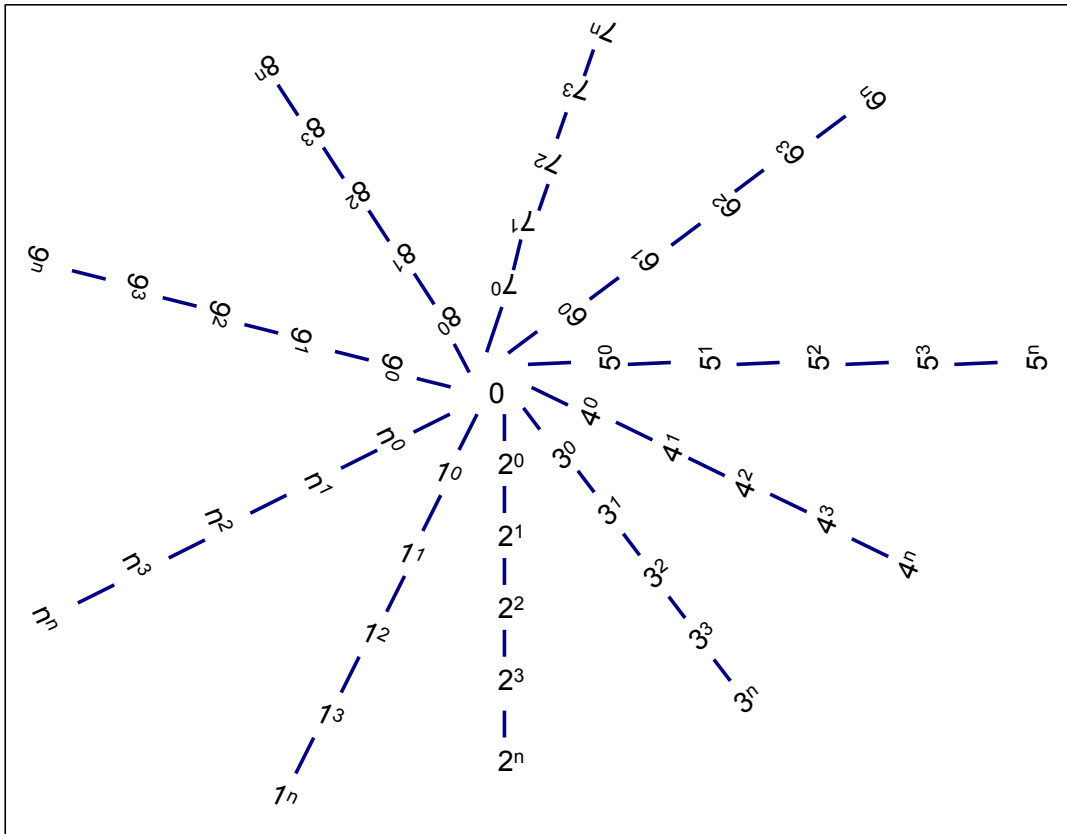
Dựa vào một số thí dụ vừa rồi để nghiệm chứng luận điểm cho rằng “tiên thiên bát quái đồ là một mô hình có khả năng mô tả nguồn gốc phát sinh vũ trụ cũng như mô tả quy luật vận hành khách quan và bất biến của những hiện tượng biến đổi vật chất trong vũ trụ” thì có lẽ cũng chẳng quá đáng để chúng ta nói là luận điểm trên không phải là không có nền tảng. Hay nói một cách khác ít rào đón hơn là dường như tiên thiên bát quái đồ rất có khả năng mô tả nguồn gốc phát sinh vũ trụ và sự vận hành của mọi hiện tượng khách quan trong vũ trụ. Để có thể đi tới sự khẳng định dĩ nhiên là cần tốn nhiều thời gian và sự nghiên cứu của nhiều người.

C. Mô Hình Vũ Trụ

Và sau cùng, chúng ta có thể tự hỏi nếu tiên thiên bát quái là đồ hình mô tả một vũ trụ nằm trong phạm trù có thể thấy hiểu được và lý giải được thì (1) có một mô hình nào khác tương đương với tiên thiên bát quái đồ hay không và (2) có vũ trụ nào khác nằm ngoài phạm trù có thể thấy hiểu được và lý giải được hay không? Nếu như có những vũ trụ nằm ngoài phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải được thì những vũ trụ đó được mô tả như thế nào?

Chúng ta hãy bỏ một ít thời gian để nhìn lại hình 1 mà chúng ta đã từng nhìn qua. Kết hợp nội dung của “bảng thiết kế tiến trình từ vô cực tới vạn vật” với nội dung đã giải trình về sự hình thành của tiên thiên bát quái đồ, chúng ta không khó để nhận ra sự liên quan mật thiết giữa tiên thiên bát quái đồ với hệ thống số nhị phân. Nếu “*vô cực nhi thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” được chấp nhận là một mô hình của vũ trụ khởi nguyên và vận hành thì có lẽ cũng không quá đáng để chúng ta đề xuất “ $0 \rightarrow 2^0 \rightarrow 2^1 \rightarrow 2^2 \rightarrow 2^3 \rightarrow 2^n$ ” là một mô hình tương đương

với tiên thiên bát quái đồ. Từ mô hình vũ trụ khởi nguyên và vận hành diễn tả qua hệ thống số nhị phân này biết đâu những vũ trụ nằm ngoài phạm trù có thể thấy hiểu được và lý giải được cùng với vũ trụ nằm trong phạm trù thấy hiểu được và lý giải được của chúng ta sẽ có cấu trúc như sự mô tả của hình 18.



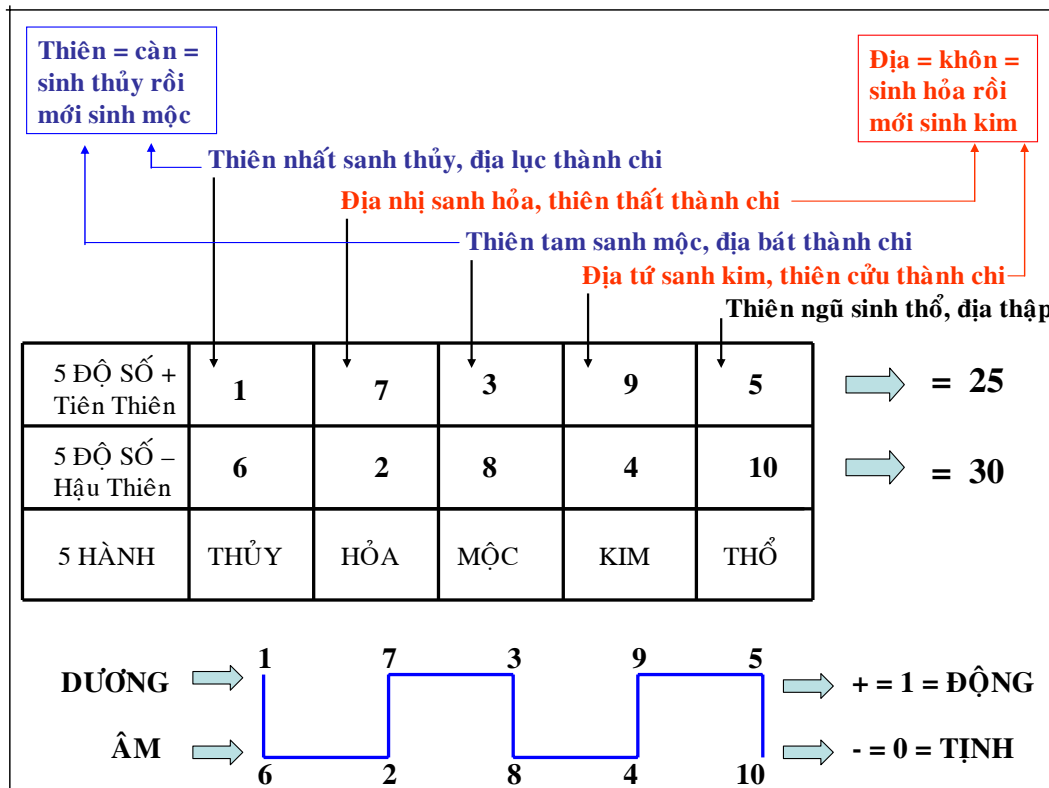
Hình 18: Đồ Hình Một Vũ Trụ Lớn Nằm Ngoài Phạm Trù Có Thể Thấy Biết & Lý Giải

Cấu trúc mô tả trong hình 18, tạm gọi là cấu trúc 2DX, chỉ là một vũ trụ phẳng. Nếu như có một vũ trụ lớn hơn nữa và không phải là một vũ trụ phẳng thì phải chăng vũ trụ đó có thể được mô tả bằng một hình 3D với rất nhiều tầng của cấu trúc 2DX, tạm gọi là cấu trúc 3DX, và không nhất thiết là phải “ngay hàng thẳng lối” theo trục tung xuyên qua số 0? Và nếu như mỗi lớp cấu trúc của vũ trụ 3DX

không cứng như một phiến kim loại mà lại chuyển dịch dập dềnh sinh động theo hình sóng như rất nhiều mạng lưới cá trải song song bị nước làm nhấp nhô thì toàn thể đại cấu trúc đó có phải chẳng mô tả một đại vũ trụ với cái cái mô hình gọi là lưới trời để thích?

2. Hậ Thiên Bát Quái Đồ & Hà Đồ

Một cụm chữ khác cũng phổ thông không kém trong thế giới dịch học mà các học giả, các đạo gia, các nhà bói toán và ngay cả các vị tu luyện bùa chú hầu hết đều biết đến, đó là “*thiên nhất sanh thủy, địa lục thành chi, địa nhị sanh hỏa, thiên thất thành chi, thiên tam sanh mộc, địa bát thành chi, địa tứ sanh kim, thiên cửu thành chi, thiên ngũ sanh thổ, địa thập thành chi.*” Vậy thì cụm chữ đầy huyền bí này là cái gì?



Hình 20: Bảng Giải Mã Từ Thiên Nhất Sanh Thủy Tới Địa Thập Thành Chi

Cũng giống như đã giải trình cụm chữ đầu tiên, chúng ta sẽ thẳng thắn trả lời cụm chữ thứ hai này là cái gì. Nhưng trước khi tiếp tục cuộc du hành lý thú, chúng ta hãy bỏ chút thời gian để nhìn vào hình 20 được tạm gọi là bảng giải mã từ thiên nhất sanh thủy tới địa thập thành chi.

Các bạn nhìn thấy gì trong bảng giải mã đó? Có phải chăng nó mô tả sự liên hệ giữa và quy luật tổng quát của âm dương, ngũ hành và độ số trong đó:

- một âm một dương, một sinh, một thành, một động một tịnh, một trước một sau;
- càn sinh thủy rồi mới sinh mộc, khôn sinh hỏa rồi mới sinh kim, sau chót là sinh thổ.
- 1, 7, 3, 9, 5 là độ số trời còn 6, 2, 8, 4, 10 là độ số đất và tổng số của độ số thiên là 25, tổng số của độ số địa là 30, và tổng số của độ số thiên lẫn địa là 55 (25 + 30);
- thủy 1, hỏa 7, mộc 3, kim 9, và thổ 5 là tiên thiên ngũ hành còn thủy 6, hỏa 2, mộc 8, kim 4, thổ 10 là hậu thiên ngũ hành.

Đồng thời nó còn cho thấy sự liên hệ giữa cụm chữ bí ẩn này với hệ số nhị phân, thể hiện qua hai trạng thái 0 (inactive, low) và 1 (active, high) trong dạng sóng điện kỹ thuật số, cũng như giúp xác định tính chất của dương động và âm tịnh của lưỡng nghi. Nếu các bạn vẫn còn nhớ nội dung trong hình 1 mô tả tiến trình từ thái cực tới vạn vật và hình 18 mô tả một vũ trụ lớn trong đó dãy số $0 \rightarrow 2^0 \rightarrow 2^1 \rightarrow 2^2 \rightarrow 2^3 \rightarrow 2^n$ đại diện cho vũ trụ của chúng ta [thế giới của đối đãi, của nhị nguyên, của những hiện tượng nằm trong phạm trù con người có thể thấy hiểu được và nó chỉ là một phần nhỏ trong vũ trụ lớn đó] thì chúng ta sẽ nhận ra một sự khế hợp nhất quán và xuyên suốt từ cụm chữ đầu tiên là “*vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” đã triển khai ở đoạn trước cho tới cụm chữ “*thiên nhất sanh thủy, địa lục thành chi, địa nhị sanh hỏa, thiên thất thành chi, thiên tam*

sanh mộc, địa bát thành chi, địa tứ sanh kim, thiên cứu thành chi, thiên ngũ sanh thổ, địa thập thành chi” mà chúng ta đang đề cập ở đoạn này.

Chưa hết, cụm chữ thần bí này còn cho chúng ta biết nguồn gốc của ngũ hành và sự liên hệ của ngũ hành đối với âm dương và độ số cũng như sự phân định ngũ hành ra thành tiên thiên ngũ hành và hậu thiên ngũ hành.

Tuy chúng ta đã giải mã khá tường tận về cụm chữ này nhưng, thật ra thì nó muốn tới cái gì? Ở đoạn trên chúng ta đã giải mã cụm chữ “*vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh càn khôn vạn vật*” và tìm ra cái cốt ráo mà cổ thánh [vị cha đẻ của cụm chữ] đã muốn đưa ngón tay chỉ vào chính là cái tiên thiên bát quái đồ hay nói cho khoa học hơn là chỉ vào một vũ trụ đồ mô tả sự khởi nguyên và quy luật vận hành của vũ trụ trong phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải được. Cũng giống như vậy, chúng ta cần phải tìm ra sự thật là cổ thánh muốn chỉ ngón tay vào cái gì khi đã nói “*thiên nhất sanh thủy, địa lục thành chi, địa nhị sanh hỏa, thiên thất thành chi, thiên tam sanh mộc, địa bát thành chi, địa tứ sanh kim, thiên cửu thành chi, thiên ngũ sanh thổ, địa thập thành chi.*” Một bí ẩn lớn phải không?

Theo GS Lê Văn Quán, tác giả của cuốn *Chu Dịch Vũ Trụ Quan* xuất bản năm 1995, NXB Giáo Dục, thì năm vì sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ nằm trong thái dương hệ của chúng ta xuất hiện trên bầu trời theo quy luật vận hành như sau:

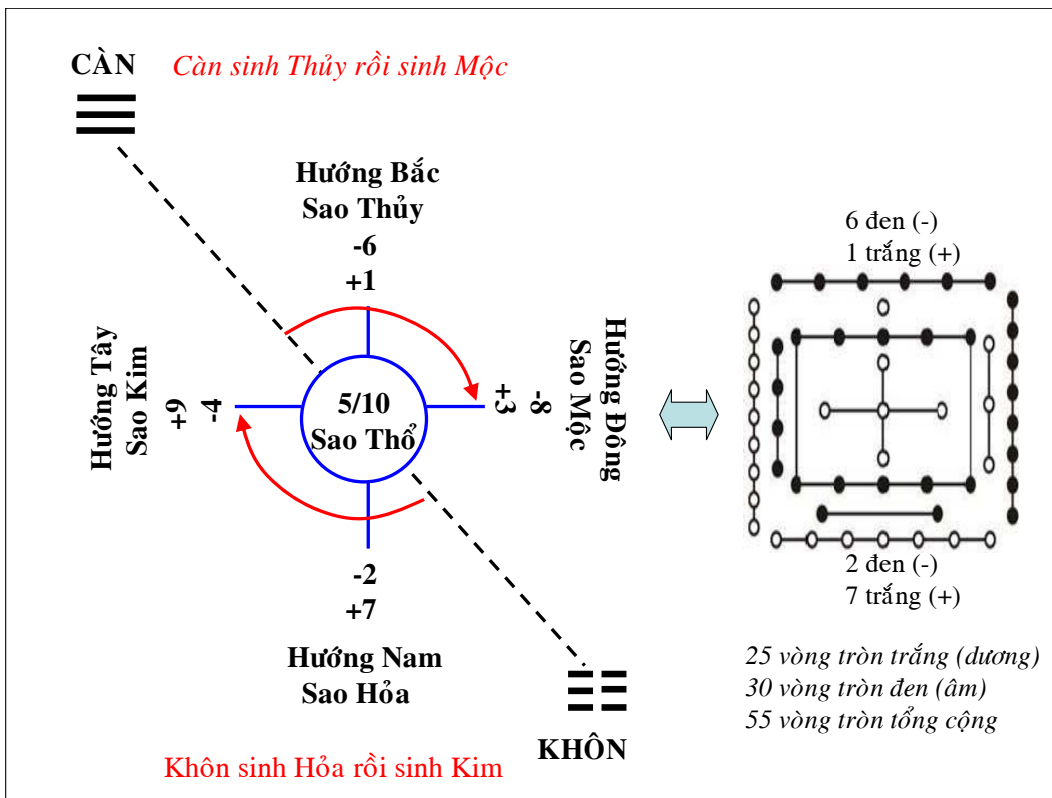
Sao Thủy nằm ở bầu trời hướng Bắc; vào canh 1 (canh tỵ) và canh 6 (canh ty); vào mùng 1, 6, 11, 16, 21, 26; vào tháng 11 và tháng 6.

Sao Hỏa nằm ở bầu trời hướng Nam; vào canh 2 (canh sửu) và canh 7 (canh ngọ); vào ngày mùng 2, 7, 12, 17, 22, 27; vào tháng 12 và tháng 7.

Sao Mộc nằm ở bầu trời hướng Đông; vào canh 3 (canh dần) và canh 8 (canh mùi); vào ngày mùng 3, 8, 13, 18, 23, 28; vào tháng 3 và tháng 8.

Sao Kim nằm ở bầu trời hướng Tây; vào canh 4 (canh mão) và canh 9 (canh thân); vào ngày mùng 4, 9, 14, 19, 24, 29; vào tháng 4 và tháng 9.

Sao Thổ nằm ở bầu trời trung ương; vào canh 5 (canh Thìn) và canh 10 (canh Dậu); vào ngày mùng 5, 10, 15, 20, 25, 30; vào tháng 5 và tháng 10.

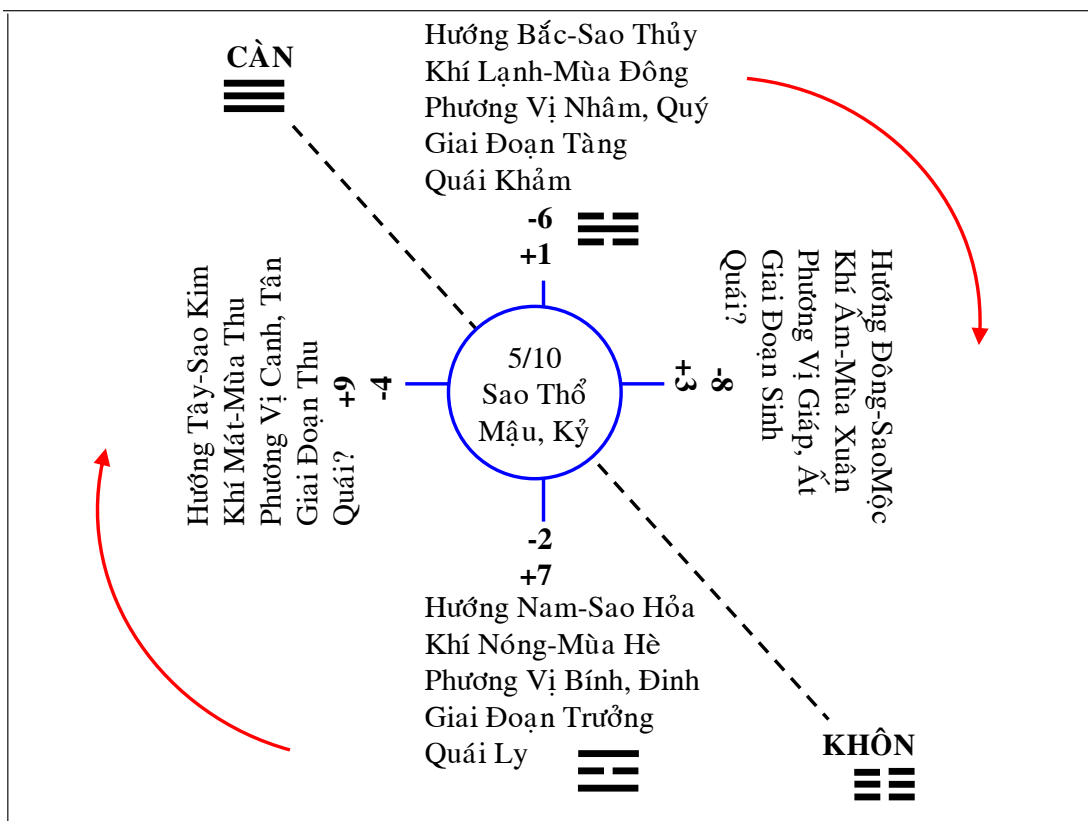


Hình 21: Hà Đồ và Ngũ Hành Phương Vị

Nếu vị trí và độ số 5 thiên cầu theo sự trình bày của GS Lê Văn Quán đúng với khoa học thiên văn thì cụm chữ bí ẩn của cổ thánh bỗng chốc trở thành sáng tỏ.

Cụm chữ đó chính là thông tin về cấu trúc của hà đồ. Vâng, là hà đồ, như trong hình 21 cho thấy, là một bản đồ định vị trí trên mặt đất dùng 5 vì sao trong thái dương hệ để làm cột mốc cho 4 hướng chính với một điểm trung tâm và một trục càn- khôn để chỉ trục của địa cầu.

Từ trong cụm chữ đó chúng ta thấy nguyên thủy của cái gọi là ngũ hành “kim, mộc, thủy, hỏa, thổ” chỉ là “tên” của các vì sao dùng để định phương hướng và vị trí trên mặt đất. Cũng cũng từ cụm chữ đó chúng ta xác định được chiều xoay của quy luật vận động nhờ rút ra từ chữ “sanh” và tương quan thứ tự trước sau: thủy tới mộc, rồi hỏa tới kim, sau cùng mới tới thổ ở trung tâm. Và, có phải chăng vì 5 sao này xác định vị trí và phương hướng “để đi” và xác định chiều “xoay” thuận nghịch của quy luật chuyển động nên được gọi là “ngũ hành”?



Hình 22: Phương Hướng, Khí Hậ, Mùa Tiết , Ngũ hành, Âm Dương, Độ Số, Chiều Vận Hành, Và Hành Trạng Trong Hà Đồ

Và rồi với thông tin sơ khởi từ cụm chữ bí ẩn đó, chúng ta có thể suy luận và bổ sung thêm một số thông tin hợp lý, dựa vào những trải nghiệm của con người đối với quy luật vận hành khách quan của thiên nhiên và dựa vào quy ước do con người đặt ra để mô tả hành trạng quen thuộc của thiên nhiên và mô tả phương vị trên mặt địa cầu, như trong hình 22. Thí dụ như là hướng bắc thì khí hậu lạnh nhất so với hướng nam khí nóng, hướng đông khí ẩm và hướng tây khí mát [trải nghiệm]. Khí hậu lạnh nhất trong hành trạng của thời tiết thì ta gọi là mùa đông so với khí hậu nóng bức vào mùa hè, ẩm áp vào mùa xuân và mát mẻ vào mùa thu [qui ước]. Khí hậu ẩm áp của mùa xuân đi liền với hiện tượng cây cỏ nảy chồi vươn lên khỏi mặt đất cho nên hành trạng của chu kỳ thiên nhiên sinh hóa trong giai đoạn này được gọi là giai đoạn sinh [trải nghiệm]. Mùa hè cây cỏ tốt tươi lớn chắc cho nên được gọi là trưởng. Mùa thu cây cỏ kết trái rồi tàn úa nên gọi là thu. Mùa đông trơ trụi, sự sống biến mất nên gọi là tàng. Mỗi hướng bao trùm không gian quá rộng [90 độ] nên hướng bắc được phân ra thành hai phương vị nhâm và quý, hướng đông được phân ra thành hai phương vị giáp và ất, hướng nam được phân ra thành hai phương vị bính và đinh, hướng tây được phân ra thành hai phương vị canh và tân, trung ương gọi là mậu kỷ gọi chung là ngũ hành phương vị [qui ước]. Nhâm-quý thủy, giáp-ất mộc, bính-đinh hỏa, canh-tân kim, mậu-kỷ thổ gọi chung là ngũ hành danh chất trong đó nhâm là tiên thiên thủy và quý là hậu thiên thủy, giáp tiên thiên mộc và ất hậu thiên mộc, bính tiên thiên hỏa và đinh hậu thiên hỏa, canh tiên thiên kim và tân hậu thiên kim, mậu tiên thiên thổ và kỷ hậu thiên thổ. Mỗi mùa cũng được phân định thành hai mốc thời điểm. Mùa xuân thì có lập xuân và xuân phân. Mùa hạ thì có lập hạ và hạ chí. Mùa thu thì có lập thu và thu phân. Mùa đông thì có lập đông và đông chí [trải nghiệm + qui ước]. Một chu kỳ của Thái Tuế [mộc tinh xoay quanh mặt trời] là 12 năm, chu kỳ của một tuế [một năm] là 12 tháng, chu kỳ của một ngày là 12 canh giờ cùng được gọi theo thứ tự tí, Sửu, dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi [trải nghiệm + qui ước]. Một chu kỳ của Thái Ất [sao thiên cực bắc] là 25920 năm, một nửa chu kỳ được gọi là một hội dài 12960 năm, mỗi hội có 12 vận và

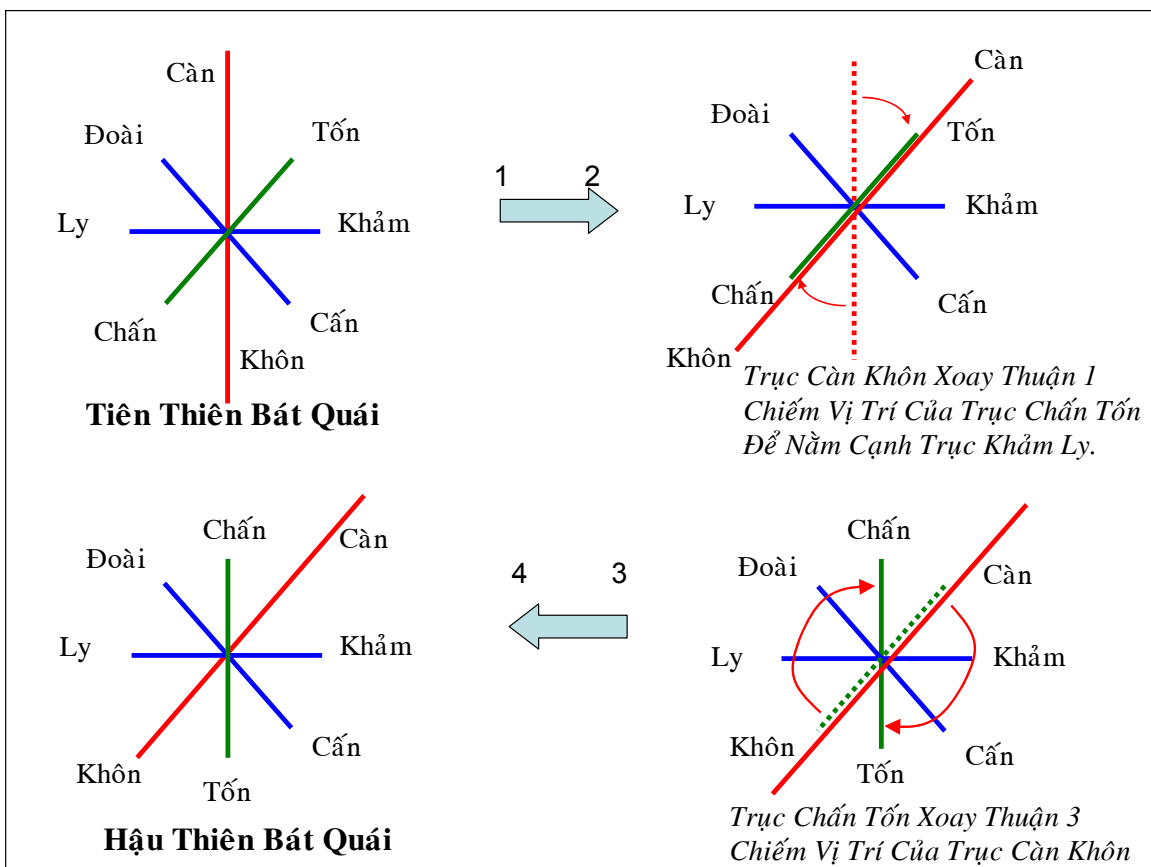
mỗi vận dài 1080 năm, mỗi vận gồm có 6 nguyên và mỗi nguyên dài 180 năm, mỗi nguyên có 3 hoa giáp và mỗi hoa giáp dài 60 năm [trải nghiệm + qui ước].

Quan tâm tới việc bổ sung thêm thông tin vào Hà Đồ, câu hỏi đã từng được đặt ra là “việc xác định mùa đông nằm chung với khí lạnh và phương bắc còn mùa hè nằm chung với khí nóng và phương nam thì không có gì để thắc mắc, nhưng còn mùa xuân thì tại sao lại được đặt nằm chung với phương đông và mùa thu nằm chung với phương tây mà không là ngược lại, trong khi cả hai phía đều là nằm giữa nóng và lạnh như nhau?” Câu trả lời đã nằm sẵn trong thông tin sơ khởi đó là “*trời sinh thủy rồi mới sinh mộc, đất sinh hỏa rồi mới sinh kim*” để chỉ chiều vận hành của thiên nhiên sinh hóa như vòng cung trong hình 21 và 22 cho thấy. Như vậy thì theo vòng thuận từ khí lạnh đến khí nóng rồi từ khí nóng trở về khí lạnh. Ấm nằm giữa lạnh tới nóng. Mát nằm giữa nóng tới lạnh. Đã xác định được vị trí của bốn khí thì xác định được vị trí của bốn mùa. Xác định được vị trí của bốn mùa rồi thì vị trí của bốn hành trạng sinh, trưởng, thu, tàng dĩ nhiên là phải đi theo.

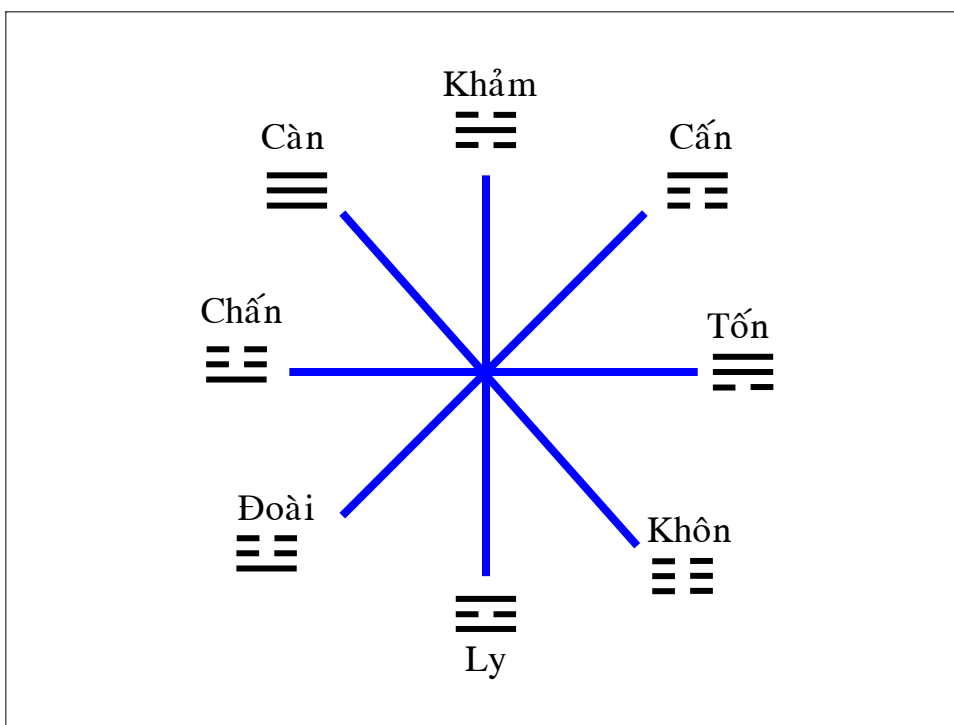
Dựa vào thông tin sơ khởi và thông tin bổ sung, chúng ta cũng có thể xác định được 4 quái nằm trên hai trục như trong hình 22. Càn và khôn nằm trên trục không gian. Khảm và ly nằm trên trục năng lượng. Trục không gian và trục năng lượng là hai trục trong số bốn trục của tiên thiên bát quái đồ. Hay nói một cách khác là hai tượng trong số bốn tượng theo ngôn ngữ dịch học hoặc hai nguyên tố trong số bốn nguyên tố theo ngôn ngữ của tác giả.

Cũng với thông tin có được từ cụm chữ bí ẩn cho biết vị trí của trục càn-khôn và chiều vận hành chúng ta có được chìa khóa để mở một cánh cửa bí mật khác: bát quái hậu thiên. Một khi trục không gian càn-khôn lìa bỏ chính vị để về nằm cạnh trục năng lượng khảm-ly thì hai trục còn lại, trục vật chất hữu hình đoàn-cấn và trục vật chất vô hình chấn-tốn, bắt buộc phải về nằm cạnh nhau. Sự tái phối trí các trục để chuyển tiên thiên bát quái đồ thành hậu thiên bát quái đồ diễn ra

theo tiến trình (1) trục càn-khôn xoay thuận 1/8 vòng tròn [xoay 45 độ theo chiều kim đồng hồ] về nằm cạnh trục khảm-ly chiếm vị trí của trục chấn-tốn rồi kế tiếp (2) trục chấn-tốn xoay thuận 3/8 vòng tròn [xoay 135 độ theo chiều kim đồng hồ] trám vào chỗ trống vị trí nguyên thủy của trục càn-khôn, như trong hình 23. Hay nói một cách khác là trục càn-khôn và trục chấn-tốn hoán đổi vị trí cho nhau nhưng sự hoán đổi tuân thủ quy luật thuận hành [thay vì càn qua tốn, tốn qua càn theo chiều một thuận một nghịch].



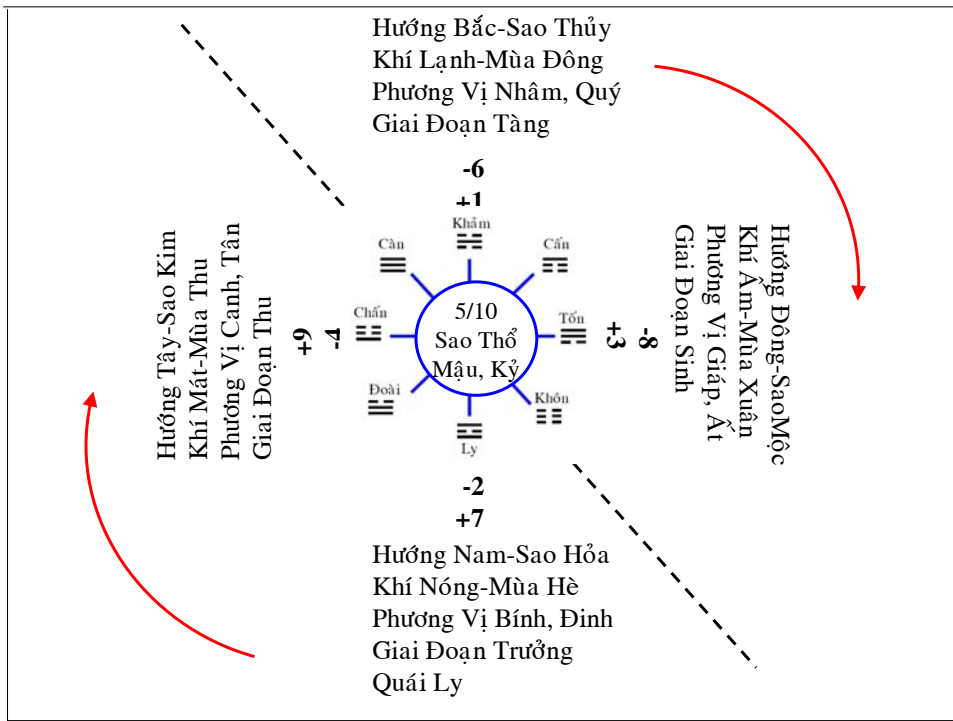
Như vậy thì “càn khôn thất chính” đã biến tiên thiên thành ra hậu thiên. Và hậu thiên bát quái đồ sau khi điều chỉnh để trục khảm-ly nằm theo trục hướng bắc nam thì nó sẽ giống với hình 24.



Hình 24: Hậu Thiên Bát Quái Đồ

Chưa hết, cũng từ thông tin chứa đựng trong cụm chữ bí ẩn đó, chúng ta có thể tìm ta ra sự liên hệ mật thiết giữa hà đồ và hậu thiên bát quái. Chồng hậu thiên bát quái lên hà đồ chúng ta sẽ có được cái mà ngôn ngữ dịch học gọi là “hậu thiên bát quái phối hà đồ” giống như hình 25. Tuy nói là phối nhưng chữ phối có vẻ không hợp lý. Phối là đem cái này ráp với cái kia, là tìm cách cho cái này ăn khớp với cái kia, và cho kết quả là ráp đúng hay ráp sai. Còn ở đây hậu thiên bát quái và hà đồ “phải đi chung” với nhau vì là một cặp song sinh, đã tự ăn khớp với nhau vì là hai phần bất khả ly của một tổng thể được cổ thánh mã hóa vào cụm chữ bí ẩn. Chức năng của cái này chỉ có thể phát huy trọn vẹn hoặc ý nghĩa của cái này chỉ có thể được hiểu trọn vẹn khi có mặt của cái kia cùng lúc. Và, chức năng của tổng thể chỉ có thể phát huy trọn vẹn hoặc ý nghĩa của tổng thể chỉ có thể được hiểu trọn vẹn khi có mặt của hai cái cùng lúc. Và với một tổng thể thì vấn đề chỉ có thể là tìm cách cho cái này tách rời ra khỏi cái kia và chỉ có sự chọn lựa là cho cái này tách rời cái kia hay không mà thôi. Hay nói một cách

khác nó là một tiến trình hoàn toàn ngược lại với phối. Tuy nhiên chúng ta cứ tạm gọi là “hậu thiên bát quái phối hà đồ” như trước đi. Sở dĩ chúng ta phải nói đến điều này là vì muốn nhấn mạnh tính chất quan trọng của cái gọi là “bất khả ly” đối với việc tìm hiểu cái tổng thể mà chúng ta sẽ nói đến và muốn cho mọi người thấy rằng câu hỏi hậu thiên bát quái đi chung với hà đồ là đúng hay sai sẽ không còn là một nghi vấn cần thiết nữa.

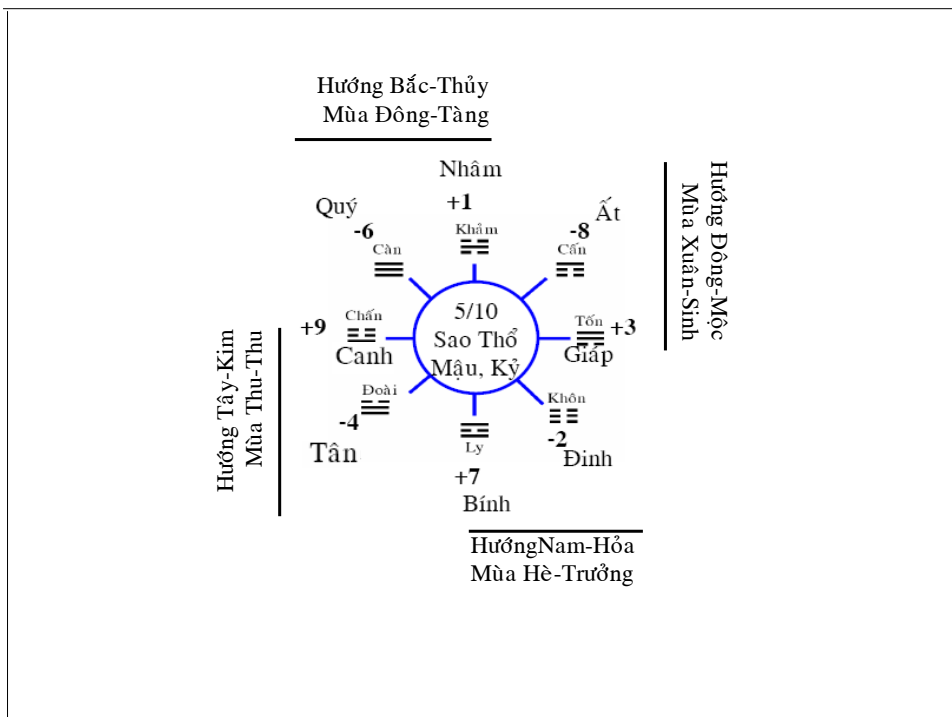


Hình 25: Hậu Thiên Bát Quái Phối Hà Đồ Bước 1

Với bát quái đồ thì 4 tượng đã thể hiện qua 4 trục phân thành 8 quái còn hà đồ thì tiên thiên ngũ hành và hậu thiên ngũ hành vẫn chưa phân ly và hướng chính phụ vẫn chưa thành hình cho nên hà đồ phải chuyển động để phân thành 4 trục 8 phương vị là điều tất yếu để phối hợp trọn vẹn với hậu thiên bát quái. Chuyển động của hà đồ cũng tuân thủ quy luật thuận hành [xoay theo chiều kim đồng hồ] tuy nhiên có hai thể hiện được ghi nhận qua hai đồ hình. Đồ hình thứ nhất thể

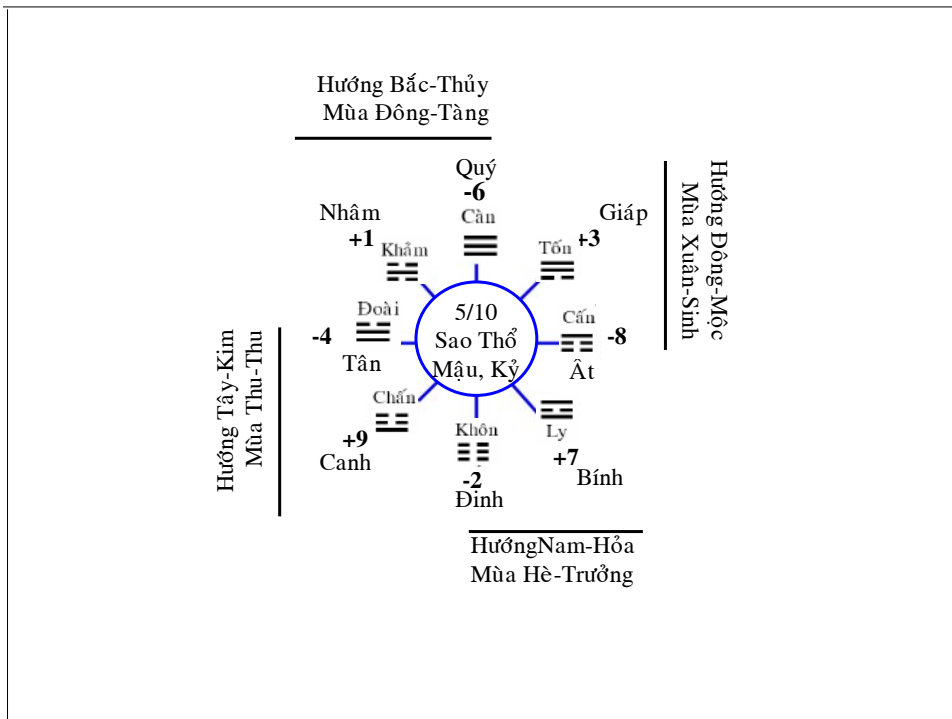
hiện sự chuyển động tiên thiên độ số của hà đồ. Đồ hình thứ hai thể hiện sự chuyển động hậu thiên độ số của hà đồ.

Khi những độ số tiên thiên [những số mang dấu cộng] xoay 1/8 vòng tròn thuận chiều [xoay 45 độ theo chiều kim đồng hồ] thì những độ số hậu thiên sẽ xuất hiện “như là” đã xoay nghịch [giống như xe chạy tới thì thấy cây cỏ chạy lùi] và chúng ta sẽ có được đồ hình bát quái hậu thiên phối hà đồ giống như hình 26A.

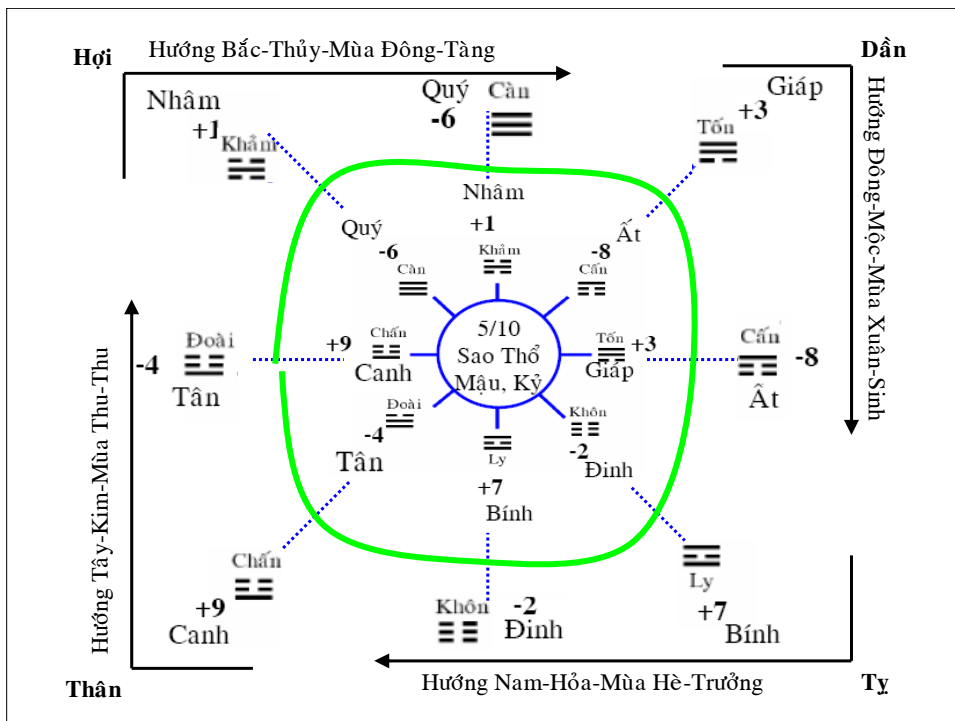


Hình 26A: Hậu Thiên Bát Quái Phối Hà Đồ Với Những Độ Số Tiên Thiên Xoay Thuận

Ngược lại, khi những độ số hậu thiên [những số mang dấu trừ] xoay 1/8 vòng tròn thuận chiều [xoay 45 độ theo chiều kim đồng hồ] thì những độ số dương xuất hiện “như là” đã xoay nghịch và chúng ta sẽ có được đồ hình bát quái hậu thiên phối hà đồ giống như hình 26B.



Hình 26B: Hậu Thiên Bát Quái Phối Hà Đồ Với Những Độ Số Hậu Thiên Xoay Thuận



Hình 27: Hậu Thiên Bát Quái Phối Hà Đồ Toàn Vẹn

Khi hai thể hiện xuất hiện cùng một lúc với chuyển động tiên thiên nằm bên trong và chuyển động hậu thiên nằm bên ngoài, tức là thể hiện sự chuyển động tròn vẹn của hà đồ, thì chúng ta sẽ có được đồ hình bát quái hậu thiên phối hà đồ toàn vẹn giống như hình 27.

Nhìn vào đồ hình 27 các bạn thấy gì? Có phải chăng là một đồ hình mô tả thể giới thiên nhiên với những quy luật vận hành khách quan và những hành trạng bất biến của thiên nhiên? Có phải chăng nó mô tả sự tương quan giữa vũ trụ và mặt địa cầu [tiêu biểu thể hiện qua phương hướng]? Có phải chăng nó mô tả sự tương quan giữa con người với thiên nhiên vạn hữu [tiêu biểu là thể hiện qua hành trạng]?

Tới đây thì chúng ta có thể kết luận là hà đồ và hậu thiên bát quái không xuất hiện từ lượng thú vật mà xuất hiện từ cụm chữ huyền bí “*thiên nhất sanh thủy, địa lục thành chi, địa nhị sanh hỏa, thiên thất thành chi, thiên tam sanh mộc, địa bát thành chi, địa tứ sanh kim, thiên cửu thành chi, thiên ngũ sanh thổ, địa thập thành chi.*” Và nếu những câu hỏi trên được trả lời là “đúng như vậy” thì di sản của cổ thánh để lại quả thật chứa đựng sự minh triết tuyệt vời và sự quán thông thể giới hiện tượng có một không hai.

Như đã từng nói qua trong phần lý giải về tiên thiên bát quái đồ, 4 nguyên tố tối sơ là năng lượng, không gian, vật chất hữu hình và vật chất vô hình được mô tả qua hình tượng 4 trạch là trạch năng lượng, trạch không gian, trạch vật chất vô hình và trạch vật chất hữu hình. Sự tác động của 2 nguyên lực, động và bất động, lên 4 nguyên tố làm cho mỗi trạch thể hiện thành hai mặt đối lập. Từ chỗ đó, tượng không gian bày ra thành không gian dương tượng và không gian âm tượng. Tượng năng lượng bày ra thành năng lượng dương tượng và năng lượng âm tượng. Tượng vật chất hữu hình bày ra thành vật chất hữu hình dương tượng và vật chất hữu hình âm tượng. Tượng vật chất vô hình bày ra thành vật chất vô hình dương tượng và vật chất vô hình âm tượng. Theo đó xác định 8 nguyên tính

là không gian dương tính, không gian âm tính, năng lượng dương tính, năng lượng âm tính, vật chất vô hình dương tính, vật chất vô hình âm tính, vật chất hữu hình dương tính, và vật chất hữu hình âm tính. Dạng-tính-thể-trạng-hành của mọi hiện tượng trong phạm trù có thể thấy hiểu và lý giải được được đại diện bởi 8 nguyên tính tối sơ này. Mỗi tập hợp của mọi hiện tượng có cùng 8 nguyên tính tối sơ được biểu trưng bằng 8 quái và được đặt tên là càn, khôn, cần, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

Tiên thiên bát quái đồ lẫn hậu thiên bát quái đồ đều lấy 4 trục nguyên tố chứa 8 nguyên tính đặt chồng lên nhau biểu thị cho sự thuần tác và hỗn tác của hai nguyên lực lên bốn nguyên tố mà tạo tác thành vũ trụ vạn vật. Tuy nhiên, trong hậu thiên bát quái đồ thì trục năng lượng khảm-ly và trục vật chất vô hình chấn-tốn được phân bố vào bốn phương chánh là bắc-nam-đông-tây [còn gọi là tứ chính] còn trục không gian càn-khôn và trục vật chất hữu hình đoài-cần thì phân bố vào bốn phương bàng [còn gọi là tứ duy] so sánh với tiên thiên bát quái đồ thì trục không gian càn-khôn và trục năng lượng khảm-ly nằm ở bốn phương chánh còn trục vật chất vô hình chấn-tốn và trục vật chất hữu hình đoài-cần thì nằm ở bốn phương bàng. Sự khác biệt giữa tiên thiên bát quái đồ và hậu thiên bát quái đồ trong cách phân bố bốn trục có lý do của nó. Với vũ trụ vật lý, được mô tả qua tiên thiên bát quái đồ, thì không gian và năng lượng là hai yếu tố chính còn vật chất hữu hình và vật chất vô hình là hai yếu tố phụ. Điều này không nằm ngoài suy nghĩ của khoa học: hiện hữu của vũ trụ chỉ là thể hiện của năng lượng trong không gian. Hay nói một cách khác là năng lượng và không gian “bày ra” vật chất vô hình và hữu hình. Với thiên nhiên sinh hoá và thế giới của con người mô tả qua hậu thiên bát quái phối hà đồ, thì năng lượng và vật chất vô hình là hai yếu tố chánh còn không gian và vật chất hữu hình chỉ là hai yếu tố phụ. Sự phân bố năng lượng và vật chất vô hình vào hai trục chính “dường như” là hợp lý. Nói là “dường như” vì chúng ta chưa đi sâu vào lý giải và chưa đưa ra những phối kiểm qua ứng dụng để thấy mức độ chính xác. Kiến thức của đông phương xác quyết mọi hiện tượng trong phạm trù có thể lý giải và thấy hiểu được đều là thể

hiện của âm dương và ngũ hành. Mà ngũ hành thì có tiên thiên, có hậu thiên, có danh, có hình, có chất. Danh là tên gọi [name] là qui ước gán vào. Hình thì có hữu hình (form) và vô hình (formless). Hữu hình thì có thể thấy biết còn vô hình thì chỉ có thể nhận biết. Chất có sắc chất và tánh chất. Sắc chất có thể thấy cũng có thể không thấy còn tánh chất (characteristic) thì không thấy mà chỉ có thể nhận biết. Thí dụ như ngũ phương vị gồm nhâm-quý, bính-đinh, giáp-ất, canh-tân, mậu-kỷ là danh của ngũ hành hữu danh [chỉ là qui ước, đặt tên để gọi]. Thí dụ như ngũ nguyên gồm nguyên tinh, nguyên thần, nguyên tình, nguyên tánh, nguyên khí là hình của ngũ hành vô hình [tuy vô hình mà hữu chất] và ngũ đức gồm nhân, nghĩa, lễ, trí, tính cũng là hình của ngũ hành vô hình [nhưng vô hình và cũng vô chất]. Thí dụ như ngũ tặc gồm trược tinh, thần thức, quỷ phách, du hồn, vọng ý là chất của ngũ hành hữu chất [có đủ hai thứ sắc chất và tánh chất]. Thí dụ như ngũ thức gồm hỉ, nộ, ái, lạc, dục cũng là chất của ngũ hành hữu chất [cũng hữu chất nhưng chỉ có tánh chất]. Hệ từ thượng chương 4 tiết 2 có viết “*ngưỡng dĩ quan ư thiên văn, phủ dĩ sát ư địa lý, thị cố tri u minh tri cố, nguyên thủy phản chung cố tri sinh tử chi thuyết, tinh khí vi vật, du hồn vi biết, thị cố tri quỷ thần, chi tình trạng.*” Tạm dịch là: ngẩng lên xem thiên văn, cúi xuống xét địa lý, cho nên biết cái cố của sáng tối, quay về nơi khởi nguồn của vạn vật theo dõi đến cuối cùng nên biết được lý lẽ của sống chết, tinh khí hợp lại sinh ra vạn vật, hồn thoát ra tạo nên biến hóa nên biết được tình trạng của quỷ thần. Đoạn văn này cho thấy sự quan trọng của hai yếu tố hình và chất. Mà hình và chất thì chỉ là một cách nói khác của hai yếu tố năng lượng và vật chất vô hình. Và trong thế giới hậu thiên thì hai yếu tố này càng quan trọng hơn nhiều cho nên năng lượng và vật chất vô hình được phân bố vào hai trục chính không phải là điều không hợp lý.

Sự khác biệt căn bản giữa hai đồ hình dẫn chúng ta đến câu hỏi là: 4 nguyên tố và 8 nguyên tính đại diện cho những gì trong thế giới sinh hoá vi diệu? Hay nói một cách khác từ góc độ ngược lại là 4 trục và 8 quái nên được hiểu như thế nào để giúp chúng ta khả dĩ lý giải một cách hợp lý trùng trùng hiện tượng trong thế

giới vi diệu sinh hóa? Cụm chữ “vi diệu sinh hoá” ở đây nên được hiểu là nó bao gồm sinh hoá thiên nhiên và sinh hoá nhân tạo, sinh hoá của ngoại giới và sinh hoá của nội giới, sinh hoá hữu hình và sinh hoá vô hình, sinh hoá đơn giản và sinh hoá phức hợp, sinh hoá trừu tượng và sinh hoá phi trừu tượng, sinh hoá hiện thực và sinh hoá siêu thực, sinh hoá bất dịch và sinh hoá biến dịch [giao dịch]. Dầu là từ ngữ để diễn đạt có khác nhau giữa “vũ trụ vật lý” với “thiên nhiên sinh hoá” và với “thế giới vi diệu sinh hoá” nhưng tất cả đều phải “truy cập tới,” phải “quy về được,” phải “liên kết với” yếu tính tối sơ của tám quái. Nói một cách khác là tất cả mọi lý giải, đã được hoặc sẽ được lý giải, đều phải khế hợp, nhất quán và xuyên suốt. Và, như thế, mỗi quái trong hậu thiên bát quái đồ có thể hiểu như sau:

Trục không gian càn-khôn không phải chỉ là không gian của vũ trụ vật lý mà còn là không gian của thế giới vi diệu sinh hoá. Thí dụ như người ta nói “thiên khí của càn giáng xuống, cốc khí của khôn bốc lên” hoặc nói “sự sống ngộp ngạt” hay “cảm giác hụt hẫng” đều là ngôn ngữ diễn tả không gian của thế giới vi diệu sinh hoá.

Trục năng lượng khảm-ly không phải chỉ là năng lượng của vũ trụ vật lý mà còn là năng lượng của thế giới vi diệu sinh hoá. Thí dụ như người ta nói “thận hoá hàn, tâm hoá nhiệt” hoặc nói “nhiệt tình với bạn” hay “tình yêu nóng bỏng, tánh nóng, thái độ lạnh lùng” đều là ngôn ngữ diễn tả năng lượng của thế giới vi diệu sinh hoá.

Trục vật chất vô hình chấn tốn không phải chỉ là vật chất vô hình của vũ trụ vật lý mà còn là vật chất vô hình của thế giới vi diệu sinh hoá. Thí dụ người ta nói “cốc khí của lá lách, hoả khí của tim, thủy khí của thận” hoặc nói “hồn, phách, vía” hoặc nói “giá trị bản quyền, tài sản vô hình” đều là ngôn ngữ diễn tả vật chất vô hình của thế giới vi diệu sinh hoá.

Trục vật chất hữu hình đoàn kết không phải chỉ là vật chất hữu hình của vũ trụ vật lý mà còn là tượng vật chất hữu hình của thế giới vi diệu sinh hóa. Thí dụ có người nói “ngoại hình đẹp, màu sắc quyến rũ” hoặc nói “tiền, chứng khoán” đều là từ ngữ diễn tả vật chất hữu hình của thế giới vi diệu sinh hoá.

Tuy mỗi quái đại diện cho một yếu tính tối sơ [nguyên tính], tức hữu hạn và bất biến dịch, nhưng thể hiện của thế giới vi diệu sinh hóa đại diện bởi quái đó thì biến dịch vô hạn. Lấy quái càn làm một thí dụ. Nguyên tính của càn là không gian dương tính. Khi triển khai để lý giải ở một tầng thấp hơn thì “không gian dương tính” có nghĩa là “không gian mở” là “trống rỗng, thông thoáng” là “có thể chứa đựng” là “có thể làm giảm áp suất.” Những từ vựng này được thiết lập rõ ràng và có giới hạn để mô tả không gian dương tính. Nhưng, theo đó những thể hiện của thế giới vi diệu sinh hoá đại diện bởi không gian dương tính không chỉ là “không gian” mà còn là “bất cứ thứ gì” [vạn vật] từ những từ vựng được thiết lập “rõ ràng và có giới hạn” đó “sinh hoá” ra. Hay nói một cách giản dị hơn là khi thấy những lý giải như là cha, là người lãnh đạo, là thể chế dân chủ, là tánh si xuất hiện dưới “cái dù” của quái càn không gian dương tính thì đừng vội cho là vô lý chỉ vì đơn giản bám vào khái niệm càn là không gian mà cha, người lãnh đạo, thể chế, hoặc tánh si không phải là không gian. Hay nói một cách khác nữa, để lý giải thế giới vi diệu sinh hoá, tám quái nên được hiểu như sau:

Càn là tượng không gian dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “không gian dương tính” có nghĩa là “không gian mở,” là “trống rỗng, thông thoáng,” là “có thể chứa đựng,” là “có thể làm giảm áp suất,” là “có thể che.” Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả thể-dạng-tính-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn không gian vật lý. Chúng còn mô tả cả thể-dạng-tính-trạng-hành của không gian sống, không gian của thế giới vi diệu sinh hoá. Do đó, càn:

- không những là không gian mở, là không gian thông thoáng mà còn là thể chế tự do, là chế độ dân chủ, là xã hội đa nguyên, là nhà nước pháp trị, là kinh tế thị trường, là cơ chế phân quyền [vì những hệ thống/ cơ chế chính trị, kinh tế, xã hội quyết định không gian sống của con người];
- không những là mở, là thông thoáng mà còn là tự do, là dân chủ, là đa nguyên, là đa chiều, là pháp trị, là phân quyền, là tản quyền, là minh bạch;
- không những là mở, là thông thoáng mà còn là thế giới bên ngoài, là ý chí cao xa, là hay lo việc lớn, là bày tỏ, là hiển lộ;
- không những là rộng, là thông thoáng mà khi rộng và thông thoáng nhưng không thấy rõ thì thành là mông lung, là mất định hướng, là lạc lối, là si, là yêu [ái là bản chất của tánh si];
- không những là làm giảm áp suất mà còn là làm giảm áp lực tâm lý, là làm giảm sự ngột ngạt tù túng tâm lý, là thoát ra bên ngoài, là hướng ngoại, là làm việc bên ngoài;
- không những là làm giảm áp suất mà còn là làm giảm áp lực sinh lý, là trực tinh tẩu lậu [tinh khí thoát ra ngoài], là lập gia đình;
- không những là có thể chứa đựng mà còn là bao dung, là mở vòng tay để đón người, là tâm rộng lượng, là lòng quảng đại, là quân tử;
- không những là che mà còn là hứng lấy áp lực, là tàng cây, là dù, là lộng, là cha, là chồng, là người lãnh đạo, là cái đầu, là người trên, là xếp, là chính quyền.

Khôn là tượng không gian âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “không gian âm tính” có nghĩa là “không gian đóng,” là “khép kín, chắn,” là “đã chiếm dụng, không chứa thêm,” là “có thể nâng đỡ, chở,” là “có thể làm tăng áp suất.” Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả thể-dạng-tính-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn không gian vật lý. Chúng còn mô tả cả

thể-dạng-tính-trạng-hành của không gian sống, không gian của thế giới vi diệu sinh hóa. Do đó, khôn:

- không những là không gian đóng, là không gian khép kín mà còn là hệ thống đóng, là hệ thống khép kín, là thể chế độc tài, là chế độ áp bức, là xã hội thiếu tự do, là nhà nước khống trị, là kinh tế trung ương quy hoạch, là cơ chế tập quyền [vì những hệ thống/ cơ chế chính trị, kinh tế, xã hội quyết định không gian sống của con người];
- không những là đóng, là khép kín mà còn là thiếu tự do, là phi dân chủ, là đơn cực, là độc tôn, là áp bức, là độc tài, là khống trị, là tập quyền, là bịt kín thông tin, là che dấu sự thật, là chèn ép dân, là chuyên quyền, là độc đoán;
- không những là không gian khép kín mà còn có nghĩa là thế giới bên trong, là thế giới gia đình, là thế giới nội tâm, là thế giới âm thầm chịu đựng, thế giới thần bí, thế giới cô độc, thế giới cô đơn;
- không những là khép kín mà còn là âm thầm, là câm nín, là giấu giếm, là kín đáo, là giữ trong lòng, là sự bảo mật, là cái bụng;
- không những làm tăng áp suất mà còn là làm tăng áp lực tâm lý, là nhẫn nhục, là thuận tùng, là chiều lòn, là cam chịu, là làm vợ, là làm dân, là người tiêu thụ, là người cấp dưới;
- không những làm tăng áp suất mà còn là làm tăng áp lực sinh lý, là giai đoạn thai to bụng nặng, là lao động quá sức;
- không những là làm tăng áp suất mà còn là làm tăng áp lực xã hội là áp chế, là cai trị, là cưỡng bách, là bắt phải làm theo, là bắt phải phục tùng, là đàn áp, là vi phạm nhân quyền, là sách nhiễu;
- không những là nâng đỡ, là chở mà còn là làm mẹ, là vượt biển [sinh con], là chiếc bè chở con qua bể khổ, là sự hy sinh trọn vẹn cho con và chồng, là tình thương không bến bờ dành cho con, là niềm vui [lạc], là thức thần [thức thần là chủ của vui, của tham];

- không những là nâng đỡ mà còn là nâng đỡ sự sống, là nuôi sống, là thị trường, là nơi giao dịch mua bán, là cơ quan tạo cốc khí nuôi thân, là lá lách, là ứng vào thịt, là hóa thấp;
- không những là đã chiếm dụng mà còn là giai đoạn thai nhi chiếm đầy bụng mẹ sẵn sàng chào đời;
- không những là không chỗ để chứa thêm mà còn là tâm hẹp hòi [tâm địa hẹp hòi], là óc bảo thủ, là ngoan cố;
- không những là chẵn mà còn là thành lũy, là ngăn chặn hiểm họa, là đón ngựa biển cố, là liệu phòng đối no, là tích lũy tài sản, là lo xa nhưng khi tích lũy mà tới chỗ thái quá thì thành ra là bòn sẻn, là tham lam và khi lo xa tới chỗ thái quá thì thành ra là ích kỷ, là tiểu nhơn.

Ly là tượng năng lượng dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “năng lượng dương tính” có nghĩa là “nóng, tỏa sáng, cháy bùng, nhiệt độ cao hơn nhiệt độ của môi trường, bốc lên, có thể làm tăng nhiệt, có thể hóa nhiệt, có thể đốt cháy.” Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn năng lượng vật lý. Chúng mô tả năng lượng sống, loại năng lượng tiêu thụ và thể hiện, của thế giới vi diệu sinh hóa. Do đó, ly:

- không những là năng lượng dương tính mà còn là sinh lực dương tính, là sức sống thể hiện, là giai đoạn thai nhi lớn nhanh trong bụng mẹ, là giai đoạn con gái lớn nhanh trong vòng tay mẹ, là giai đoạn trước khi làm mẹ, là trung nữ, là con gái giữa, là hậu bối bên mẹ, là tánh khí sôi nổi, là sự hưng phấn, là bông bột, là nhiệt tình, là hăng hái, là chân tình, là hiến dâng, là con tim, là tạng tâm;
- không những là năng lượng dương tính mà còn là năng lượng thanh nhẹ, là nguyên thần, là lễ nghi [nguyên thần là gốc của của lễ nghi, nhiệt tình];
- không những là nóng, là tỏa sáng mà còn là nhan sắc đẹp sáng, là phong cách nóng bỏng, là gợi cảm, là hấp dẫn, là quyến rũ;

- không những là nóng, là tỏa sáng mà còn là mặt trời, là mắt;
- không những là nóng mà còn là nóng tính, là cộc cằn;
- không những là nóng, là có thể hóa nhiệt mà còn là bị bệnh nhiệt, bị bệnh cuồng;
- không những là năng lượng sống mà còn là năng lượng sát phạt, là tranh đoạt, là tranh dành, là tranh thủ, là chiếm lĩnh, là thu tóm;
- không những là năng lượng sát phạt mà còn là năng lượng hủy diệt là súng, là đạn, là bom, là đầu đạn nguyên tử, là chiến tranh;
- không những là năng lượng sát phạt và hủy diệt mà còn là năng lượng tiêu thụ, là tiêu thụ, là mua sắm, là xài, là dùng, là nhu cầu;
- không những là lửa, là nóng trong ý nghĩa vật lý mà còn là lửa, là nóng theo qui ước xã hội, là vùng nóng (hot zone), là vùng chiến, và hỏa lực (fire power), là vũ khí (fire-arm).

Khảm là tượng năng lượng âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “năng lượng âm tính” có nghĩa là “lạnh, trầm xuống, chảy tràn vào chỗ thấp, rung chuyển khi bên ngoài xúc chạm vào, tối tăm, nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ của môi trường, có thể làm giảm nhiệt, có thể hóa hàn, có thể làm đông lạnh, có thể làm tắt.”

Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn năng lượng vật lý. Chúng mô tả năng lượng sống, loại năng lượng sáng tạo và tiềm phục, của thế giới vi diệu sinh hoá. Do đó, ly:

- không những là năng lượng âm tính mà còn là sinh lực âm tính, là sức sống tàng ẩn, là nguyên tinh, là tinh trùng, là mầm trong hạt, là ngòi sống của chu kỳ kế tiếp, là quả thận;
- không những là năng lượng âm tính, là tính rung chuyển khi có vật ngoài xúc chạm mà còn là động dục, là năng lượng nặng trọc, là năng lượng nhục dục, là giai đoạn thanh xuân trước khi lập gia đình, là giai đoạn sung mãn dục tình, là dục tình;

- không những thấm xuống, là chảy tràn vào chỗ thấp mà còn là nước, là dòng chảy;
- không những là nhiệt độ thấp, là có thể làm cho tắt lửa nóng mà còn là “sắc đẹp thủy tinh,” là “nhan sắc nồn giá,” là thuần khiết;
- không những là lạnh mà còn là tánh khí trầm lặng, là lãnh đạm, là hờ hững, là thờ ơ, là phong cách lạnh lùng;
- không những là lạnh, là có thể hóa hàn mà còn là bị bệnh trầm cảm, là bị bệnh hàn;
- không những là năng lượng âm tính, là tối tăm mà còn là thâm hiểm, là ưu lự, là toan tính, là bày mưu, là nghĩ kế, là trí, là mưu trí, là làm kế hoạch, là đưa ra quyết sách, là thâm sâu, là cái vực, là uyên, là hiểu biết đến cùng cực, là lẫm;
- không những là năng lượng sống mà còn là năng lượng sáng tạo, là sáng tác, là sáng chế, là tạo ra cái mới, là sản xuất;
- không những là năng lượng sáng tạo mà còn là năng lượng tái tạo, là phục hồi, là phục sinh, là phục hoạt;
- không những là năng lượng tái tạo mà còn là năng lượng đáp ứng, là cung, là cung cấp dịch vụ, là phân phối hàng hóa, là bán ra thị trường;
- khảm vừa nằm ở giai đoạn trước khi làm cha vừa nằm cạnh vị trí của cha vừa đối lập với vị trí trung nữ cho nên là trung nam, là con trai giữa, là hậu bối bên cha;

Cấn là tượng vật chất hữu hình dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất hữu hình dương tính” có nghĩa là “đặc, cứng, ngưng kết, làm cho vững vàng, làm cho nặng hơn.” Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn vật chất hữu hình của vũ trụ vật lý. Chúng có khả năng mô tả cả dạng-tính-thể-trạng-hành của vật chất hữu hình trong thế giới sống. Do đó, cấn:

- không những là đặc, là cứng mà còn là thô, là xốp, là vật liệu lấy ra từ quặng mỏ, là nguyên liệu, là chưa tinh chế, là chưa mài giũa, là chưa hữu dụng, là chưa thành nhân;
- không những là cứng mà còn là cứng cáp, là vươn lên, là ngóc lên, là trở mã, là dậy thì, là đứng sừng sững, là núi đồi, là trụ cột, là tháp, là chày, là cán, là vật để cắm vào, là dương vật, là người nam;
- không những là vật chất hữu hình trong ý nghĩa vật lý mà còn là vật chất hữu hình theo qui ước xã hội, là tài sản hữu hình (tangible assets), là bất động sản;
- không những là cứng trong ý nghĩa vật lý [vật chất hữu hình có tính cứng vật lý] mà còn là cứng theo qui ước xã hội [vật chất hữu hình có tính cứng qui ước], là tài sản cứng (hard assets), là công cụ sản xuất, là vật dụng cứng (hardwares);
- không những là cứng trong ý nghĩa vật lý mà còn là cứng trong thái độ hay trong quyết sách, là thẳng tay trừng trị, là đánh trực diện, là không kiêng nể, là nhổ tận gốc, là tiêu diệt, là không nhượng bộ;
- không những là ngưng kết mà còn là dừng lại, là chững lại, là khựng lại, là đậu lại, là chững lại sự hồn nhiên, là không còn vâng lời cha mẹ, là ương ngạnh, là giai đoạn hướng ngoại, là giai đoạn định hình cá tính, là hình thành kiến chấp;
- không những là ngưng kết của vật chất mà còn là ngưng đọng của vị, là nếm;
- không những là ngưng, là chững mà còn là trì trệ, là đình hoãn, là đình chỉ, là bị ngăn trở, là bị chặn đứng, là chưa thể tiến hành, là cần giải tỏa, là đình công;
- không những là làm cho nặng hơn mà còn là làm cho nặng hơn giá trị của bản thân và của sự liên hệ với người khác, là chân tình, là tánh thiện, là mừng [hĩ], là du hồn [du hồn là chủ của mừng];
- không những là làm cho nặng hơn mà còn là làm nặng [tăng] áp lực cho xã hội, còn là làm nặng nề hơn tình hình đôi co giữa hai thế lực, là chống

- đối, là phản kháng, là đấu tranh, là đối đầu, là đối kháng, là chống cự, là biểu tình, là xuống đường;
- không những là nặng, là làm cho nặng hơn mà còn là làm cho chìm, là làm cho đắm, là làm cho sụp, là làm cho bị chôn vùi, là rớt xuống, là chìm, là suy thoái, là rớt vào khủng hoảng;
 - vừa nằm ở giai đoạn trước khi thành trung nam vừa nằm gần cha cho nên là giai đoạn thiếu niên, là thiếu nam, là con trai út, là tiểu bối bên cha.

Đoài là tượng vật chất hữu hình âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất hữu hình âm tính” có nghĩa là “mềm, lỏng, nhỏ, có thể bốc hơi, làm cho nhẹ hơn.” Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn vật chất hữu hình của vũ trụ vật lý. Chúng có khả năng mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của cả vật chất hữu hình trong thế giới sống. Do đó, đoài:

- không những là mềm, là lỏng mà còn là nơi mềm lỏng tụ hội, là ao đầm, là bọc nước chứa thai nhi, là giai đoạn thụ thai, là trứng, là âm hộ, là miệng, là vật ngậm lấy, là người nữ;
- không những là mềm, là lỏng mà còn trạng thái mềm lỏng hòa vào nhau, là nhuyễn, là sệt, là dễ thấm thấu, là dễ nắm, là chất bùn, là chất bã, là cream, là lotion, là gel, là paste, là thức ăn nhuyễn, là ruột non, là ruột già;
- không những là mềm mà còn là dẻo, là dễ cột, là dây, là sợi, là chỉ, là tóc, là trói, là buộc;
- không những là mềm trong ý nghĩa vật lý [vật chất hữu hình có tính mềm vật lý] mà còn là mềm trong ý nghĩa định tính do qui ước xã hội [vật chất hữu hình có tính mềm qui ước], là phần mềm (software), là tiền tệ (soft power), là chứng khoán, là tài sản mềm (soft assets), là công sức lao động, là kiến thức, là trình độ, là kỹ năng nghề nghiệp, là kinh nghiệm làm việc;

- không những lỏng trong ý nghĩa vật lý mà còn là lỏng trong ý nghĩa định tính theo qui ước xã hội, là sự lưu hoạt của tiền tệ (credit liquidity), là sự lưu hoạt của chứng khoán (security liquidity), là có thể biến thành tiền, là biến thành tiền (liquidation);
- không những là lỏng mà còn là làm cho nổi lên, là làm cho đi lên, là làm cho thoát khỏi suy thoái, là ra khỏi khủng hoảng, là đi lên, là kinh tế phục hồi;
- không những là lỏng trong ý nghĩa vật lý mà còn là lỏng lẻo trong quy củ và sự vận hành, là nói lỏng kiểm soát, là bớt siết chặt ngân sách, là bơm thêm dự trữ trong chính sách tiền tệ, là hạ lãi suất, là giảm bớt yêu cầu;
- không những là nhỏ mà còn là vi tế, là tinh vi, là khéo léo, là biến hóa không chừng, là màu nhiệm, là diệu, là vi diệu;
- không những là làm cho nhẹ hơn mà còn là làm cho nhẹ hơn áp lực tâm lý, là hòa duyệt, là cùng nhịp, là không trái ý nhau, là không thái quá, là không bất cập, là đẹp lòng, là ưa thích;
- không những là làm cho nhẹ hơn mà còn là làm cho nhẹ áp lực cho xã hội, là làm cho tình hình giữa hai thế lực đang đôi co bớt căng thẳng, là đàm phán, là điều đình, là thương lượng, là thương thuyết, là hòa giải, là xét xử, là là giải quyết, là thông qua, là biểu quyết xong, là có thể tiến hành, là lưu thông, là luân chuyển, là ký kết, là hợp đồng;
- không những là làm cho nhẹ hơn mà còn là làm cho nhẹ hơn giá trị của bản thân và của sự liên hệ với người khác, là giận dữ, là phẫn nộ, là tánh hung, là quỷ phách [quỷ phách là chủ của hung, của nộ];
- vừa nằm ở giai đoạn trước khi thành trung nữ vừa nằm gần mẹ cho nên là giai đoạn của thiếu nữ, là thiếu nữ, là con gái út, là tiểu bối bên mẹ.

Chấn là tượng vật chất vô hình dương tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất vô hình dương tính” có nghĩa là “quang khí, ánh chớp, lóe sáng, làm cho hóa quang, làm cho nổ.” Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu

sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn vật chất vô hình của vũ trụ vật lý. Chúng có khả năng mô tả cả dạng-tính-thể-trạng-hành của vật chất vô hình trong thế giới sống. Do đó, chấn:

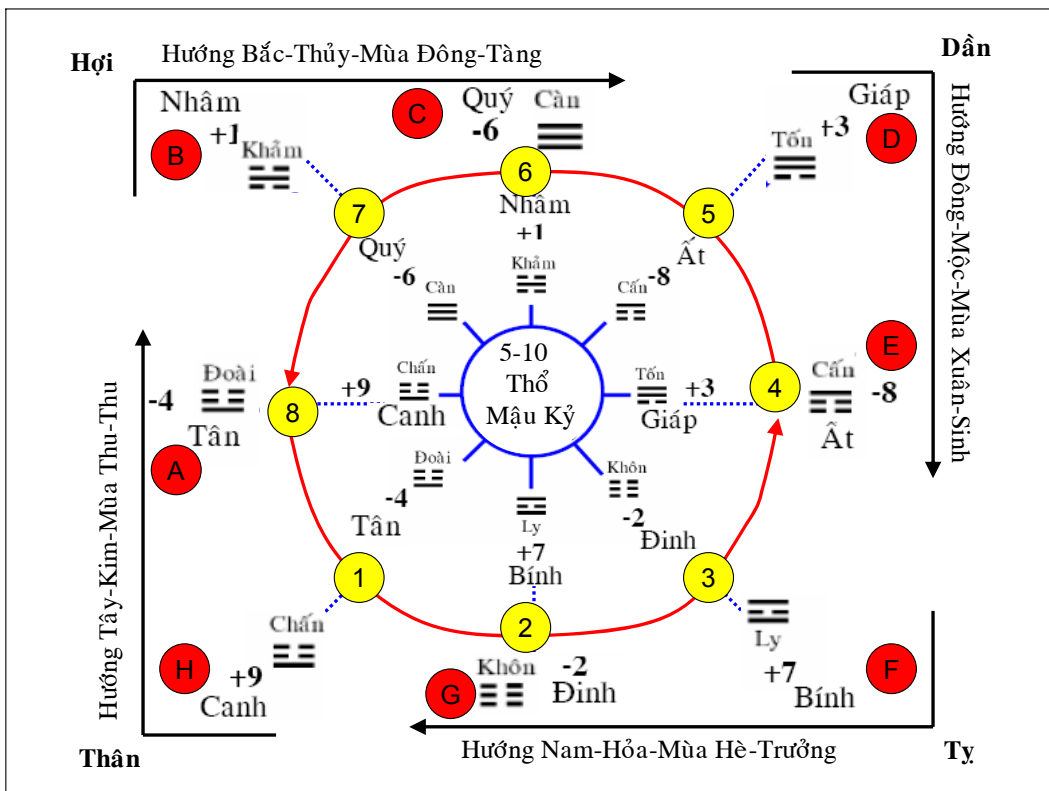
- không phải chỉ là làm cho nổ mà còn là làm cho chấn động, là trạng thái lúc đạt tới tột đỉnh khoái cảm và xuất tinh, là trạng thái của tứ đại phân rã lúc chết, là chết, là rơi rụng, là chấm dứt;
- không phải chỉ là chấn động mà còn là rung động, là phập phều, là phồng ra thóp vào, là phồng lên xẹp xuống, là mũi, là phổi, là tạng phế, là hóa tảo, là ứng vào da;
- không phải chỉ là chấn động mà còn là phập phồng, là hồi hộp, là run rẩy, là co giật, là nẩy giật, là co thắt của cơ bắp;
- không phải chỉ làm chấn động ra trong ý nghĩa vật lý mà còn là chấn động trong ý nghĩa dư luận xã hội, là tai tiếng, là tiếng đồn, là nổ ra những sự kiện ô nhục, là xì-căn-đăng;
- không phải chỉ là làm cho nổ trong ý nghĩa vật lý mà còn là làm cho nổ ra trong ý nghĩa dư luận xã hội, là tố cáo, là tố giác, là bôi nhọ công khai, là gây ra hiểu lầm;
- không phải chỉ là lóe sáng mà còn là sự bừng tỉnh của tâm thức, sự phản tỉnh của thái độ, sự xét lại của tư duy, sự hồi tưởng, sự hoài niệm, là giai đoạn già lão, là tàn phai, là héo úa, là lão hóa;
- không phải chỉ là hóa quang trong ý nghĩa vật lý mà còn là trải nghiệm lúc hồn phách thoát ra, là trở về cõi sáng, là tiếp diễn, là nhận lấy diễn quang;
- không phải chỉ hoá quang trong ý nghĩa vật lý mà còn là làm cho thấy trong ý nghĩa dư luận xã hội, là giải thích, là biện minh, là trưng ra bằng chứng;
- không phải chỉ là ánh chớp mà còn là thần tốc, là tốc độ, là thật nhanh chóng;
- không phải chỉ là quang khí trong ý nghĩa vật lý mà còn là quang khí trong tánh cách của con người, là uy nghi, là can liệt, là nghĩa khí, là nguyên tình [nguyên tình là gốc của uy nghi, can liệt, nghĩa khí];

- nằm ở giai đoạn già lão lại nằm sau giai đoạn làm cha và cạnh cha nên là lão nam, là trưởng nam, là trưởng bối bên cha.

Tồn là tượng vật chất vô hình âm tính. Lý giải ở một tầng thấp hơn thì “vật chất vô hình âm tính” có nghĩa là “không khí, từ trường, hoá âm, làm cho phát ra âm thanh, làm cho nghe tiếng.” Nguyên thủy của những từ ngữ này dùng để mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của vũ trụ vật lý tiên thiên bát quái đồ. Trong thế giới vi diệu sinh hoá hậu thiên bát quái đồ, những từ ngữ này vượt ngoài giới hạn vật chất vô hình của vũ trụ vật lý. Chúng có khả năng mô tả dạng-tính-thể-trạng-hành của vật chất vô hình trong thế giới sống. Do đó, tồn:

- không những là vật chất vô hình vật lý mà còn là vật chất vô hình theo qui ước xã hội, là tài sản vô hình (intangible asset), là bản quyền (copyright), là thương hiệu (name brand), là giá trị của thương hiệu (goodwill);
- không những là từ trường mà còn là sức hút của trái đất, là trọng lực, là nam châm, là từ hóa, là làm cho có từ trường, là từ trường của vật thể,
- không những là từ trường vật lý mà còn là từ trường của con người, là sức thu hút, là sức hấp dẫn [không do nhan sắc như ở ly];
- không những là không khí mà còn là gió, là nhập vào, là len vào, là thâm nhập, là len lén, là nhẹ nhẹ, là rụt rè, là thụt thò, là e lệ, là nhún nhường, là băng khuâng, là lãng đãng, là diu diu, là bênh bồng, là quẩn quít, là ngậy ngất, là choáng váng là vấn vương, là nhớ nhung;
- không những là không khí, là gió mà còn là hơi thở, là mây trời, là phiêu bồng, là lan tỏa, là bay, là lay động, là mềm mại, là mỏng manh;
- không những là không khí, là hơi thở, là nhập vào mà còn là hơi thở đầu đời nhập vào dòng sống, là chào đời, là nứt mọng, là đâm chồi, là nhú ra, là lú ra, là giai đoạn sơ sinh, là vô tư, là ngây thơ, là nhân hậu, là nhu hòa, là nguyên tánh [nguyên tánh là gốc của nhu hoà, nhân hậu], là tạng can;
- không những là âm thanh, là làm phát ra âm thanh mà còn là tiếng nói, là nhạc, là dư luận, là truyền thông, là phát sóng, là truyền tải thông tin, là tuyên truyền;

- không những là làm cho nghe tiếng mà còn là làm cho nghe thấy ước muốn, làm cho nghe thấy ý kiến, là đệ đạt nguyện vọng, là đề nghị yêu sách, là trình bày ý kiến, là đưa ra quan điểm, là thổ lộ ý nghĩ, là tiết lộ nội tâm, là tâm sự với người khác;
- không những là làm cho nghe tiếng mà còn là làm cho nghe thấy sự thật, là bàn bạc, là hội thảo, là nghiên cứu, là điều tra, là tường trình, là báo cáo, là phản hồi tin tức;
- tốn nằm sau khôn vừa đối lập với chấn tức là vừa nằm sau giai đoạn làm mẹ, vừa nằm cạnh mẹ, vừa nằm ở vị trí đối lập với lão nam, trưởng nam nên là lão nữ, là trưởng nữ, là trưởng bối bên mẹ.



Hình 28: Chu Kỳ Sinh Hoá Của Con Người Và Thiên Nhiên

Bây giờ thì một số ý nghĩa của 8 quái đã được thành lập do đó chúng ta đã có thể quay trở lại với đồ hình bát quái tiên thiên phối hà đồ để suy nghiệm về nó. Nhìn vào Hình 28 các bạn thấy gì? Có phải chăng nó là một đồ hình mô tả thế giới vi diệu sinh hoá như đã nói?

Xét về mặt thiên nhiên sinh hoá, bên trong vòng đai đỏ của đồ hình mô tả chu kỳ sinh hóa của con người qua tám giai đoạn là (1) thụ thai ở đòai, (2) thai nhi phát triển nhanh ở ly, (3) thai nhi chiếm đầy bụng mẹ ở khôn, (4) hài nhi chào đời ở tốn, (5) thiếu niên háo ăn mau lớn ở cấn, (6) thanh xuân sung mãn ở khảm, (7) lập gia đình ở càn, (8) già nua và chết ở chấn.

Từ tốn tới chấn [4 → 8] là một nửa dương của vòng tròn chu kỳ sinh hoá. Một nửa đó mô tả trạng thái sống động của một đời người. Từ chấn tới tốn [8 → 4] là âm của vòng tròn chu kỳ sinh hóa. Một nửa này mô tả trạng thái tiềm ẩn của một đời người. Chào đời ở tốn [4] và vĩnh biệt cõi đời ở chấn [8]. Ra khỏi bụng mẹ [thân mẫu] ở tốn [4] và trở về bụng mẹ [địa mẫu] ở chấn [8]. Tử sinh đối đãi. Tử rồi sinh, sinh rồi tử quay tròn không dứt. Chết ở chấn [8] nên không còn thấy mặt ở đòai [1] và thụ thai cũng ở đòai [1]. Một sinh mạng cũ chấm dứt ở chấn [8], một sinh mạng mới bắt đầu ở đòai [1], chấm dứt và bắt đầu nằm liền nhau trong vòng tròn sinh hoá. Khởi hiện một sinh mạng mới nơi đòai [1], vắng mặt một sinh mạng cũ cũng ở đòai [1]. Nơi khởi hiện và nơi biến mất không hai không khác trong vòng tròn sinh hoá.

Chồng vợ giao cấu đạt tới khoái cảm tột đỉnh của dục tình trải nghiệm trạng thái rung động toàn thân nên nói là nổ ra, là chấn động ở chấn [8]. Tinh trùng gặp trứng mà hoài thai nên nói là hòa duyệt ở đòai [1]. Bào thai lớn dần thành hình vóc thai nhi tuy có nguyên thần nhưng chưa nảy sinh hay hấp thụ tư tưởng ô nhiễm nên nói là sáng đẹp ở ly [2]. Sống cùng sự sống của mẹ, theo từng nhịp đập của mẹ nên nói là thuận hòa ở khôn [3]. Mở mắt chào đời, nhập vào dòng sống với tất cả trong sạch không tranh không chấp nên nói là hoà nhập, nhún

nhường ở tổn [4]. Lớn lên và không thể duy trì được sự ngây thơ hồn nhiên nhưng tánh vẫn thiện nên nói là chững lại [ngưng lại] ở cấn [5]. Lớn thêm nữa thì đầu óc đã nhồi đầy kiến chấp và toan tính nên nói là thâm hiểm, là thắm đẫm ở khảm [6]. Lập gia đình, trở thành cha mẹ, lao vào tranh dành miếng cơm manh áo cho gia đình, già dặn với kinh nghiệm và quyết đoán trong hành động nên nói là cương quyết mãnh liệt ở càn [7]. Trở nên già nua tàn tạ, lý trí có những lúc hoài niệm và tự vấn, tâm thức có những lúc sáng tỏ tỉnh ngộ, rồi nhựa sống khô kiệt, lúc đang chết trải nghiệm sự rúng động do tứ đại phân rã nên nói là loé sáng, là chấn động ở chấn [8]. Nơi trải nghiệm sự chấn động của hồn phách xuất ra cũng là nơi trải nghiệm sự chấn động của khoái cảm dục tình cho nên đoạ cũng đó mà siêu cũng đó.

Chu kỳ sinh hóa của con người có một nửa ẩn một nửa hiện, một nửa thế giới bên trong, một nửa thế giới bên ngoài, một nửa tĩnh một nửa động, một nửa sinh một nửa diệt. Từ chấn tới tổn [8 → 4] là ẩn, là thế giới bên trong, là tĩnh, là sinh. Từ tổn tới chấn [4 → 8] là hiện, là thế giới bên ngoài, là động, là diệt. Ẩn là vì không ai thấy và cũng chẳng thấy ai. Hiện là vì thấy người và người cũng thấy. Thế giới bên trong là vì còn nằm trong bụng mẹ. Thế giới bên ngoài vì đã lìa bụng mẹ. Tĩnh là vì lặng lẽ tùy thuộc vào mẹ và nạp khí tiên thiên mà sống. Động là vì lằng xằng tranh đấu và tùy thuộc vào khí hậu thiên mà nuôi mạng. Sinh vì từ không mà trở thành có. Diệt vì từ có mà trở về không.

Bên ngoài vòng đai đỏ của đồ hình mô tả chu kỳ sinh hoá của thiên nhiên qua 8 giai đoạn là (a) biến mất ở tân, (b) im lìm ở nhâm, (c) ngũ vùi ở quý, (d) bùng dậy thập thò ở giáp, (e) mềm mại mong manh ở ất, (f) vươn ra lớn mạnh ở bính, (g) vững chắc đầy đủ ở đinh, (h) tàn lụi rũ chết ở canh.

Nếu nhìn thật kỹ thì 8 giai đoạn sinh hóa của con người và 8 giai đoạn sinh hóa của thiên nhiên có sự liên hệ mật thiết được mô tả trên đồ hình như sau:

Giai đoạn 1 = giai đoạn A = tân -4 đoài
Giai đoạn 2 = giai đoạn F = bính +7 ly
Giai đoạn 3 = giai đoạn G = đĩnh -2 khôn
Giai đoạn 4 = giai đoạn D = tốn +3 giáp
Giai đoạn 5 = giai đoạn E = cấn -8 ất
Giai đoạn 6 = giai đoạn B = nhâm +1 khảm
Giai đoạn 7 = giai đoạn C = quý -6 càn
Giai đoạn 8 = giai đoạn H = canh +9 chấn

Thứ tự của những giai đoạn từ 1 → 8 trong chu kỳ sinh hóa của con người chuyển dịch theo hướng ngược kim đồng hồ. Thứ tự của những giai đoạn từ A → H trong chu kỳ sinh hóa của thiên nhiên chuyển dịch theo hướng kim đồng hồ. Tuy một thuận một nghịch nhưng giữa con người và ngoại giới có một sự tương quan chặt chẽ.

Vạn vật bùng dậy ở xuân-mộc khởi động một nửa chu kỳ sống động của vòng sinh hoá. Cây cỏ mọc mầm, vỡ đất thập thò lú ra ở giáp [D = tốn +3 giáp], mong manh mềm mại ở ất [E = cấn -8 ất]. Con người nhú đầu chui ra khỏi bụng mẹ, hít thở không khí lần đầu nhập vào dòng sống sinh động ở tốn [4 = tốn +3 giáp], mong manh tuổi thơ ở cấn [5 = cấn -8 ất].

Vạn vật tăng trưởng ở hạ-hỏa, vươn ra lớn mạnh ở bính [F = bính +7 ly], vững chắc đầy đủ ở đĩnh [G = đĩnh -2 khôn]. Con người lớn khôn chững chạc ở đông-thủy, động dục ở tuổi thanh xuân nơi khảm [6 = nhâm +1 khảm], lập gia đình và tiêu hao sinh lực ở càn [7 = quý -6 càn].

Vạn vật thu liễm và tàn tạ ở thu-kim. Cây cỏ già rụng ở canh [H = canh +9 chấn] và tàn lụi biến mất ở tân [A = tân -4 đoài]. Con người cũng cạn cùn sinh lực, chấm dứt sự sống ở chấn [8 = canh +9 chấn] và biến mất ở đoài [1 = tân -4 đoài].

Vạn vật quy tàng ở đông thủy, im lìm ở nhâm [B = nhâm +1 khảm] ngũ vùi ở quý [C = quý -6 càn]. Con người ẩn náo trong bụng mẹ ở hạ hỏa, thai nhi phát triển nhanh ở ly [2 = bính +7 ly], chiếm đầy bụng mẹ ở khôn [3 = đĩnh -2 khôn].

Chu kỳ sinh hóa của con người và chu kỳ sinh hoá của thiên nhiên vừa đồng vừa dị. Con người và thiên nhiên vừa cộng hưởng vừa đối lập. Đồng ở xuân-thu, dị ở đông-hạ. Cộng hưởng ở giáp-ất, canh-tân. Đối lập ở nhâm-quý, bính-đĩnh.

Trong chu kỳ của thiên nhiên sinh hoá, vạn vật quy tàng im lìm ở càn-khảm.

Trong chu kỳ sinh hoá của con người, thai nhi lớn dần trong bụng mẹ ở ly-khôn.

Giai đoạn quy tàng trong chu kỳ sinh hóa của thiên nhiên thì vạn vật đi vào đông miên để tiết kiệm năng lượng. Chu kỳ sinh hóa của con người thì giai đoạn nằm trong bụng mẹ hài nhi tích cực hấp thụ năng lượng để lớn lên.

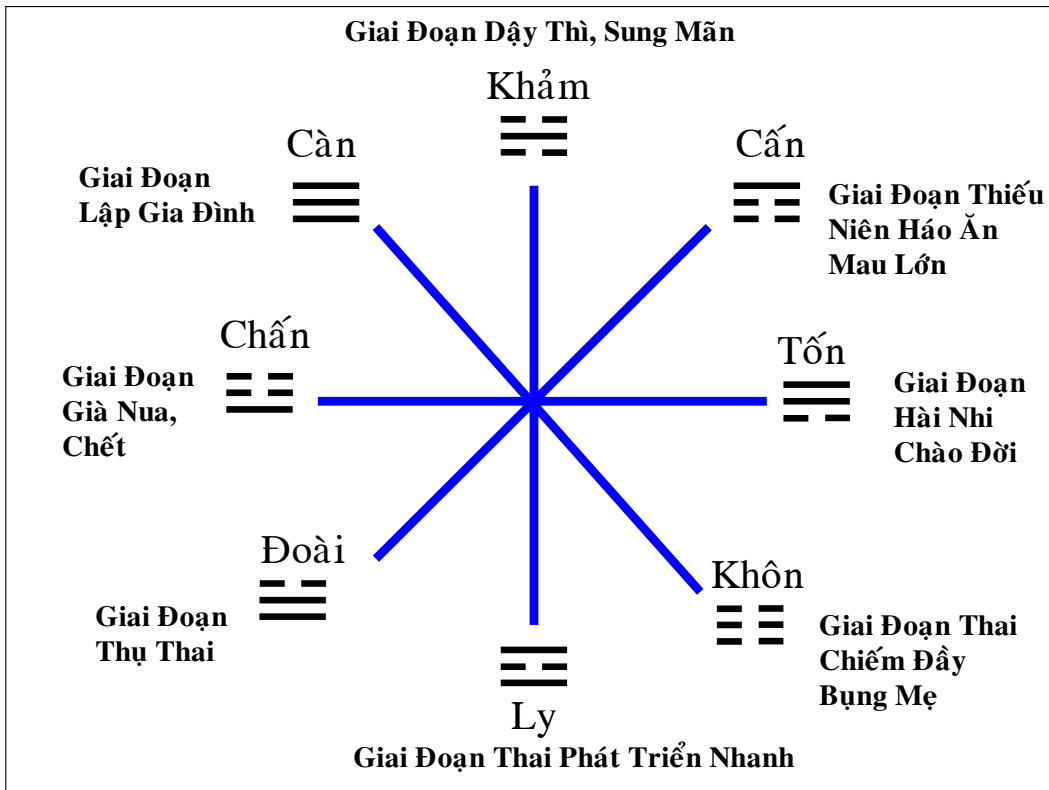
Như vậy, toàn thể đồ hình hậu thiên bát quái phối hà đồ [hình 28] vừa mô tả chu kỳ sinh hóa của con người vừa mô tả chu kỳ sinh hóa của vạn vật và mô tả sự tương quan giữa chu kỳ sinh hóa của con người với chu kỳ sinh hóa của vạn vật.

Nếu chúng ta muốn có một vài “dấu ấn” hỗ trợ cho tính hợp lý của đồ hình mô tả chu kỳ sinh hóa của con người vừa lý giải xong, hãy thử nhìn vào kho tàng y học cổ truyền. Theo Ths. Bs. Kiều Xuân Dũng, Học Viện Y Dược Học Cổ Truyền Việt Nam, trong cuốn Kinh Dịch Dẫn Giảng, do NXB Y Học xuất bản tại Hà Nội năm 2006, trang 37 có viết:

- 2 tháng thai có chất nước hợp với quả đoài;
- 3 tháng khí dương làm sôi nước hợp với quả ly;
- 8 tháng da thịt đầy đủ hợp với quả khôn;
- Hải Thượng Lãng Ông nói: loài người sinh ra ở hội dần [Hội dần chính là chỗ của Giáp +3 Tốn như trong hình 28].

Dầu rằng sự sắp xếp tuần tự 8 quả cho 9 tháng phát triển của thai nhi trong sách của BS. Kiều Xuân Dũng không trùng khớp với thứ tự các quái trong đồ hình mô

tả chu kỳ sinh hoá trong hình 28 hoặc đơn giản hơn là hình 29, nhưng chỉ bằng vào bao nhiêu thông tin y dịch học đó chúng ta cũng đã có thể phối kiểm mức độ trùng khớp giữa tiến trình phát triển của thai nhi [từ giai đoạn thụ thai cho tới giai đoạn sinh ra đời] với đồ hình mô tả chu kỳ sinh hóa của con người.



Hình 29: Chu Kỳ Sinh Hóa Của Con Người

Những điều được mô tả là “thai có chất nước hợp với quẻ đoài,” “dương khí làm sôi nước hợp với quẻ ly,” “da thịt đầy đủ hợp với quẻ khôn,” “sinh ra ở hội dần” chính xác là những thể-dạng-tính-trạng-hành đã được lý giải cho mỗi quái của hậu thiên bát quái đồ. Thứ tự trước sau của đoài-ly-khôn-dần được mô tả theo thời gian phát triển của thai nhi [dầu rằng có những quẻ khác chen vào đi nữa cũng không làm mất thứ tự trước sau của đoài-ly-khôn-dần] cũng hoàn toàn phù hợp với thứ tự trước sau của 4 quái đoài → ly → khôn → tốn trong đồ hình mô tả chu kỳ sinh hoá của con người như trong hình 29. Và một khi vị trí của bốn quái

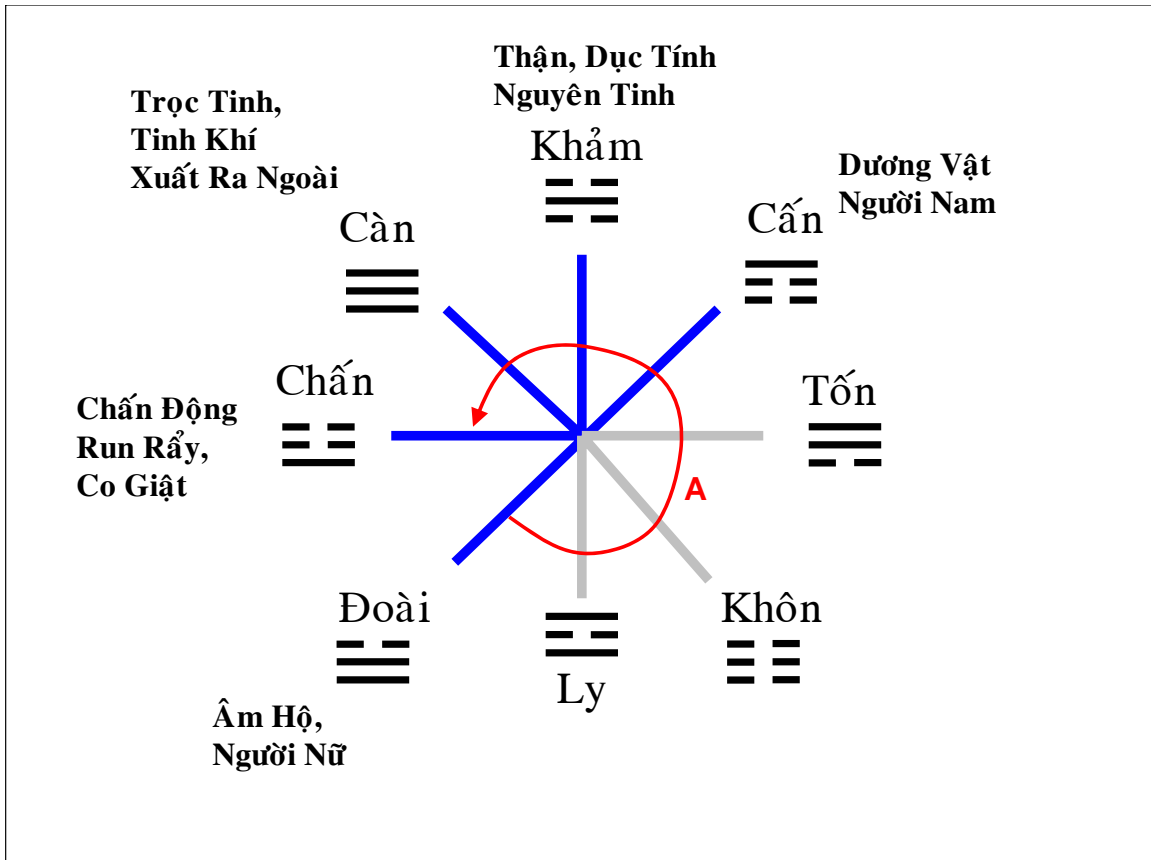
đoài-ly-khôn-tổn được xác định thì 4 quái còn lại cũng đương nhiên được xác định.

Dưới ánh sáng của khoa học hiện đại, tiến trình phát triển của bào thai từ tuần thứ hai cho đến tuần thứ 8 sau khi thụ tinh là giai đoạn phôi. Từ tuần thứ 9 trở về sau là giai đoạn phát triển cơ thể của thai, thời kỳ dành hoàn toàn cho sự tăng trưởng và hoàn chỉnh. Từ sáu tháng về sau, bào thai đã có thể sống bên ngoài bụng mẹ [với sự trợ giúp của y khoa]. Lúc sáu tháng bào thai có chiều dài trung bình từ 25cm đến 30cm và cân nặng khoảng 454g. Bào thai đặc biệt lớn nhanh vào ba tháng cuối. Thai nhi lên cân nhanh khoảng 900g mỗi tháng và tiếp tục lên cân để trẻ sinh ra bình quân cân nặng từ 2,7kg đến 3,8kg với chiều dài 52,5cm. Những thông tin này cho thấy ba quái xếp theo thứ tự đoài-thủy-khôn để mô tả tiến trình cấu tạo sinh mạng được hỗ trợ bởi bằng chứng khoa học.

Không những hậu thiên bát quái đồ có khả năng mô tả chu kỳ sinh hóa của con người, đồ hình có khả năng mô tả những hiện tượng sinh lý và tâm lý của con người. Chúng ta thử xét đến một vài trường hợp để xem mô hình có giải thích được những trải nghiệm quen thuộc trong thế giới hiện tượng.

Nếu lấy 5 quái theo thứ tự đoài-cấn-khảm-càn-chấn trên hậu thiên bát quái đồ như vòng cung A, trong hình 30, chúng ta sẽ có tập hợp A đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:

A: {(nữ/ âm hộ) + (nam/ dương vật) + (thận/ dục/ nguyên tinh) + (trọc tinh/ tinh xuất ra ngoài) + (chấn động/ run rẩy/ co giật)}. Hay trình bày một cách khác là A: {âm hộ người nữ [phối] với dương vật người nam [làm cho] thận động dục [rồi] nguyên tinh biến thành trọc tinh xuất ra ngoài [theo đó cơ thể] chấn động và co giật}.



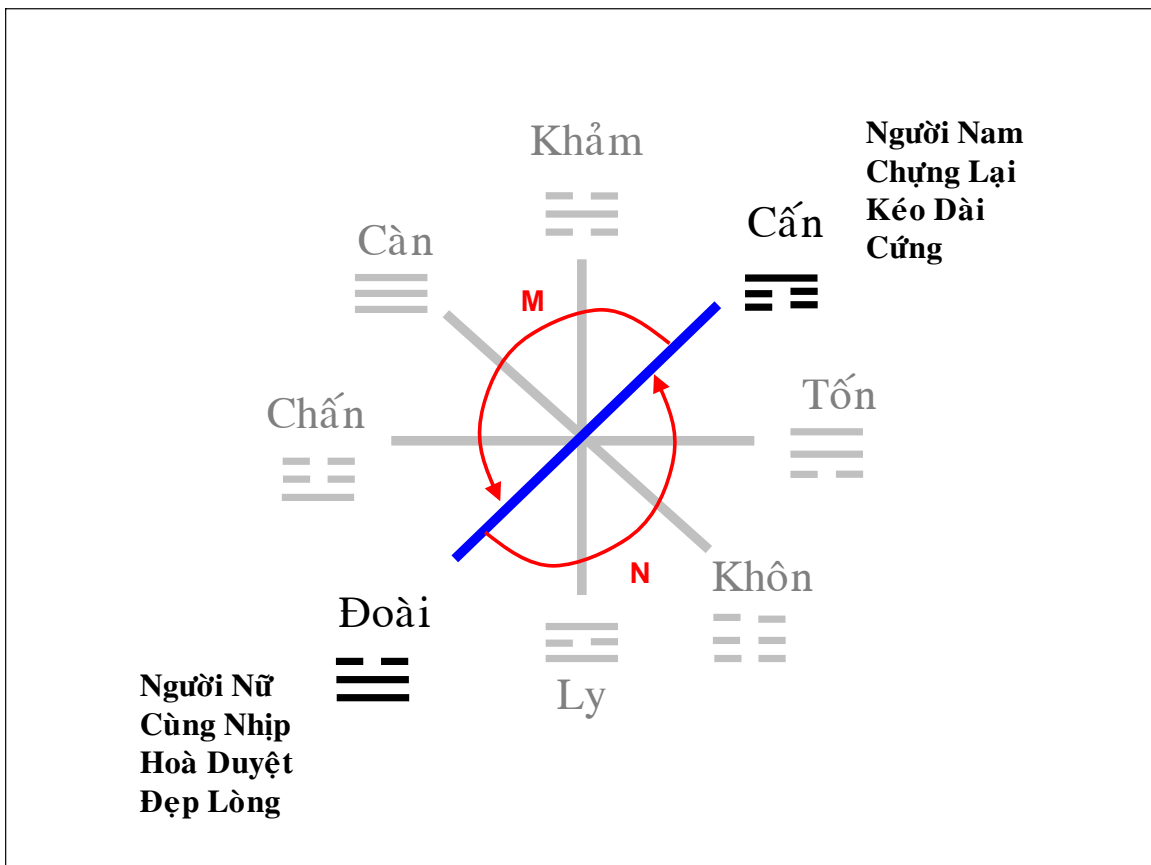
Hình 30: Trải Nghiệm Của Giao Hợp Sinh Lý

Những chữ trong ngoặc vuông [] là thêm vào để giúp làm sáng nghĩa. Nhìn vào nội dung của tập hợp A chúng ta thấy gì? Phải chăng là nó mô tả hiện tượng giao cấu của hai bộ phận sinh dục khác giới tính, cũng là sự giao hợp giữa người nam và người nữ, với thứ tự trước sau của những giai đoạn trải nghiệm sinh lý?

Nếu chỉ lấy hai quái theo thứ tự cấn, đoài trên hậu thiên bát quái đồ như vòng cung M trong hình 31 và hai quái theo thứ tự đoài, cấn như vòng cung N cũng trong hình 31. Chúng ta sẽ có hai tập hợp M và N đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thể hiện tượng được mô tả như sau:

M: {(nam, chững lại, kéo dài, cứng) + (nữ, cùng nhịp, hòa duyệt, đẹp lòng)}. Hay trình bày một cách khác là N: {nam chững lại, kéo dài, cứng [vì thế] nữ cùng nhịp, hòa duyệt, đẹp lòng}.

N: {(nữ, cùng nhịp, hoà duyệt, đẹp lòng) + (nam, chững lại, kéo dài, cứng)}. Hay trình bày một cách khác là N: {nữ cùng nhịp, hoà duyệt, đẹp lòng [là nhờ vào] nam chững lại, kéo dài, cứng}.



Hình 31: Ứng Xử Trong Giao Hợp Sinh Lý

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp trên chúng ta thấy được gì? Phải chăng nó mô tả cách ứng xử của đôi bạn tình để có thể cùng đạt được sự thỏa mãn trọn

ven? Có phải chăng nó cho biết đôi bạn tình cần phải làm thế nào để đạt được sự hài lòng đó?

Hai tập hợp M và N đại diện cho hai trường hợp khác nhau của sự kết hợp hai quái đoài và cần. Với tập hợp M thì cần là gốc còn đoài là ngọn, gốc là chỗ phát xuất hành động còn ngọn là đối tượng của hành động, gốc là chỗ chủ động còn ngọn là chỗ động, gốc là chủ còn ngọn là khách. Nếu nhìn theo cách xếp của chu dịch thì cần là nội quái đoài là ngoại quái, cần nằm dưới đoài nằm trên. Còn tập hợp N thì ngược lại với M.

Sự kết hợp của hai quái đoài và cần đã được chu dịch lý giải thành hai trường hợp. Nếu đoài trên cần dưới thì sự kết hợp được lý giải theo quẻ trạch sơn hàm ䷺. Thoán truyện viết “*Hàm, cảm dã, nhu thượng nhi cương hạ, nhị khí cảm ứng dĩ tương dự, chỉ nhi duyệt, nam há nữ, thị dĩ hanh lợi trinh. . .*” Tạm dịch: hàm là cảm ứng, mềm ở trên cứng ở dưới, hai khí cảm ứng nên cùng tham dự, cùng vui thỏa, nam nhường nữ, như thế sẽ tốt đẹp lâu dài. Theo Kinh Dịch Đại Toàn của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê thì chữ hàm có nghĩa là cảm ứng, là phổ quát và chữ hàm 咸 là chữ cảm 感 không có chữ tâm. Như vậy, suy ra có thể nói chữ hàm có nghĩa là cảm ứng sinh lý chứ không phải là cảm ứng tâm lý. Nói cách khác, hàm là cảm ứng thuần túy xác thật. Tạm gạt qua một bên những lý giải nghiêng về chính trị, xã hội, đạo đức và hãy tìm hiểu ý nghĩa lời thoán dưới lăng kính sinh lý thì quẻ trạch sơn hàm cũng có thể được lý giải là: đoài nằm trên cần nằm dưới, mô tả cảm ứng xác thật, nữ nằm ở trên nam nằm ở dưới, cả hai sẽ cùng đạt khoái cảm cùng được vừa ý, nam nằm dưới nữ, như thế sẽ tốt đẹp lâu dài Trải nghiệm tình dục của con người cho thấy quẻ sơn trạch hàm hoàn toàn chính xác khi nói về tư thế làm tình “nữ trên nam dưới” và sự thỏa mãn của cả hai, quan tâm nhất là sự thỏa mãn của người nữ, do tư thế đó giúp kéo dài thời gian giao cấu tránh được tình trạng “lỗi nhịp” giữa đôi bạn tình. Từ thỏa mãn sinh lý giúp cho người nữ vui vẻ [duyệt] về mặt tâm lý từ đó giúp bảo đảm được sự chung thủy [trinh] của người bạn tình.

Như vậy, chẳng phải là quẻ trạch sơn hàm đã gián tiếp nói lên người nữ là “đối tượng của hành động” và tính cách “khách” được tôn trọng trong sinh hoạt tình dục đúng như lý giải của tập hợp M trong hình 31 đó sao? Chẳng phải là hai chữ “vì thế” trong lý giải của tập hợp M đã gián tiếp nói lên kết quả “chưng lại, kéo dài” tự nhiên của vị thế nữ trên nam dưới được quẻ trạch sơn hàm mô tả đó sao?

Ngược lại, nếu như căn trên đoài dưới thì sự kết hợp được giải thích theo quẻ sơn trạch tổn ䷶. Thoán truyện viết “*Tổn, tổn hạ ích thượng, kỳ đạo thượng hành, hữu phu, nguyên cát, vô cứu, khả trinh, lợi hữu du vãng, hạt chi dụng . . .*” Tạm dịch: hao mất, người bên dưới mất mát người bên trên được lợi, ấy là nguyên ủy làm người trên, có chân thành, tốt đẹp như lúc đầu, không lỗi, có thể duy trì, lợi sẽ tới, biết dùng thế nào chứ. Tượng viết “*Sơn hạ hữu trạch, tổn, quân tử dĩ trừng phần truất dụng.*” Tạm dịch: núi trên đầm dưới, tổn hại, quân tử lo dẹp giận trừ dục. Tạm gạt qua một bên những lý giải nghiêng về chính trị, xã hội, đạo đức và hãy tìm hiểu ý nghĩa lời thoán dưới lăng kính sinh lý thì lời thoán có thể hiểu là: nữ nằm dưới nam nằm trên là tổn hại, vì là thỏa mãn cho người nam mà không thỏa mãn cho người nữ, ấy là đạo lý của chuyện nam nằm trên, nếu bạn tình đủ chân thành thì mới duy trì được như lúc đầu, nếu bạn tình không trách móc phàn nàn, thì mới khả dĩ duy trì được quan hệ, mới có cơ tiến triển, biết phải làm thế nào chứ? . . . Và lời tượng có thể hiểu là: nam ở trên nữ ở dưới là tổn hại, người đàn ông biết chuyện thì lo dẹp trừ sự phẫn uất tâm lý và giải trừ sự ản ức sinh lý của bạn tình. Trải nghiệm tình dục của con người cho thấy quẻ sơn trạch hàm hoàn toàn chính xác khi nói về tư thế làm tình “nam trên nữ dưới” và hệ lụy mang đến do tư thế này gây ra, tư thế mà người nam khó có thể kéo dài thời gian giao cấu so với tư thế người nữ nằm trên. Nếu không khéo thì người nữ không được thỏa mãn. Kéo dài tình trạng không được thỏa mãn sinh lý sẽ đưa đến những tổn hại về tâm lý và tổn hại về quan hệ của hai người, thể hiện dễ thấy nhất của tổn hại tâm lý là sự gắt gỏng hay phẫn nộ bất chợt và sự tổn hại của quan hệ thể hiện cao nhất là người bạn tình của mình sẽ đi tìm người bạn tình khác. Có tổn hại hay không và tổn hại tới đâu thì còn tùy thuộc vào mức độ “phiền não” do sự

lỗi nhịp gây ra trong sinh hoạt tình dục và tùy thuộc vào sự chân thành trong tình cảm của đôi bạn tình, vì thế lời thoán mới nói “nếu như bạn tình không trách móc” và “nếu bạn tình đủ chân thành.” Một khi đã có đủ chân thành thì mọi thứ đều có thể phơi bày để thấy rõ vấn đề, để hiểu rõ nhau. Và người đàn ông biết chuyện sẽ biết làm sao để thiết lập sự thăng bằng và hài hòa về cả hai mặt sinh lý và tâm lý cho chính mình và cho người bạn tình của mình.

Như vậy, chẳng phải là quả sơn trạch tổn đã nhấn mạnh việc người nam phải biết điều tiết để đáp ứng nhu cầu của bạn tình đó sao? Chẳng phải là lý giải của tập hợp N trong hình 31 cũng đã nhấn mạnh điều này với những chữ “là nhờ vào” đó sao?

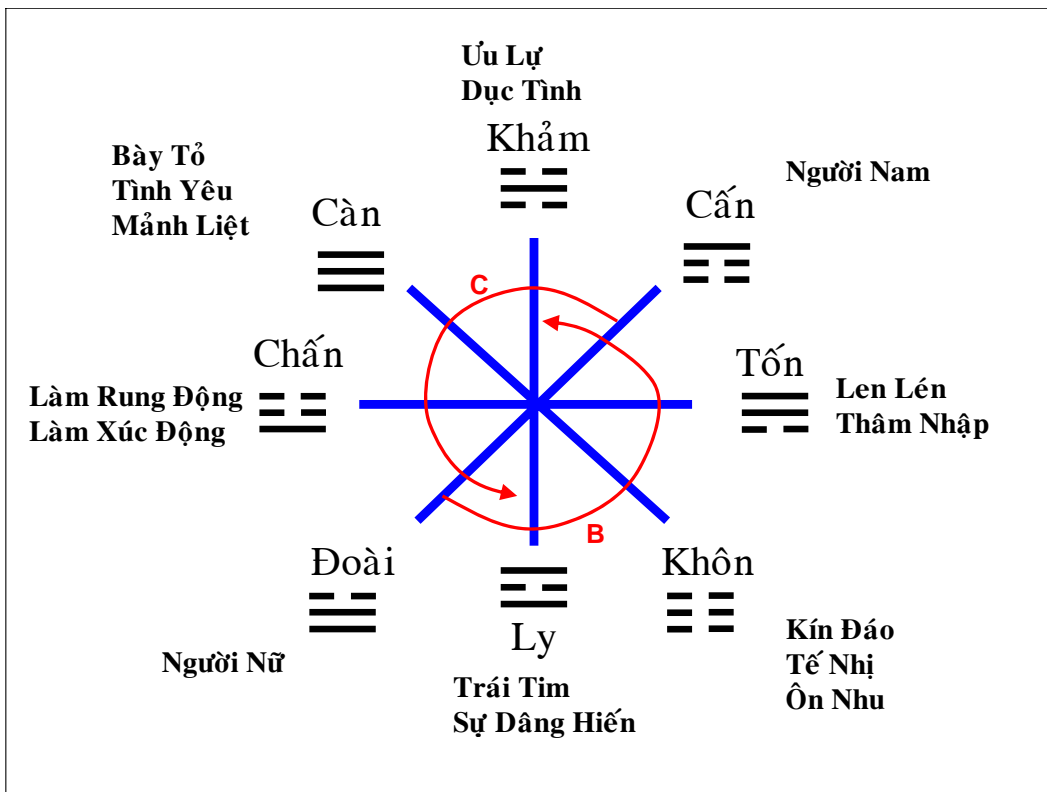
Nếu vận dụng vào lãnh vực tư vấn tâm sinh lý cho cá nhân thì hai quả sơn trạch hàm và trạch sơn tổn nói riêng hay hậu thiên bát quái đồ nói chung không kém khoa học và không thiếu sự “thông tình đạt lý” phải không?

Nếu lấy 6 quái theo thứ tự đoài-ly-khôn-tốn-cấn-khảm trên hậu thiên bát quái đồ, như vòng cung B trong Hình 32, và 6 quái theo thứ tự cấn-khảm-càn-chấn-đoài-ly, như vòng cung C trong hình 32, chúng ta sẽ có được hai tập hợp B và C đại diện cho dạng-tính-thể-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:

B: {(người nữ) + (trái tim/ dâng hiến) + (kín đáo/ tế nhị) + (len lén/ thâm nhập) + (người nam) + (ưu lự/ dục tình)}. Hay trình bày một cách khác là B: {(người nữ + trái tim, dâng hiến + kín đáo, tế nhị) → (len lén, thâm nhập) → (người nam + ưu lự, dục tình)}. Hay trình bày một cách khác nữa là B: {nàng đã yêu chàng [nên] kín đáo, tế nhị, len lén thâm nhập [vào trái tim chàng] rồi [cuối cùng thì] chiếm trọn tâm tư của chàng}.

C: {(người nam) + (ưu lự/ dục tình) + (bày tỏ/ tình yêu/ mãnh liệt) + (làm rung động/ làm xúc động) + (người nữ) + (con tim)}. Hay trình bày một

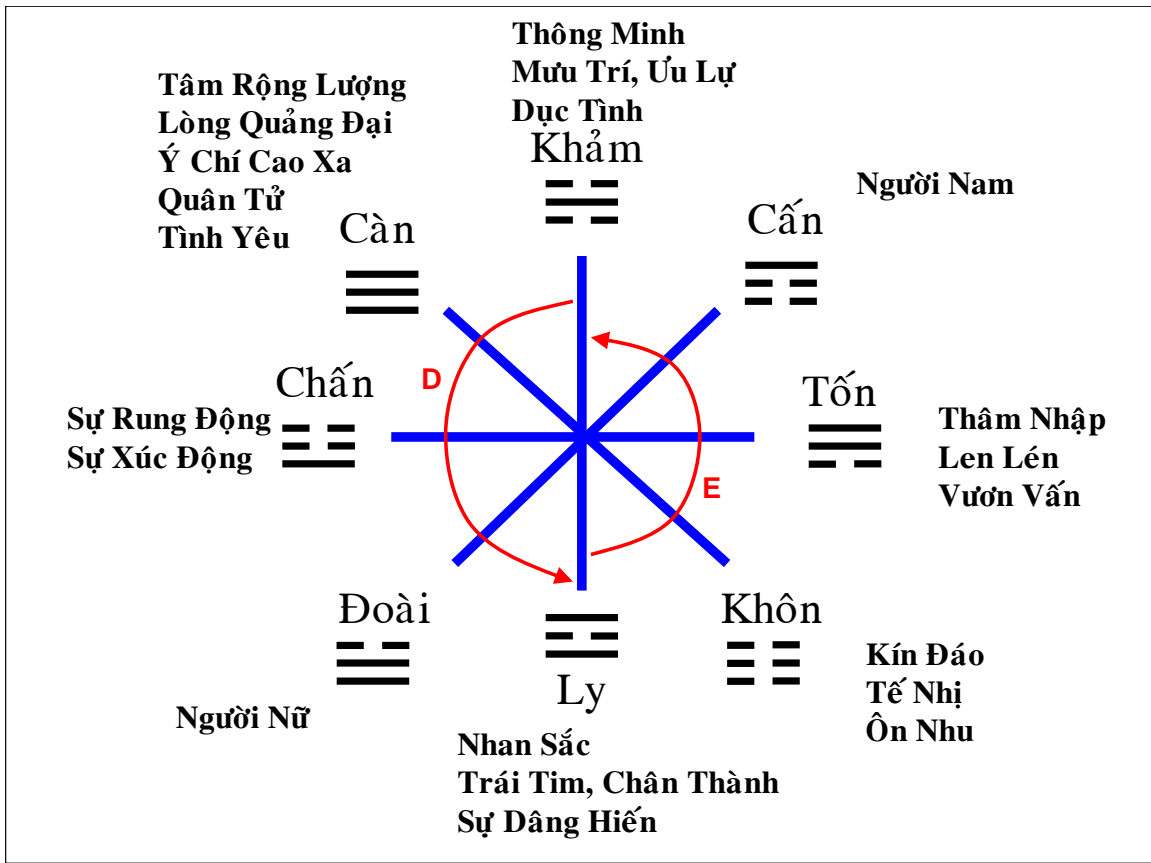
cách khác C: {(người nam + ưu lự dục tình + bày tỏ tình yêu mãnh liệt) → (làm rung động, làm xúc động + người nữ + con tim)}. Hay trình bày một cách khác nữa C: {chàng đã yêu nàng [nên không ngại] bày tỏ tình yêu mãnh liệt của mình [và sự bày tỏ đó] đã làm rung động, làm xúc động con tim nàng}.



Hình 32: Trải Nghiệm Giao Hợp Tâm Lý

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp trên người ta thấy gì? Phải chăng nó mô tả hiện tượng tâm lý “phải lòng nhau” giữa nam nữ, trong đó cho thấy hình ảnh một người nam yêu một người nữ nên đã bày tỏ tình yêu và đã làm rung động con tim nàng đồng thời cho thấy hình ảnh của một người nữ yêu một người nam nhưng kín đáo tế nhị và tình yêu của nàng đã len lén thâm nhập vào và chinh phục trọn vẹn tâm tư của người nam?

Nếu lấy 5 quái theo thứ tự khảm-càn-chấn-đoài-ly trên hậu thiên bát quái đồ, như vòng cung D trong hình 33, và lấy 5 quái theo thứ tự ly-khôn-tốn-cấn-khảm trên hậu thiên bát quái đồ, như vòng cung E trong Hình 33, chúng ta sẽ có hai tập hợp D và E đại diện cho thể-dạng-tính của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:



Hình 33: Quy Luật Hấp Dẫn Bận Tình Với Những Yếu Tố Tâm Sinh Lý

D: {(thông minh, mưu trí) + (tình yêu/ tâm rộng lượng/ lòng quảng đại/ ý chí cao xa/ tính quân tử) + (sự rung động/ sự xúc động) + (người nữ) + trái tim}. Hay trình bày một cách khác là D: {(thông minh, mưu trí + tình yêu, tâm rộng lượng, lòng quảng đại, ý chí cao xa, tính quân tử) → (sự rung động, sự xúc động + người nữ + con tim)}. Hay trình bày một cách khác

nữ là D:{tình yêu [cộng với] thông minh, mưu trí, tâm rộng lượng, lòng quảng đại, ý chí cao xa, tánh quân tử [của chàng đã làm cho] con tim nàng rung động}.

E:{{(nhan sắc/ trái tim/ chân thành/ sự dâng hiến) + (kín đáo/ tế nhị/ ôn nhu) + (len lén/ thâm nhập/ vờn vấn) + (người nam + ưu lự/ dục tình)}}.
Hay trình bày một cách khác là E:{{(nhan sắc, trái tim, chân thành, sự dâng hiến + kín đáo, tế nhị, ôn nhu) → (len lén, thâm nhập, vờn vấn + người nam + ưu lự, dục tình)}}. Hay trình bày một cách khác nữa là E:{nhan sắc, trái tim, sự chân thành, sự hiến dâng [cộng với] sự kín đáo, tế nhị, ôn nhu của nàng [đã] len lén thâm nhập làm vờn vấn lòng chàng [rồi cuối cùng là] chiếm cứ trọn vẹn tâm tư}.

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp này người ta thấy gì? Có phải chăng nó mô tả quy luật hấp dẫn bạn tình trong đó một tập hợp của những yếu tố tâm sinh lý tạo nên sự hấp dẫn để thu hút người khác phái dành cho người nữ hoàn toàn khác với tập hợp của những yếu tố dành cho người nam? Có phải chăng trải nghiệm của con người cho thấy những gì được mô tả bởi đồ hình rất là chính xác, nếu cảm xúc và ứng xử của con người không bị cương toả hay bị bóp méo bởi áp lực và toan tính?

Ngoài trái tim của người nữ, người nam còn có những tiêu chuẩn khác bao gồm: nhan sắc, sự chân thành, sự hiến dâng, sự kín đáo, sự tế nhị, và tính tình ôn nhu của người nữ. Ngoài tình yêu thực sự của người nam, người nữ còn có những tiêu chuẩn khác bao gồm: tâm rộng lượng, lòng quảng đại, ý chí cao xa, tính quân tử, và sự bày tỏ tình yêu của người nam [bằng lời và bằng hành động cụ thể, không phải chỉ một lần mà luôn luôn].

Ở đây mô hình đặc biệt làm sáng tỏ hiện tượng “rung động” ở chấn và “thâm nhập” ở tổn trong giao hưởng tâm lý của đôi bạn tình. Như vậy, thử nhìn vào sự

kết hợp của hai yếu tố rung động và thâm nhập đại diện bởi hai quái chấn và tổn xem người xưa lý giải như thế nào.

Sự kết hợp của hai quái chấn tổn được chu dịch lý giải thành hai trường hợp. Nếu chấn trên tổn dưới thì sự kết hợp được giải thích theo quẻ lôi phong hằng ䷟. Thoán truyện viết: “*Hằng, cứu dã. Cương thượng nhi nhu hạ, lôi phong tương dự, tổn nhi động, cương nhu giai ứng, hằng. Hằng hanh vô cửu, lợi trinh. . .*” Tạm dịch: hằng, là trường cứu. Cứng bên trên mà mềm bên dưới, sét gió cùng tham dự, tổn thuộc động, cứng mềm đều đáp ứng, là trường cứu. Hằng hưởng thụ mà không lỗi, được thỏa lòng lâu dài. Đại tượng truyện viết: “*Lôi phong, hằng. Quân tử dĩ lập bất dịch phương.*” Tạm dịch: lôi phong, là trường cứu. Quân tử giữ lấy hướng bất dịch. Tạm gạt qua một bên những lý giải nghiêng về chính trị, xã hội, đạo đức để chỉ nhìn từ góc độ giao hưởng tâm lý của một đôi bạn tình thì thoán truyện cũng có thể được lý giải là: rung động đi trước kết hợp với thâm nhập theo sau thì trường cứu, thể hiện rung động ở mặt nổi mà len lõi thâm nhập ở bề sâu, rung động và thâm nhập đồng tham dự, thâm nhập vốn là động, nên mặt nổi hay bề sâu đều chịu ảnh hưởng, thế là lâu dài. Hằng hanh thông mà không lỗi, được việc lâu dài. Và đại tượng truyện cũng có thể được lý giải là: rung động đi trước kết hợp với thâm nhập theo sau là thế lâu dài, người đàn ông biết chuyện nên giữ lấy cái thế lâu dài đó.

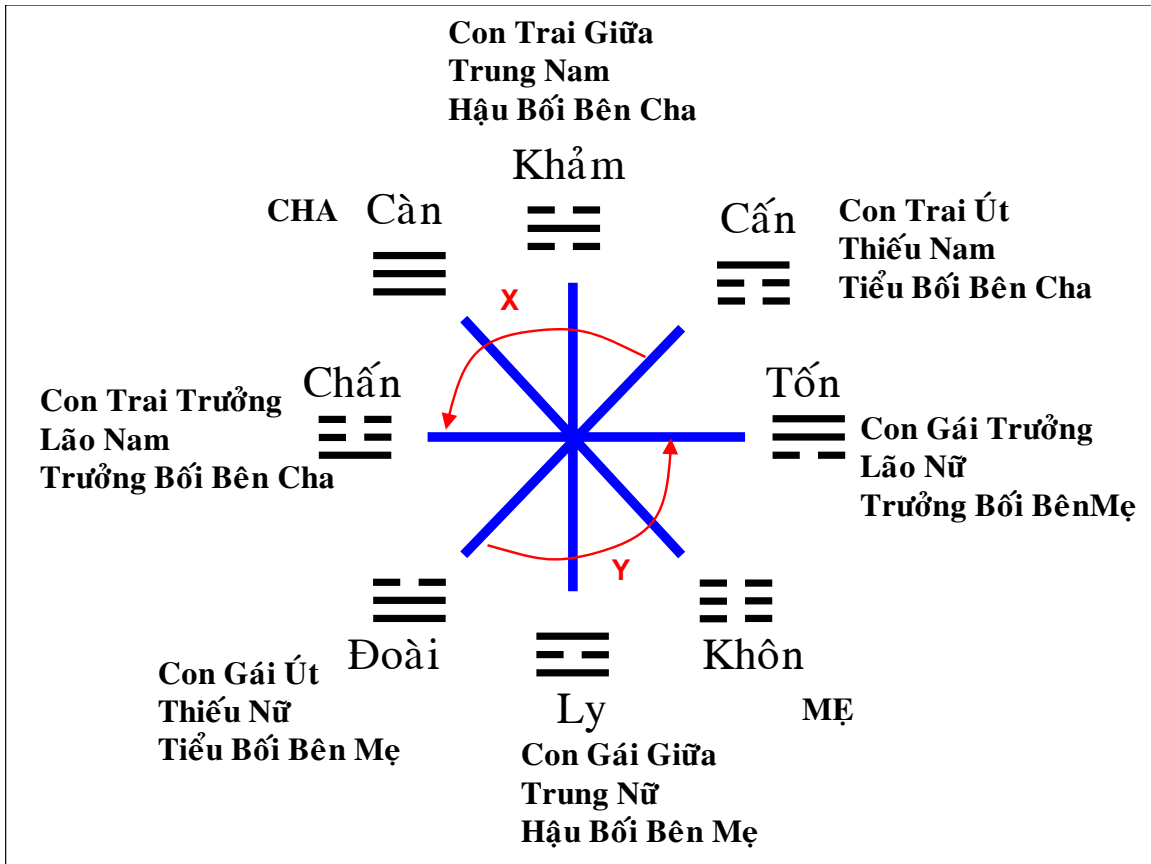
Ngược lại, nếu tổn trên chấn dưới thì sự kết hợp được giải thích theo quẻ phong lôi ích ䷩. Thoán truyện viết: “*Ích, tổn thượng ích hạ, dân duyệt vô cương, tự thượng há hạ, kỳ đạo đại quang. . .*” Tạm dịch: ích là hao bên trên lợi bên dưới, dân vui vô ngần, tự trên nhường dưới, ấy con đường sáng rực. . . Đại tượng truyện viết: “*Phong lôi ích, quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên, hữu quá tắc cải. . .*” Tạm dịch: phong lôi ích, quân tử thấy đúng thì theo, thấy quá đáng thì chỉnh. Tạm gạt qua một bên những lý giải nghiêng về chính trị, xã hội, đạo đức để chỉ nhìn từ góc độ giao hợp tâm lý của một đôi bạn tình thì thoán truyện của quẻ phong lôi ích cũng có thể lý giải là: thâm nhập đi trước kết hợp với rung động

theo sau là có ích, hao để thâm nhập được cái bổ ích của rung động, làm đối tượng vui vô ngần, tự chịu hao trước để được cái ích của rung động đến sau, ấy là con đường rất sáng. Và đại tượng truyện có thể lý giải là: thâm nhập đi trước kết hợp với rung động theo sau là có ích, người đàn ông biết chuyện thấy tốt thì nghiêng theo, thấy quá đáng thì chỉnh.

Cả hai quẻ đều mô tả phương cách chinh phục tâm lý của đối phương với hai yếu tố chính là rung động [bề mặt] và thâm nhập [chiều sâu], chỉ khác nhau ở chỗ quẻ lôi phong hằng tạo rung động tâm lý trước để thâm nhập sâu vào tình cảm của đối phương còn quẻ phong lôi ích thì thâm nhập trước vào tâm lý của đối phương để tạo sự rung động tình cảm. Phái nam có khuynh hướng dễ bộc lộ tình cảm và mãnh liệt hơn trong cách bộc lộ so với phái nữ nên thích hợp hơn với hành trạng lôi phong hằng. Còn phái nữ kín đáo tế hơn trong tình cảm và tế nhị hơn trong cách bộc lộ cho nên hợp với hành trạng phong lôi ích. Điều này đúng với quy luật hấp dẫn bạn tình được mô tả trong hình 32, trong đó phái nam thì làm rung động đối tượng nữ còn phái nữ thì thâm nhập đối tượng nam. Trong khi hai quẻ lôi phong hằng và phong lôi ích cung cấp thông tin “làm thế nào để chinh phục tình cảm đối phương” thì nội dung của đồ hình 32 không những cũng cung cấp thông tin đó mà còn cung cấp thêm thông tin “điều gì làm cho đối phương rung động” hoặc “điều gì có thể thâm nhập vào tình cảm của đối phương.”

Và nếu vận dụng vào lãnh vực tư vấn tâm sinh lý cho cá nhân thì hai quẻ lôi phong hằng và phong lôi ích nói riêng và mô hình hậu thiên bát quái đồ nói chung không kém khoa học và không thiếu sự “thông tình đạt lý” phải không?

Nếu lấy 4 quái theo thứ tự cấn-khảm-càn-chấn trong hậu thiên bát quái đồ, như vòng cung X trong hình 34, và 4 quái theo thứ tự đoài-ly-khôn-tốn, như vòng cung Y trong hình 34, chúng ta sẽ có được hai tập hợp X và Y đại diện cho thể-dạng-tính của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:



Hình 34: Cấu Trúc Của Một Gia Đình

X: {(con trai út) + (con trai giữa) + (cha) + (con trai trưởng)} hay trình bày một cách khác là X: {con trai út + con trai giữa + cha + con trai trưởng}.

Y: {(con gái út) + (con gái giữa) + (mẹ) + (con gái trưởng)} hay trình bày một cách khác là Y: {con gái út + con gái giữa + mẹ + con gái trưởng}.

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp này người ta thấy gì? Có phải chăng chúng mô tả cấu trúc của một gia đình? Có phải chăng hình ảnh của một bà chị cả đứng bên cạnh mẹ là để nói rằng vai trò của bà chị cả là sẵn sàng thay thế cho mẹ để đảm nhiệm vai trò làm mẹ, nếu như vì một lý do nào đó mẹ không còn có mặt trong gia đình? Có phải chăng hình ảnh của một ông anh cả đứng bên cạnh cha là để nói rằng vai trò của ông anh cả là sẵn sàng thay thế cho cha để đảm

nhệm vai trò làm cha, nếu như vì một lý do nào đó cha không còn có mặt trong gia đình? Tại sao đứng giữa mẹ và đứa em trai còn nhỏ [một thiếu nam] lại là bà chị cả và đứng giữa cha và đứa em gái nhỏ là ông anh cả mà không là thành viên khác của gia đình? Có phải chẳng điều này là để nói rằng ông anh cả và bà chị cả phải đảm trách vai trò tư vấn cho đứa em nhỏ khác phái tính, để nó có thông tin và kiến thức về thế giới khác phái tính, cùng lúc là đảm trách vai trò người bảo vệ cho đứa em nhỏ trên hành trình học hỏi và khám phá của nó?

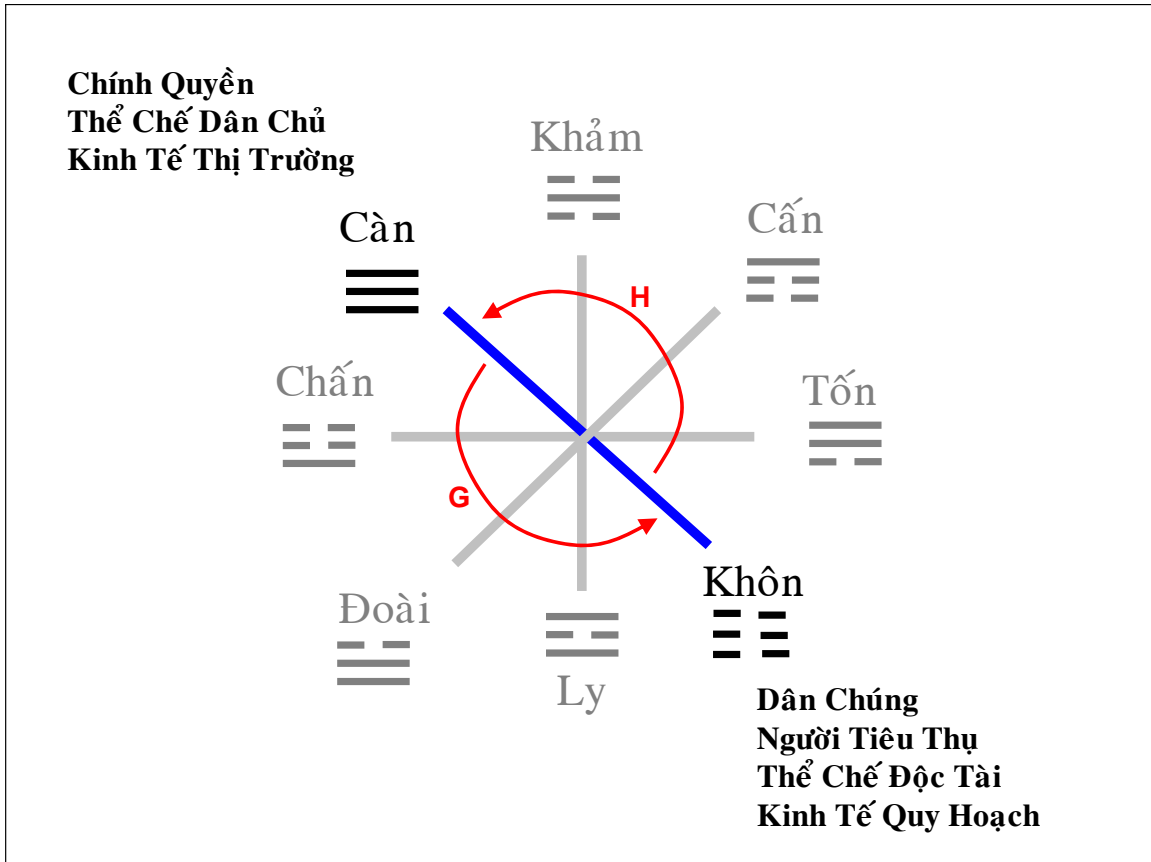
Nhìn vào đồ hình 34, ngoài cấu trúc của một gia đình, chúng ta còn thấy được gì? Phải chăng nó mô tả cấu trúc của một dòng tộc trong đó bao gồm họ nội và họ ngoại; họ nội bao gồm trưởng bối của cha, cha, hậu bối của cha và tiểu bối của cha; họ ngoại bao gồm trưởng bối của mẹ, mẹ, hậu bối của mẹ và tiểu bối của mẹ?

Cũng là từ đồ hình này, phải chăng nó cũng mô tả những giai đoạn của một đời người, từ khi sinh ra cho đến lúc già chết? Phải chăng nó cũng mô tả quy luật hấp dẫn đối tượng cùng trang lứa khác phái, đối xứng qua trục? Phải chăng nó cũng mô tả trục càn khôn là lằn ranh của luân lý để dừng lại, đồng thời lằn ranh đó cũng là là giới tuyến phải vượt qua để tiến tới việc thiên kinh địa nghĩa?

Nếu lấy hai quái theo thứ tự từ càn tới khôn trên hậu thiên bát quái như vòng cung G trong hình 35 và lấy hai quái theo thứ tự từ khôn tới càn trên hậu thiên bát quái như vòng cung H trong hình 35, chúng ta sẽ có được hai tập hợp G và H đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:

G: {(thể chế dân chủ/ kinh tế thị trường) à (dân chúng/ người tiêu thụ)}.
Hay trình bày một cách khác là G: {thể chế dân chủ/ kinh tế thị trường
[phục vụ] dân chúng/ người tiêu thụ}

H:{{(thể chế độc tài/ kinh tế quy hoạch) à (chính quyền)}}. Hay trình bày một cách khác là H:{{(thể chế độc tài/ kinh tế quy hoạch [phục vụ] chính quyền}}




Hình 35: Tương Quan Giữa Cơ Chế Với Đối Tượng Nó Phục Vụ.


Nhìn vào hai tập hợp này chúng ta thấy gì? Có phải chăng chúng mô tả tương quan giữa một cơ chế quyết định không gian sống của con người trong một xã hội và đối tượng mà cơ chế đó thực sự phục vụ? Có phải chăng nó mô tả là thể chế dân chủ đứng ở thế đối lập với dân và cơ chế kinh tế thị trường đứng ở thế đối lập với người tiêu thụ nhưng đối tượng để thể chế/ cơ chế này phục vụ thực sự là dân chúng và người tiêu thụ trong khi thể chế độc tài đứng ở thế cùng với nhân dân và kinh tế quy hoạch đứng ở thế cùng với người tiêu thụ nhưng đối

tượng để thể chế/ cơ chế này phục vụ thực sự lại là chính quyền, hay nói cho đúng hơn là phục vụ cho những kẻ đang nắm quyền?

Hai tập hợp G và H đại diện cho hai trường hợp khác nhau của sự kết hợp hai quái càn và khôn. Với tập hợp G thì càn là gốc còn khôn là ngọn, gốc là chỗ phát xuất hành động còn ngọn là đối tượng của hành động, gốc là chỗ chủ động còn ngọn là chỗ động, gốc là chủ còn ngọn là khách. Nếu nhìn theo cách xếp của chu dịch thì càn là nội quái khôn là ngoại quái, càn nằm dưới khôn nằm trên. Còn tập hợp H thì ngược lại với G.

Sự kết hợp của hai quái càn và khôn cũng được chu dịch lý giải thành hai trường hợp. Nếu khôn trên càn dưới thì sự kết hợp được lý giải theo quẻ địa thiên thái . Thoán truyện viết “*Thái. Tiểu vãng đại lai cát hanh. Tắc thị thiên địa giao nhi vạn vật thông dã. Thượng hạ giao nhi khí đồng dã. Nội dương nhi ngoại âm. Nội kiện nhi ngoại thuận. Nội quân tử nhi ngoại tiểu nhân. Quân tử đạo trường. Tiểu nhân đạo tiêu dã.*” Tạm dịch: thái, cái nhỏ đi cái lớn tới là tốt lành hanh thông, trời đất giao hòa thì vạn vật thông dung, trên dưới giao hòa thì chí hướng như nhau, trong dương ngoài âm, trong thì mạnh mà ngoài thì thuận, trong quân tử ngoài tiểu nhân, quân tử thịnh tiểu nhân suy.

Như vậy, quẻ địa thiên thái không phải là chủ trương lấy càn làm gốc khôn làm ngọn, giữ gốc cho cứng mạnh lấy ngọn mà chiều lòn, giữ quân tử làm chủ đãi tiểu nhân như khách quý giống như là lý giải của tập hợp G trong hình 35 đó sao? Không phải là quẻ thiên địa thái chủ trương lấy cái dung chứa vô cùng của đạo càn làm cái gốc và lấy cái nâng đỡ của đạo khôn để dưỡng nuôi cái ngọn, và nhờ đó sẽ nhìn thấy trên dưới đồng lòng, trong ngoài an định và thịnh vượng, cũng không khác với lý giải của tập hợp G trong hình 35 đó sao?

Nếu càn trên khôn dưới thì sự kết hợp được lý giải theo quẻ thiên địa bĩ . Bĩ là lao lung, là bế tắc. Theo Kinh Dịch Đại Toàn của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ và

Huyền Linh Yến Lê thì “*bĩ là thời kỳ tiểu nhân lũng đoạn chính quyền, mặc tình làm mưa, làm gió; Còn người quân tử thì bất đắc dụng, bất phùng thời. . . Quẽ Bĩ ứng vào thời kỳ mà con người lấy vật chất làm trọng tâm, lấy sự đấu tranh làm phương châm hành động, lấy sự thỏa mãn thị hiếu, thị dục làm cứu cánh, lấy sự thành công bên ngoài làm tiêu chuẩn mà đánh giá con người. Thời ấy tất cả cái đẹp để đều phô ra ngoài, con người trở nên phù phiếm, phiến diện. Đạo đức, nhân nghĩa cũng hời hợt nơi đầu môi cửa miệng, và được lồng vào những lễ nghi bên ngoài, được giảng nơi đầu đường, xó chợ, dưới hình thức bích chương và biểu ngữ. . . nhưng trên thực tế, đạo đức, nhân nghĩa đã rời khỏi lòng con người.*” Thoán truyện cũng đã viết “*Bĩ chi phỉ nhân. Bất lợi quân tử trình. Đại vãng tiểu lai. Tắc thiên địa bất giao nhi vạn vật bất thông dã. Thượng hạ bất giao nhi thiên hạ vô bang dã. Nội âm nhi ngoại dương. Nội nhu nhi ngoại cương. Nội tiểu nhân nhi ngoại quân tử. Tiểu nhân đạo trưởng. Quân tử đạo tiêu dã.*” Tạm dịch: Bĩ ấy bất chính, chẳng may cho quân tử chính đáng, lớn đi nhỏ lại, thì trời đất chẳng giao hòa vạn vật chẳng thông dung, trên dưới chẳng giao hòa thiên hạ hỗn loạn, trong âm ngoài dương, trong mềm ngoài cứng, trong thì tiểu nhân ngoài thì quân tử, tiểu nhân được thế, quân tử suy vi.

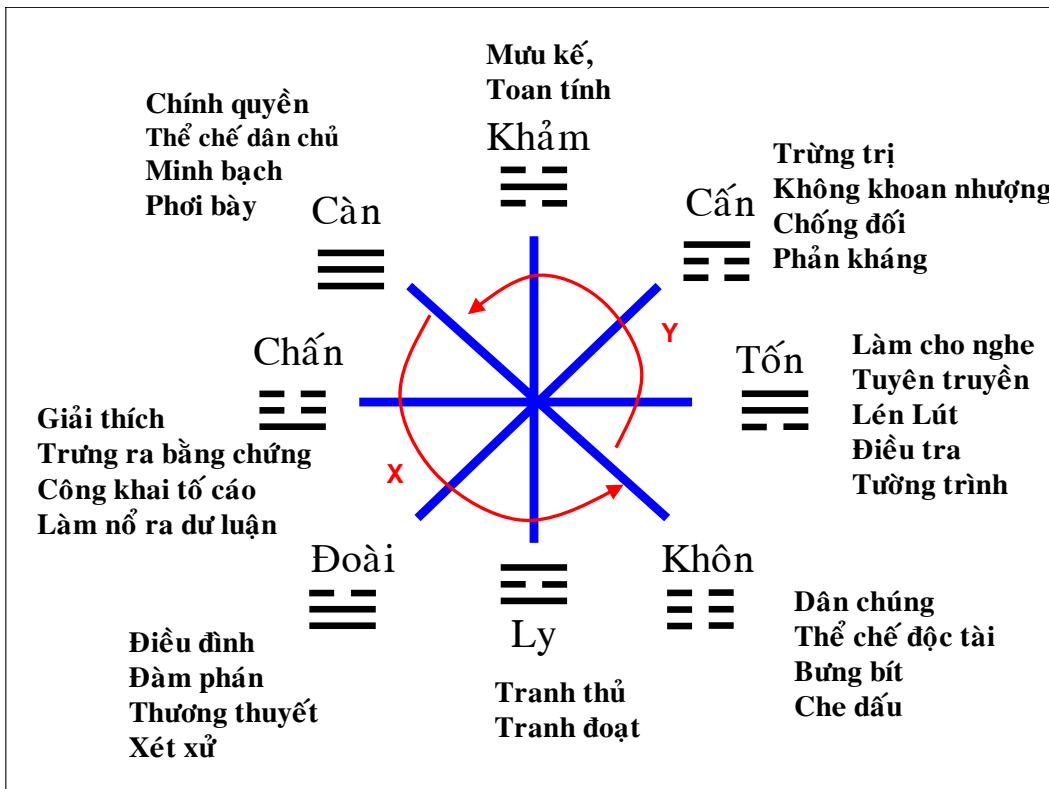
Như vậy, không phải là quẻ thiên địa bĩ vạch ra cho thấy tình trạng kẻ hèn kém bất chính nắm quyền hành điều khiển còn nhân tài chân chính thì bị xua đuổi bạc đãi cho nên guồng máy chính trị mới xảy ra chuyện trong thì mục nát ngoài thì khắc nghiệt và đất nước rơi vào tình huống thượng bất chính hạ tất loạn đó hay sao? Không phải là quẻ thiên địa bĩ cho thấy những bế tắc, hỗn loạn, bất chính xảy ra là do thể chế chính trị đã lấy cái “gây ra áp lực” của đạo khôn làm gốc và lấy cái “mông lung mê muội” của đạo càn làm ngọn đó hay sao? Không phải là tập hợp H trong hình 35 cũng đã chứa đựng những lý giải này đó sao?

Đối chiếu giữa hai tập hợp G và H, không phải là trải nghiệm thực tế cho thấy tập hợp G có khả năng hơn xa so với tập hợp H trong việc mang lại sự ổn định và

thịnh vượng cho một quốc gia đó hay sao? Cũng không khác sự khác biệt giữa quẻ địa thiên thái và quẻ thiên địa bĩ đó hay sao?

Có thể nói hai tập hợp G và H thực ra là hai mô hình cơ chế chính trị và là hai mô hình cơ chế kinh tế đối lập nhau với những tính cách và hệ quả rất rõ rệt. Xem ra chu dịch và hậu thiên bát quái đồ không thiếu khả năng thực dụng cũng không thiếu sự thông tình đạt lý khi được soi dưới lăng kính chính trị và kinh tế, có đúng vậy không?

Nếu lấy 5 quái theo thứ tự càn, chấn, đoài, ly, khôn như vòng cung X trong hình 36 và lấy 5 quái theo thứ tự khôn, tốn, cấn, khảm, càn như vòng cung Y cũng trong hình 36, chúng ta sẽ có được hai tập hợp G và H đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:



Hình 36: Thể Hiện Của Cơ Chế Chính Trị

X: {(thể chế dân chủ, minh bạch, phơi bày) + (công khai tố cáo, làm nổ ra dư luận, trưng ra bằng chứng, giải thích) + (điều đình, đàm phán, thương thuyết, xét xử) + (tranh thủ, tranh đoạt) + (dân chúng)}. Hay trình bày một cách khác là X: {(thể chế dân chủ, minh bạch, phơi bày) → (công khai tố cáo, làm nổ ra dư luận, trưng ra bằng chứng, giải thích) → (điều đình, đàm phán, thương thuyết) → (tranh thủ, tranh đoạt) → (dân chúng)}. Hoặc trình bày một cách khác nữa là X: {chính thể dân chủ, minh bạch, phơi bày [cho nên có thể] công khai tố cáo, làm nổ ra dư luận, trưng ra bằng chứng, giải thích [rồi] điều đình, đàm phán, thương thuyết, xét xử [để] tranh thủ, tranh đoạt [kết quả nhằm phục vụ] dân chúng}.

Y: {(thể chế độc tài, bưng bít, che giấu) + (tuyên truyền, làm cho nghe, lén lút, điều tra, báo cáo) + (trừng trị, không khoan nhượng, chống đối, phản kháng) + (chính quyền)}. Hay trình bày một cách khác là Y: {(thể chế độc tài, bưng bít, che giấu) → (tuyên truyền, làm cho nghe, lén lút, điều tra, tường trình) → (trừng trị, không khoan nhượng, chống đối, phản kháng) → (chính quyền)}. Hoặc trình bày một cách khác nữa là Y: {thể chế độc tài bưng bít, che giấu [nên vận dụng] tuyên truyền làm cho nghe [và] lén lút điều tra, báo cáo [rồi] trừng trị không khoan nhượng [những đối tượng] chống đối, phản kháng [nhằm phục vụ] chính quyền}.

Nhìn vào hai tập hợp X và Y chúng ta thấy được gì? Có phải chăng trải nghiệm của nhân loại trên mặt địa cầu đã dạy cho chúng ta biết là những thể hiện của cơ chế [cũng như tâm thức, hành vi, phương cách và động lực] được mô tả ở đồ hình 36 rất là trung thực, rất là chính xác?

Nếu lấy 6 quái theo thứ tự càn, đoài, ly, khôn, cấn, khảm như vòng cung O trong hình 37 và lấy 6 quái theo thứ tự khôn, cấn, khảm, càn, đoài, ly như vòng cung P cũng trong hình 37, chúng ta sẽ có được hai tập hợp O và P đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng được mô tả như sau:

[dùng vào việc] sản xuất, cung cấp hàng hoá dịch vụ [cho] nhà sản xuất [qua] cơ chế thị trường [sẽ nhận được] tiền [theo] thương lượng, hợp đồng [để] mua sắm, tiêu thụ}.

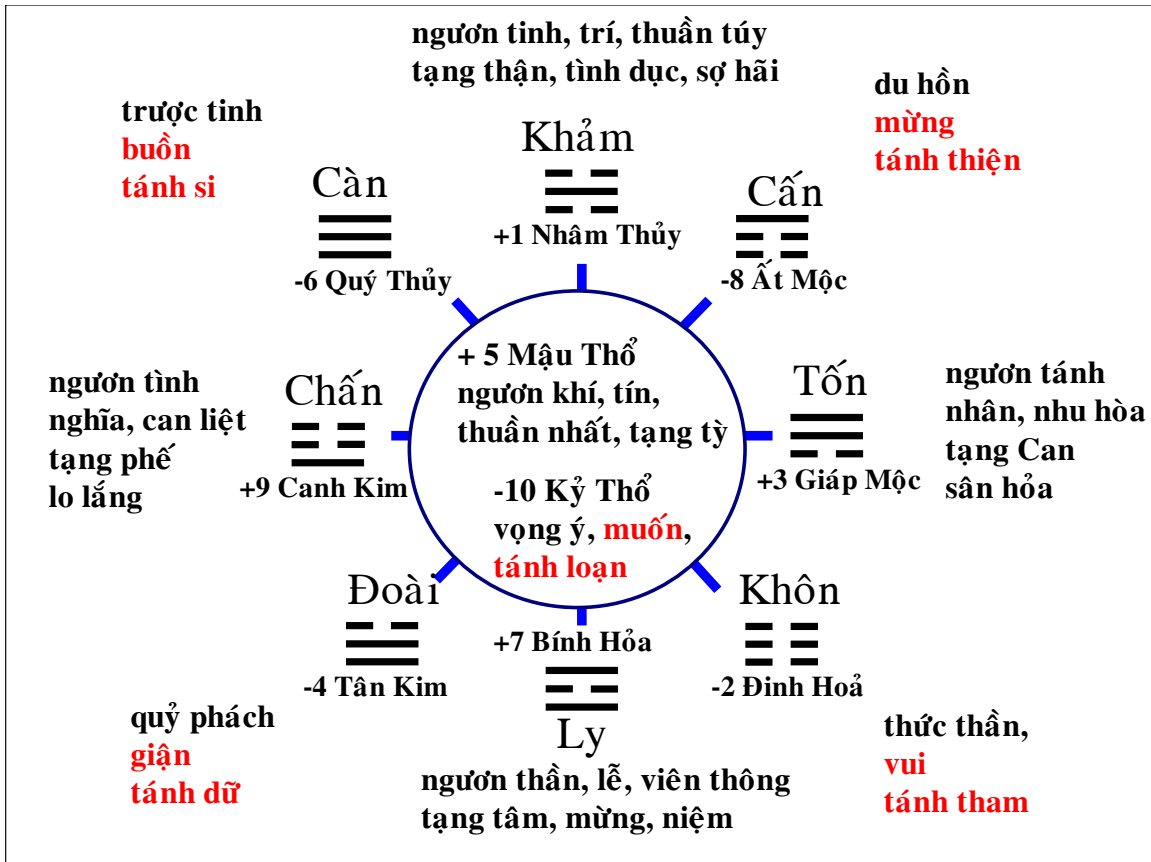
Hoặc lý giải khác hơn P: {(dân chúng) + (bất động sản, công cụ sản xuất, nguyên liệu) + (hàng hóa dịch vụ) + (cơ chế thị trường) + (tiền, thương lượng, hợp đồng, sức lao động, trình độ, kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm) + (mua xài, tiêu thụ)}. Hoặc trình bày một cách khác là P: {dân chúng [muốn có] bất động sản, công cụ sản xuất, nguyên liệu và hàng hoá dịch vụ [thì qua] cơ chế thị trường [có thể] thương lượng, hợp đồng [để sử dụng] sức lao động, trình độ, kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm [đổi lấy] tiền [mà] mua sắm}.

Nhìn vào nội dung của hai tập hợp O và P chúng ta thấy gì? Có phải chẳng cả hai đều mô tả quy luật vận hành của cơ chế kinh tế thị trường? Có phải chẳng trải nghiệm thực tế cho chúng ta thấy sự mô tả này qua hậu thiên bát quái đồ rất là chính xác?

Bây giờ thì chúng ta hãy thay lăng kính chính trị và kinh tế để nhìn hậu thiên bát quái đồ dưới một lăng kính khác.

Nếu lấy toàn thể hậu thiên bát quái phối hà đồ, như hình 27, nhưng giản lược hoá để dễ nhìn hơn, như hình 38, chúng ta thấy gì?

Phải chăng đồ hình mô tả bản thể của con người, bao gồm những yếu tố hình và chất, trong đó bao gồm yếu tố hữu chất hữu hình như là tạng và hữu chất vô hình như là tạng khí [hoặc như là nguyên tinh, nguyên thần, nguyên tình, nguyên tánh, nguyên khí, cái gọi là ngũ hành vô hình mà hữu chất] lẫn những yếu tố vô chất vô hình như bản tánh hay linh hồn [hoặc như là nhân, nghĩa, lễ, trí, tính, cái gọi là ngũ hành vô hình và vô chất]?



Hình 38: Bản Thể Con Người

Tìm trong kho tàng dịch học của tôn giáo, chúng ta bắt gặp bài thuyết giảng giáo lý của Đức Thái Thượng Đạo Tổ như sau:⁸

“Vũ trụ khởi thủy là một thể hồng mông vô cực, mờ mờ ảo ảo, không hình tượng, không âm thanh, không trời đất, núi sông, tinh tú. Vạn tượng giai không. Trong cõi hồng mông có một điểm linh thông vi diệu gọi là thái cực. Thái cực có đặc tính cực tịnh. Thái cực hàm chứa ẩn tàng một sinh cơ, điều hòa động tịnh, sanh trời, sanh đất, sanh người, sanh vạn vật, sanh tiên, sanh phật. Sau khi thái cực sanh lưỡng nghi, là âm dương, thì có cơ biến hóa tạo nên thế giới hậu thiên sanh sanh tử tử, tấn thối tồn vong,

⁸ Tý thời, đêm 15 tháng 3 năm Quý Sửu (17.4.1973) – Cao Đài Đại Đạo

thạnh suy bỉ thái . . . tức phát sinh ra hàng hàng lớp lớp đối tượng. [cuối đoạn 1]

Thủy tổ loài người là Bàn Cổ do tiên thiên chân khí sinh ra, là thái cực. Thái cực sanh ra ngôi thái dương. Trong ngôi thái dương có ngôi thiếu âm. Ngôi thiếu âm trưởng thành hóa sanh ra ngôi thái âm. Thái dương tượng trưng cho nam giới. Thái âm tượng trưng cho nữ giới. Từ đây nam nữ phối ngẫu mà có nhân loại. [cuối đoạn 2]

Tiên thiên thận khí của cha phát động phối hợp với hậu thiên thận khí của mẹ sanh ra tạng thận. Tiên thiên tâm khí của mẹ phát động phối hợp với hậu thiên tâm khí của cha sanh ra tạng tâm. Tiên thiên can khí của cha phát động phối hợp với hậu thiên can khí của mẹ sanh ra tạng can. Tiên thiên phế khí của mẹ phát động phối hợp với hậu thiên phế khí của cha sanh ra tạng phế. Tiên thiên tỳ khí của cha phát động phối hợp với hậu thiên tỳ khí của mẹ sanh ra tạng tỳ. [cuối đoạn 3]

Ngũ tạng động biến sanh ra ngũ tạng. Tâm động phát sanh ra tánh mừng và niệm. Thận động phát sanh ra tình dục và sợ hãi. Can động phát sanh ra lo lắng. Tỳ động phát sanh ra tư lự, dục vọng. [cuối đoạn 4]

Tánh mạng tiên thiên động nên càn biến ra ly, khôn biến thành khảm gọi là càn-khôn thất chánh. Thất chánh nên có sinh tử luân hồi. [cuối đoạn 5]

Tiên thiên ngũ hành tạo nên tánh. Hậu thiên ngũ hành tạo nên mạng. Tánh mạng có tiên thiên chân tánh mạng. Thánh nhân tượng là 'bát thuần càn' vốn bất sanh bất tử. Hậu thiên tánh mạng là thất chân, thất chánh nên có sanh có tử. Phạm nhân tượng là 'thủy hỏa vị tể.' [cuối đoạn 6]

Ngũ hành tiên thiên thiên sanh ngũ ngươn. Ngươn tinh thuộc nhâm thủy. Ngươn tánh thuộc giáp mộc. Ngươn khí thuộc mậu thổ. Ngươn thần thuộc bính hỏa. Ngươn tình thuộc canh kim. [cuối đoạn 7]

Ngũ ngươn sanh ngũ đức là nhân nghĩa, lễ, trí, tín. Trí do ngươn tinh thể thuần túy phát sanh. Nhân do ngươn tánh thể nhu hòa phát sanh. Tín do ngươn khí thể thuần nhất phát sanh. Lễ do ngươn thần thể viên thông phát sanh. Nghĩa do ngươn tình thể can liệt phát sanh. [cuối đoạn 8]

Ngũ ngươn là khí của ngũ hành. Ngũ đức là tánh của ngũ hành. Ngũ ngươn sanh lúc tiên thiên ẩn trong hậu thiên hỗn luân thành một khí. Tuy hình tích chưa hiển lộ nhưng lý ngũ ngươn, ngũ đức đã sẵn đủ trong thái cực. Chỗ này gọi là 'bốn lai diện mục' của con người có trước khi sanh nên gọi là tiên thiên. [cuối đoạn 9]

Ngũ hành hậu thiên sanh ngũ vật. Thức thần thuộc đĩnh hỏa. Trược tinh thuộc quý thủy. Du hồn thuộc ất mộc. Quỷ phách thuộc tân kim. Vọng ý thuộc kỷ thổ. [cuối đoạn 10]

Ngũ vật sanh ngũ tặc: mừng, giận, buồn, vui, muốn. Vui do thức thần tánh tham phát sanh. Buồn do trược tinh tánh si phát sanh. Mừng do du hồn tánh thiện phát sanh. Giận do quỷ phách tánh dữ phát sanh. Muốn do vọng ý tánh loạn phát sanh. [cuối đoạn 11]

Trong ngũ vật hồn phách sanh ra trước. Hồn là linh quang là hạt giống luân hồi chuyển kiếp. Thành người, thành quỷ, thành thần, thành thánh cũng chính nó. Thân xác chưa sanh hồn đã có trước. Khi chết, khí chưa dứt hồn đã lìa xa. Hồn thọ hậu thiên mộc khí hiệp với ngươn tánh mà tồn tại. Phách là phần linh của khí huyết thọ hậu thiên kim khí mà tụ thành.

Ngũ vật (ngũ thức), ngũ tặc có sau khi sanh thân nên thuộc hậu thiên.
[cuối đoạn 12]

*Lúc ban sơ tiên thiên, hậu thiên hiệp một nên ngũ vật, ngũ tặc nhờ ngũ
nguyên, ngũ đức dung hóa. Nếu có động, do tiên thiên làm chủ nên anh
nhi toàn thiện, toàn nhân. Tĩnh là ngũ nguyên, động là ngũ đức. Nếu có tỏ
ra mừng, giận, buồn, vui cũng chỉ là vô tâm tự nhiên.* [cuối đoạn 13]

*Con người lúc còn trong bụng mẹ, bị bào thai bịt kín nên hô hấp theo lỗ
rốn rồi vận chuyển theo đường âm-đốc, gọi là vận hành tiên thiên chơn
tức. Sau khi lọt lòng mẹ lỗ rốn bị bít nên thở theo miệng-mũi, gọi là hậu
thiên phàm tức. Từ đây phải sống nhờ hoàn toàn bên ngoài hậu thiên.
Cho nên phần linh hồn phải mượn hậu thiên, nên tâm bị lệ thuộc đối tượng
của thế giới hữu hình. Kịp đến lúc thiên quý chi kỳ, tức 16 tuổi, khí huyết
phương cương, tiên thiên đầy đủ là lúc lục dương thuần toàn. Nhưng hễ
dương cực thì âm sanh. Âm sanh tiến lên là dương thoái lùi. Vì đua sống
theo tình đời giả tạo nên vật dục sở tể, khí bảm sở cầu. Chạy theo lòng
ham muốn trong cuộc sống vật chất làm cho hồn phách chẳng định, thức
thần nổi dậy, tinh khiếu hạ lậu, ý loạn tâm mê. Ngũ vật, ngũ tặc dấy lên
làm cho ngũ nguyên, ngũ đức lu mờ. Đến lúc âm toàn dương tận con
người phải chết và mất đi một kiếp làm người.* [cuối đoạn 14]

*Duy có hàng thánh triết suốt thông mọi lẽ, biết dưỡng dương khi tiên thiên
chưa dứt, biết thối âm khi hậu thiên khởi sanh. Lấy hậu thiên hàm dưỡng
tiên thiên, lấy tiên thiên chế phục hậu thiên. Suốt đời trọn giữ cái lý 'chấp
trung thủ nhất' mà đi thẳng vào cõi thánh."* [cuối đoạn 15]

Các bạn thấy gì khi đọc nội dung của đoạn văn trên? Bên cạnh góc độ siêu hình, có phải chăng bản thể của con người được mô tả một cách trùng khớp với mô hình hậu thiên bát quái phối hà đồ như trong hình 38?



Hình 39: Câu Chuyện Cuộc Sống

Với ngôn ngữ của dịch học và với chỗ phát sinh từ đạo giáo có lẽ không khó cho đa số người hoài nghi về giá trị khoa học của đoạn thuyết giảng trên. Nhưng nếu chúng ta cố gắng nghiên cứu thật cặn kẽ thì sẽ nhận ra là bên sau lớp ngôn ngữ dường như huyền bí đó là một nền tảng khoa học cũng không kém thú vị. Thí dụ như đoạn thứ hai: “*Thủy tổ loài người là Bàn Cổ do tiên thiên chân khí sinh ra, là thái cực. Thái cực sanh ra ngôi thái dương. Trong ngôi thái dương có ngôi thiếu âm. Ngôi thiếu âm trưởng thành hóa sanh ra ngôi thái âm. Thái dương tượng trưng cho nam giới. Thái âm tượng trưng cho nữ giới. Từ đây nam nữ phối ngẫu mà có nhân loại.*” Dịch học nói rằng từ thái cực sinh ra lưỡng nghi rồi sinh ra tứ tượng bát quái rồi hình thành vũ trụ vạn vật. Nếu dịch lý đúng là như vậy thì phải chứng minh được con người là sản phẩm của một tiến trình tương tự.

Nhìn vào bức ảnh D trong hình 39 mô tả giai đoạn phôi thai vừa hình thành với hợp tử đầu tiên, chúng ta không thể nào không liên tưởng đến ngôi thái cực trong tiến trình hình thành tiểu vũ trụ con người.

Khoa học ngày nay cũng thấy biết rất rõ là sự mang thai bắt đầu khi một tế bào giới tính nam [tinh trùng, giao tử nam] kết hợp với một tế bào giới tính nữ [noãn, giao tử nữ] để tạo thành một tế bào mới duy nhất được gọi là một hợp tử. Phần lớn tế bào đều có hàng ngàn gien và được sắp xếp trên các dải mô gọi là các nhiễm sắc thể (NST) và có tất cả là 23 đôi NST [hay tổng cộng một bộ gồm 46 NST]. Nhưng trứng và tinh trùng đều khác với mọi tế bào trong cơ thể con người vì chúng chỉ mang một nửa tính di truyền so với những tế bào khác. Tức là mỗi giao tử này chỉ có 23 NST. Sự kết hợp một nửa bộ NST từ người cha và một nửa kia từ người mẹ làm nên “tế bào đầu tiên và duy nhất” để từ đó bắt đầu hành trình cấu thành sinh mạng của một con người. Tế bào đầu tiên và duy nhất đó không phải là thái cực đó sao? Không phải là thủy tổ phát sinh ra loài người đó sao? Không phải là thời điểm bàn cổ sơ khai sao? Hợp tử đó là sự kết hợp của hai giao tử không giống như bất cứ một tế bào nào khác, là động lực khởi nguồn của sự sống, là khởi điểm của hành trình biến thành sinh mạng. Thái cực đó [hay nói theo khoa học là hợp tử] từ thời điểm thể hiện không phải là đã có sẵn lưỡng nghi [hay nói theo khoa học là hai giao tử] nằm bên trong rồi hay sao? Mỗi giao tử tự thân là tinh trùng của cha và trứng của mẹ. Chúng không phải là thái dương và thái âm đại diện cho nam và nữ hay sao? Tự thân của mỗi giao tử có chứa sẵn một nửa bộ NST và cần phải có đủ bộ mới thành hình được tế bào đầu tiên. Mỗi một nửa bộ nhiễm sắc thể đó là mầm của con người sẽ hình thành, là mầm của tội tổ tông truyền, là mầm của thân nghiệp. Hai cái của một nửa bộ NST đó không phải là thiếu dương và thiếu âm sao? Thiếu dương và thiếu âm tàng ẩn trong thái dương và thái âm [hay nói theo khoa học là hai cái nửa bộ NST đó nằm ẩn trong tinh và noãn] không phải là tứ tượng mà dịch học nói đến hay sao?

Đoạn thứ nhất trong bài thuyết giảng đã nói “ *Vũ trụ khởi thủy là một thể hồng mông vô cực, mờ mờ ảo ảo, không hình tượng, không âm thanh, không trời đất, núi sông, tinh tú. Vạn tượng giai không. Trong cõi hồng mông có một điểm linh thông vi diệu gọi là thái cực. Thái cực có đặc tính cực tịnh. Thái cực hàm chứa ẩn tàng một sinh cơ, điều hòa động tịnh, sanh trời, sanh đất, sanh người, sanh vạn vật, sanh tiên, sanh phật. Sau khi thái cực sanh lưỡng nghi, là âm dương, thì có cơ biến hóa tạo nên thế giới hậu thiên sanh sanh tử tử, tấn thối tồn vong, thanh suy bỉ thái . . . tức phát sinh ra hàng hàng lớp lớp đối tượng.*” Từ giây phút thể hiện, hợp tử được niêm mạc tử đón nhận và dường như im lìm [nhìn từ phía diện] nhưng sinh sinh hóa hóa bên trong để phôi lớn lên thành thai rồi thành hình. Thái cực hợp tử đó không phải là có đặc tính cực tịnh nhưng hàm chứa sinh cơ sao? Không phải là một điểm linh thông vi diệu sao? Vũ trụ khởi thủy của sự sống trong bụng mẹ không phải là một thể hồng mông vô cực mờ mờ ảo ảo, không hình tượng, không âm thanh sao?

Đoạn thứ chín nói “*Ngũ ngươn là khí của ngũ hành. Ngũ đức là tánh của ngũ hành. Ngũ ngươn sanh lúc tiên thiên ẩn trong hậu thiên hỗn luân thành một khí. Tuy hình tích chưa hiển lộ nhưng lý ngũ ngươn, ngũ đức đã sẵn đủ trong thái cực. Chỗ này gọi là 'bổn lai diện mục' của con người có trước khi sanh nên gọi là tiên thiên. Khi khí tiên thiên còn ẩn trong hậu thiên hỗn luân thành một khí thì ngũ ngươn, ngũ đức đã sẵn đủ trong thái cực.*” Cái gọi là “ngũ ngươn ngũ đức đã sẵn đủ trong thái cực” đó không phải là “lập trình” đã được viết trước rồi hay sao? Cái gọi là bổn lai diện mục trước khi sinh đó không phải đã được quyết định trước rồi hay sao? Hình dạng và tánh nết của con người không phải là đã nằm trong 46 NST từ giai đoạn thái cực-hợp tử hay sao?

Đoạn thứ năm nói “*Tánh mạng tiên thiên động nên cần biến ra ly, khôn biến thành khảm gọi là cần-khôn thất chánh. Thất chánh nên có sinh tử luân hồi.*” Với kiến thức khoa học chúng ta biết là tuần thứ 6 phôi mầm trở thành bào thai thực sự nhỏ cỡ một hạt đậu với với một hệ thần kinh nguyên thủy thành hình và

một hệ huyết mạch riêng. Hệ huyết mạch riêng có thể thuộc một nhóm máu khác với nhóm máu của mẹ. Những mạch máu sẽ trở thành dây cuốn rốn. Tim thành hình tuần thứ 7. Các cơ quan sinh dục phát triển trong thời kỳ đầu của bào thai. Trước tiên là tuyến sinh dục trung tính sao đó mới trở thành là tinh hoàn ở nam và buồng trứng ở nữ. Nếu phôi mang nhiễm sắc thể XY, tuần thứ 7 chất kháng nguyên HY tạo ra tuyến sinh dục trung tính để tạo ra tinh hoàn. Tinh hoàn sản xuất hóc môn nam testosterons. Hóc môn nam làm hệ sinh dục nam phát triển với dương vật của bé trai có thể thấy vào tuần 12. Nếu ảnh hưởng của hóc môn không hiện diện ở thời điểm này, hệ sinh dục nữ sẽ thành hình mặc dù có nhiễm sắc thể XY. Nếu phôi có nhiễm sắc thể XX, tuyến sinh dục trung tính phát triển thành buồng trứng và âm vật của bé gái có thể thấy vào tuần 14. Bộ ảnh “*Câu Chuyện Sự Sống*” của Lennart Nilsson trong hình 42 cũng cho thấy não và tim hình thành đầu tiên trong tuần thứ 6 và 7. Không phải là những chữ “não, trí, tạng thận, tim, máu huyết, tạng tâm” được mô tả trong đồ hình hậu thiên bát quái đều nằm trên trục khảm ly hay sao? Không phải những bộ phận xuất hiện sớm nhất trong tiến trình cấu tạo sinh mạng con người ở cuối giai đoạn phôi đầu giai đoạn thai đều được mô tả trên trục khảm-ly hay sao? Với tiên thiên bát quái mô tả vũ trụ thì trục càn-khôn nằm ở chính vị bắc nam, còn với hậu thiên bát quái thì khảm-ly nằm ở chính vị, mà trục khảm-ly thì mô tả những thể hiện đầu tiên của tiến trình tạo dựng sinh mạng con người. Như vậy, không phải là càn khôn thất chánh nên đã có sinh tử luân hồi hay sao?

Đoạn thứ ba nói “*Tiên thiên thận khí của cha phát động phối hợp với hậu thiên thận khí của mẹ sanh ra tạng thận. Tiên thiên tâm khí của mẹ phát động phối hợp với hậu thiên tâm khí của cha sanh ra tạng tâm. Tiên thiên can khí của cha phát động phối hợp với hậu thiên can khí của mẹ sanh ra tạng can. Tiên thiên phế khí của mẹ phát động phối hợp với hậu thiên phế khí của cha sanh ra tạng phế. Tiên thiên tỳ khí của cha phát động phối hợp với hậu thiên tỳ khí của mẹ sanh ra tạng tỳ.*”

	Thiên nhất sanh thủy, địa lục thành chi						
		Địa nhị sanh hỏa, thiên thất thành chi					
			Thiên tam sanh mộc, địa bát thành chi				
				Địa tứ sanh kim, thiên cửu thành chi			
					Thiên ngũ sinh thổ, địa thập		
5 Độ Số + (Thiên)	1 1	7 7	3 3	9 9	5 5	Tiên Thiên	Hậu Thiên
5 Độ Số - (Địa)	6 6	2 2	8 8	4 4	10 10	Hậu Thiên	Tiên Thiên
5 HÀNH 5 Tạng	THỦY Thận	HỎA Tâm	MỘC Can	KIM Phế	THỔ Tỳ	Cha	Mẹ

TT tỳ khí cha + HT can khí mẹ
→ tạng can (5 xanh + 5 đỏ).
TT phế khí mẹ + HT phế khí cha →
tạng phế (4 đỏ + 4 xanh).

TT can khí cha + HT can khí mẹ → tạng can (3+3).
TT tâm khí mẹ + HT tâm khí cha → tạng tâm (2 đỏ + 2 xanh).

Tiên thiên thận khí của cha phát động hợp với hậu thiên thận khí của mẹ
sinh ra tạng thận (1 xanh + 1 đỏ).

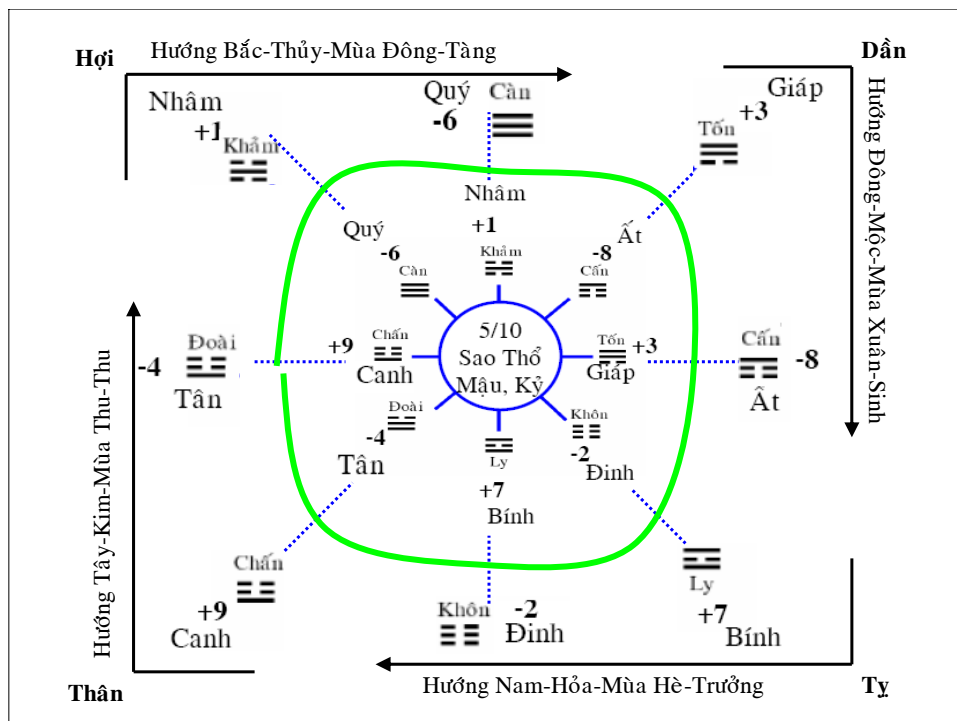
Hình 20B: Nam Nữ Phối Ngẫu

Ngũ tạng là căn mạng của con người. Như vậy thì khi nói ngũ tạng của cha phối hợp với ngũ tạng của mẹ không phải là nói sự hòa hợp thể xác của nam với thể xác của nữ mà sinh con hay sao? Không phải là “*từ đây nam nữ phối ngẫu mà có nhân loại*” hay sao? Tiên thiên thận khí của cha phát động phối hợp với hậu thiên thận khí của mẹ sinh ra tạng thận không phải là “*thiên nhất sinh thủy địa lục thành chi*” hay sao? Toàn bộ tiến trình phối ngẫu [hay phối ngũ hay phối ngũ hành] đó không phải là từ câu nói mật nhiệm được giải mã ở hình 20 và giản hóa giống như như hình 20B hay sau? Và, không phải là 5 tạng khí của cha và 5 tạng khí của mẹ đã nằm trong lập trình NST chứa trong giao tử nam và giao tử nữ để rồi sau đó phối ngẫu thành hợp tử hay sao?

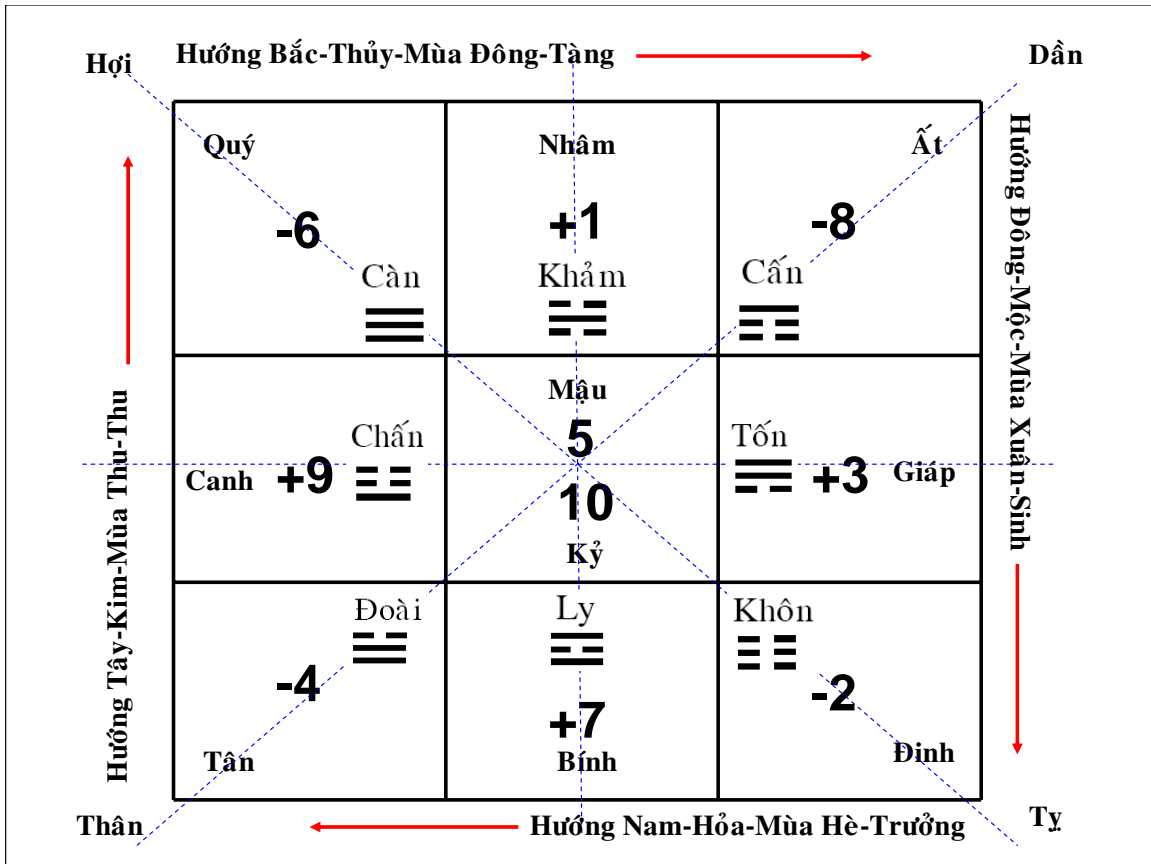
Một số thí dụ đã được đưa ra bao gồm nhiều lãnh vực từ vật lý cho tới tâm lý, từ kinh tế cho tới chính trị, từ sinh lý cho tới siêu hình chỉ đơn giản là muốn chứng minh sơ khởi sự hợp lý của hậu thiên bát quái phối hà đồ qua ứng dụng và tính cách chặt chẽ, nhất quán trong lý giải. Chúng ta sẽ triển khai rộng hơn ở phần ứng dụng về sau này còn bây giờ thì cần trở lại với công việc đang triển khai dở dang.

3. Lạc Thư, 9 Cung Và 12 Cung

Từ hình bát quái phối hà đồ toàn vẹn chúng ta có thể lấy bát quái hà đồ, phần nằm bên trong vòng xanh của hình 27, để xếp vào 9 cung và được kết quả của một hình bát quái hà đồ cửu cung giống như hình 40. Sự phối hợp của những yếu tố âm dương, độ số, tứ tượng, ngũ hành, và bát quái vẫn duy trì như từ trước đến giờ.



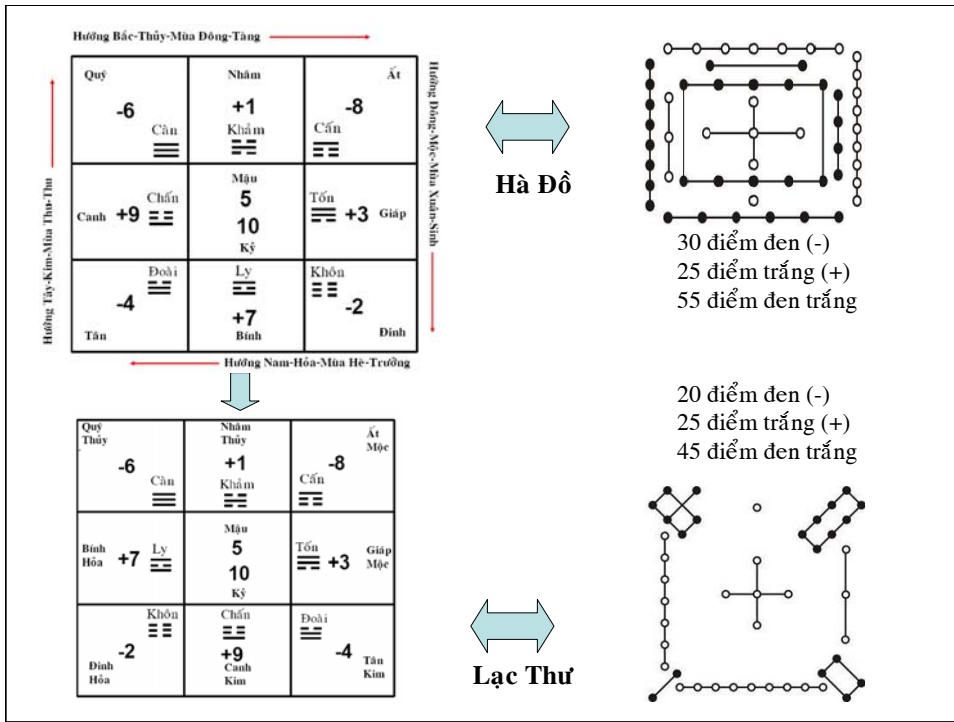
Hình 27: Bát Quái Phối Hà Đồ Toàn Vẹn



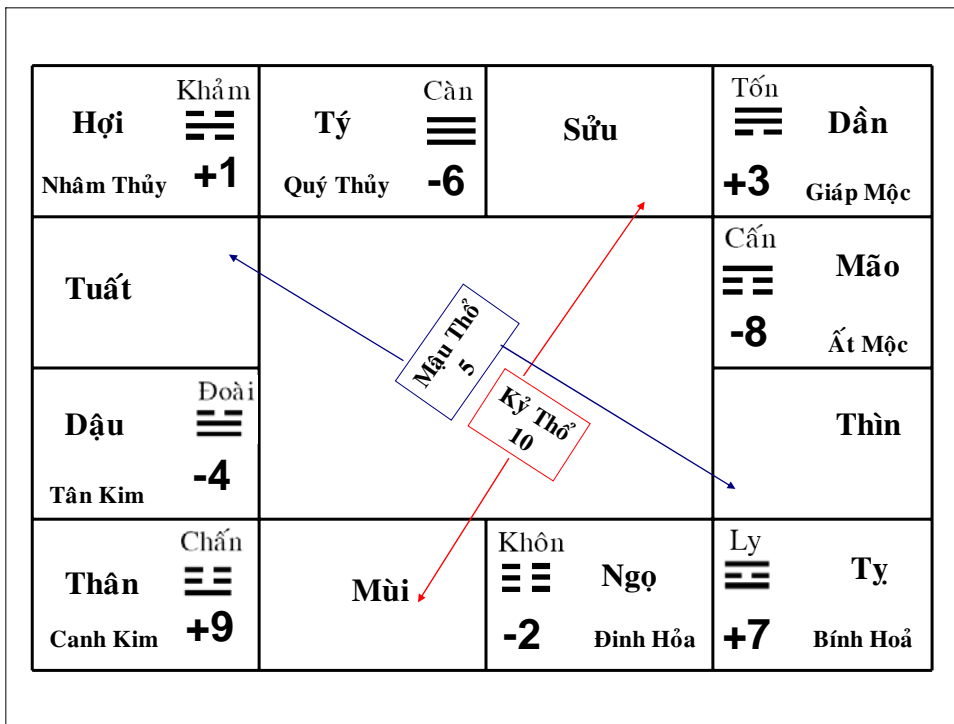
Hình 40: Bát Quái Hà Đồ Phối 9 Cung

Rồi từ hình 40, bát quái hà đồ cửu cung, chúng ta chỉ cần đem hành hỏa với hành kim hoán vị cho nhau là có được kết quả của một hình bát quái lạc thư cửu cung như trong hình 41.

Cũng từ hình bát quái phối hà đồ toàn vẹn chúng ta có thể lấy bát quái hà đồ, phần nằm bên ngoài vòng xanh của hình 27, để xếp vào 12 cung và được kết quả của một hình bát quái hà đồ thập nhị cung giống như hình 42, một đồ hình căn bản của môn tử vi. Sự phối hợp của những yếu tố âm dương, độ số, tứ tượng, ngũ hành, và bát quái vẫn duy trì như từ trước đến giờ.



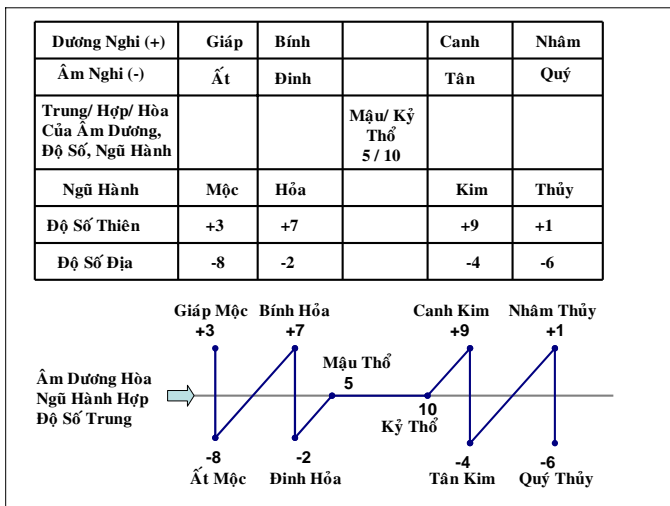
Hình 41: Từ Hà Đồ Biến Ra Lạc Thư



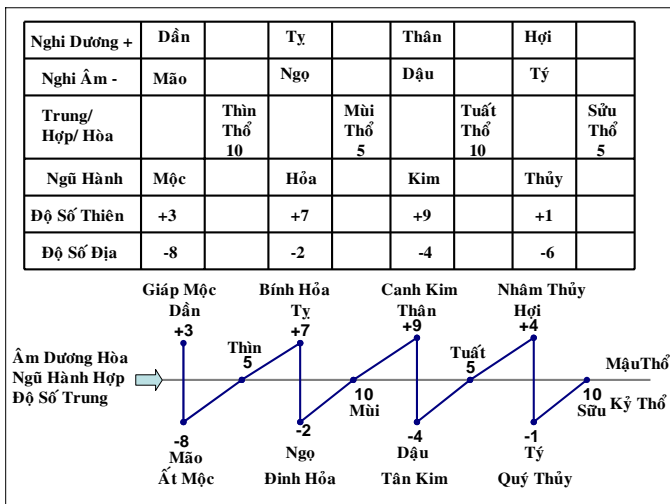
Hình 42: Bát Quái Hà Đồ Phối 12 Cung

4. Những Quy Luật Phối Hợp Giữa Âm Dương, Ngũ Hành, Độ Số, 10 Thiên Can Và 12 Địa Chi

Và cũng từ hình bát quái phối hà đồ toàn vẹn, hình 27, chúng ta cũng rút ra được một số quy luật phối hợp giữa âm dương, ngũ hành, độ số, 10 thiên can và 12 địa chi như cho thấy trong hình 43 và 44.



Hình 43: Quy Luật Phối Hợp Âm Dương, Ngũ Hành Và Độ Số Với 10 Thiên Can



Hình 44: Quy Luật Phối Hợp Âm Dương, Ngũ Hành, Độ Số Và 10 Thiên Can Với 12 Địa Chi

5. Những Khám Phá Về Thuyết Ngũ Hành

Trong quá trình triển khai vừa qua -từ tiên thiên bát quái cho đến hậu thiên bát quái phối hà đồ, đến phân bố hậu thiên bát quái phối hà đồ trên 9 cung, đến lạc thư, đến phân bố hậu thiên bát quái phối hà đồ trên 12 cung, và cuối cùng là những quy luật phối hợp giữa âm dương, ngũ hành, độ số, thiên can và địa chi- chúng ta dễ dàng nhận ra tính hệ thống của toàn bộ lý giải cũng như dễ dàng nhận ra sự hợp lý của mỗi phiên lý giải. Cũng không khó cho chúng ta nhận ra cốt lõi của toàn bộ dịch học gói gọn trong hai vế với sáu mươi bảy lời. Tuy nhiên, có một điều rất thú vị là cũng trong suốt quá trình triển khai đó chúng ta đã không tìm thấy bằng chứng để hỗ trợ cho hệ thống lý thuyết ngũ hành quen thuộc. Nói như thế cũng chưa đúng lắm. Có lẽ sẽ chính xác hơn nếu nói rằng trong suốt quá trình triển khai vừa qua chúng ta đã tìm thấy bằng chứng để phủ nhận lý thuyết ngũ hành quen thuộc.

Hệ thống lý thuyết ngũ hành quen thuộc được xây dựng trên cơ sở: (1) ngũ hành là 5 loại vật chất gồm kim loại, gỗ, nước, lửa, đất; (2) Năm hành này tuân thủ quy luật tương sinh gồm có thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy; (3) Đồng thời năm hành này cũng tuân thủ quy luật tương khắc gồm có thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc, mộc khắc thổ. Tất cả những ứng dụng của lý thuyết ngũ hành đều xây trên nền móng “5 loại vật chất + 2 quy luật sinh khắc” này. Rồi từ nền móng đó phát sinh ra những quy luật khác như là hình, xung, hóa, hợp. . . cùng với những lý luận và ứng dụng kèm theo.

Có thể nói là lý thuyết ngũ hành rất phổ biến và ứng dụng của thuyết ngũ hành thâm nhập hầu hết mọi ngõ ngách của những xã hội á châu. Điều này chứng tỏ nó có sức hút rất lớn đối với quần chúng.

Tuy là vậy, nhưng chỉ với một chút suy nghĩ vượt trên mê tín, chúng ta không thể không nhìn thấy sự phi lý rõ rệt của lý thuyết ngũ hành và sự tùy tiện trong ứng

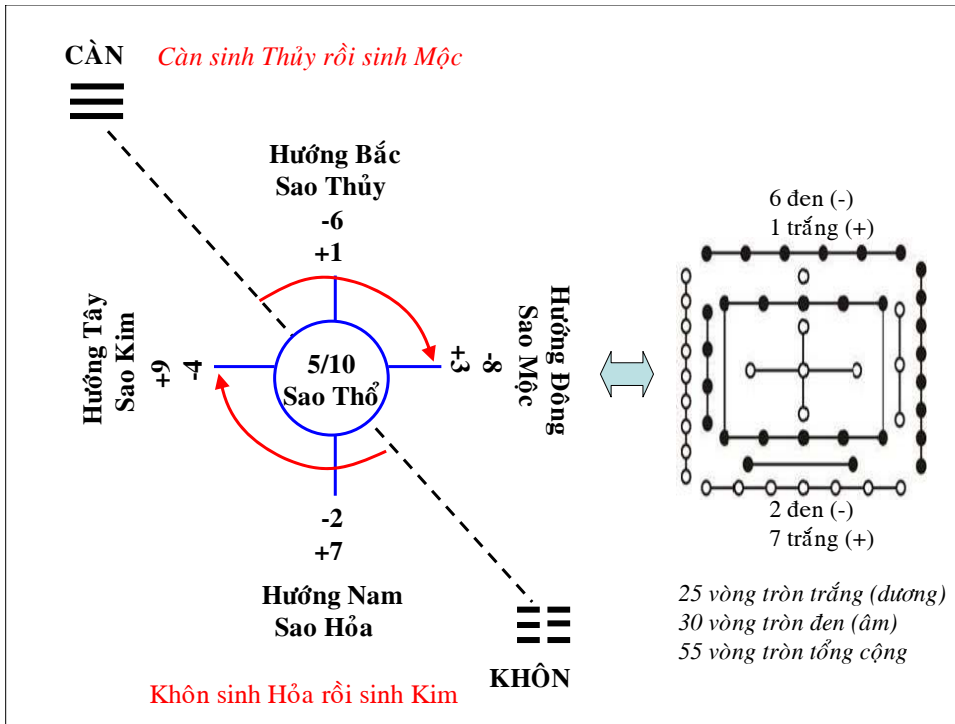
dụng đến mức độ khó chấp nhận. Với tôi, dầu cho kho lý thuyết và ứng dụng của ngũ hành có nhiều tới đâu, có biến hóa tới đâu, có điểm ảo tới đâu, có ly kỳ tới đâu, có tinh vi tới đâu đi nữa thì cũng vẫn không che dấu được sự sai lầm từ nền móng. Đó là, thế giới này không tạo dựng bởi năm loại vật chất kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Thế giới này không vận hành theo quy luật thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy. Thế giới này cũng không vận hành theo quy luật thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc, mộc khắc thổ. Kho tàng lý thuyết của ngũ hành chỉ là một toà lâu đài đẹp xây bằng hơi nước. Ứng dụng lý thuyết ngũ hành vào các môn tiên tri, tiên đoán thì xác suất đúng sai của chúng không hơn được xác suất sắp ngửa của một đồng tiền rớt trên mặt bàn.

Xin lưu ý cho là tôi không phủ nhận lý thuyết ngũ hành mà chỉ phủ nhận “lý thuyết ngũ hành quen thuộc” đặt trên nền móng “5 vật chất + 2 quy luật sinh khắc.”

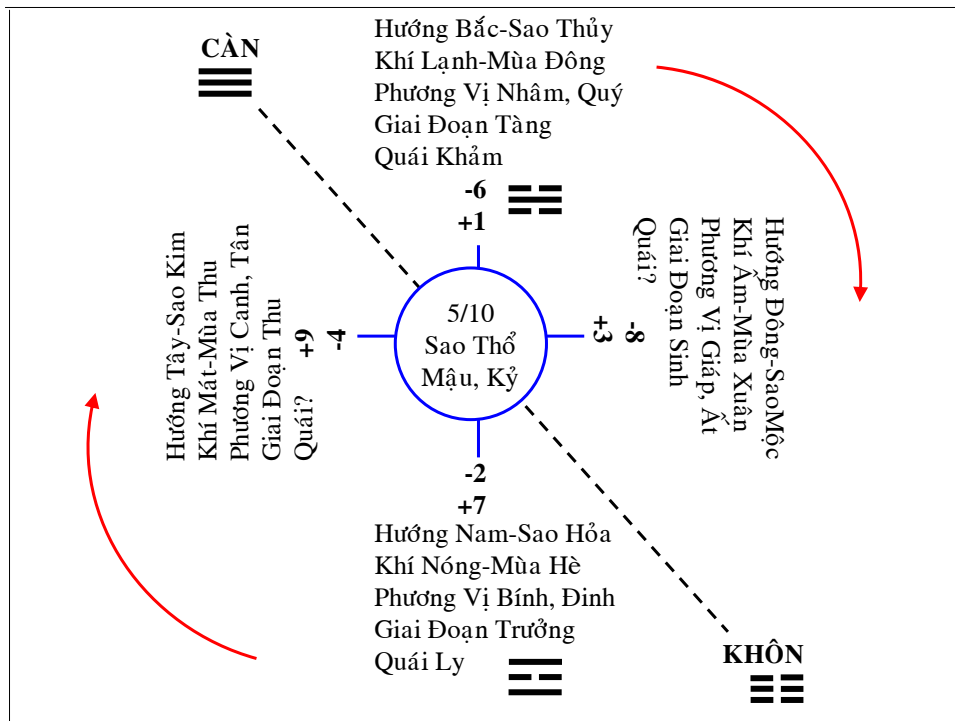
Như vừa nói, suốt trong quá trình triển khai mật nghĩa của sáu mươi bảy lời trong hai về chúng ta đã không tìm thấy một bằng chứng nào hỗ trợ cho thuyết ngũ hành quen thuộc. Ngược lại chúng ta chỉ có bằng chứng cho thấy ngũ hành [tên gọi của 5 ngôi sao] là để chỉ về phương hướng và vị trí, như trong hình 21 và 22.

Năm hướng và năm phương vị đó gồm có:

- Sao thủy ở hướng bắc, phương vị nhâm-quý.
- Sao hỏa ở hướng nam phương vị bính-đinh.
- Sao mộc ở hướng đông, phương vị giáp-ất.
- Sao kim ở hướng tây, phương vị canh-tân.
- Sao Thổ ở giữa, phương vị mậu-kỷ.



Hình 21: Hà Đồ Và Phương Vị



Hình 22: Phương Hướng, Khí Hậu, Mùa Tiết, Ngũ hành, Âm Dương, Độ Số, Chiều Vận Hành, Và Hành Trạng Trong Hà Đồ

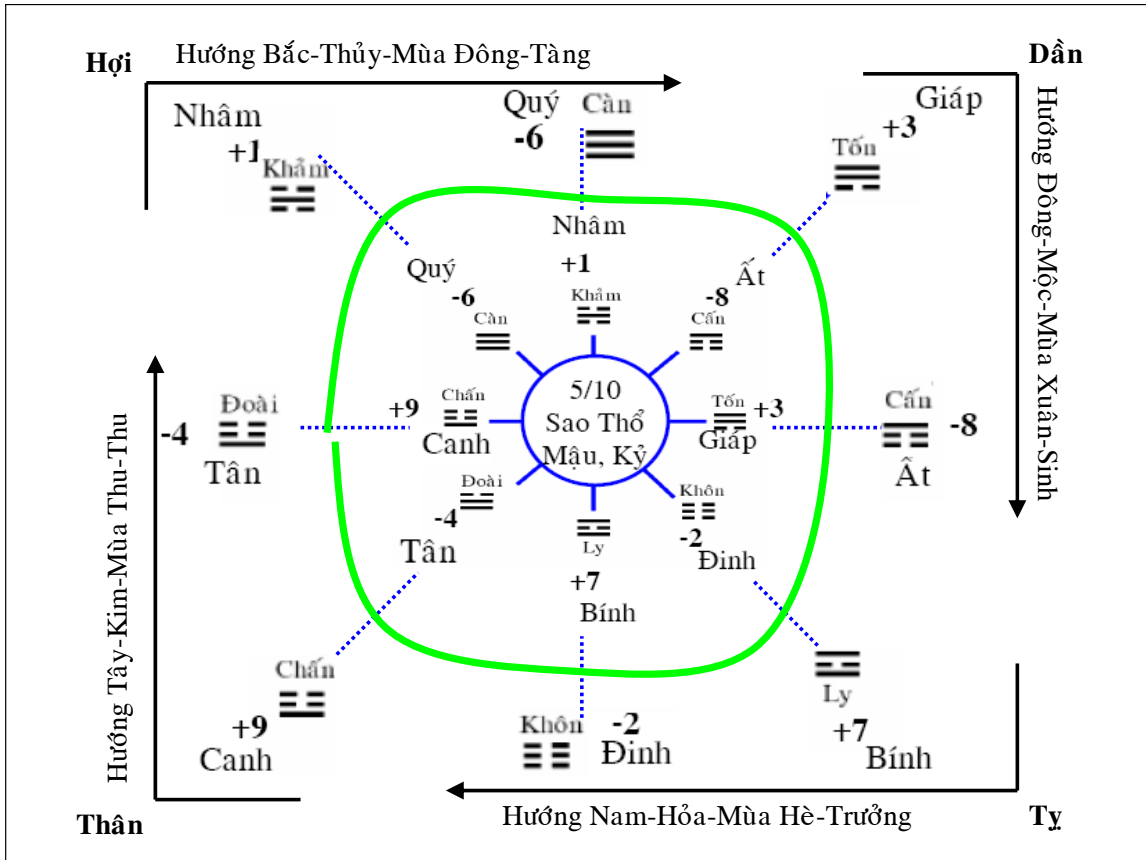
Thêm vào đó chữ “sinh” đi liền với thứ tự trước sau “thủy, mộc, hỏa, kim, thổ” chỉ có thể được hiểu là chiều vận hành, giống như vòng cung màu đỏ trong hình 21 và 22 đã vạch ra, và theo đó thì chữ khắc cũng phải được hiểu là vòng vận hành ngược lại. Tuyệt đối không có một chút chứng cứ nào cho thấy chữ sinh có nghĩa là đẻ ra hoặc giúp cho và chữ khắc có nghĩa là phá hoại hoặc làm hại như thuyết ngũ hành quen thuộc luôn nói tới.

Nếu kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là 5 loại vật chất giống như lý thuyết ngũ hành quen thuộc luôn nói tới thì tại sao không gọi chúng là ngũ chất mà lại gọi là ngũ hành? Còn căn cứ theo từ điển Thiệu Chửu thì ngũ hành là “*cái để dùng, của dùng như ngày xưa gọi vàng, gỗ, đất, lửa, nước là ngũ hành 金木水火土為五行 ý nói năm thứ ấy là cái người ta cần dùng hằng ngày vậy.*” Nếu đúng là như thế thì từ chỗ 5 vật dụng tối yếu cho đời sống của con người đi tới chỗ 5 vật chất tương sinh tương khắc lẫn nhau cấu tạo nên mọi thứ mọi cái như lý thuyết ngũ hành quen thuộc luôn nói tới thì khoảng cách quả thật là không gần.

Cũng căn cứ theo từ điển Thiệu Chửu thì chữ hành 行 trong tiếng hán có nghĩa là đi, là bước đi, là trải qua, là sắp tới, là biến đổi không ngừng. Chữ hành trong những ý nghĩa “đi, bước chân đi” hoàn toàn khế hợp với lý giải ngũ hành là để chỉ phương hướng, để định vị, để làm sao đi tới nơi về tới chốn. Chữ hành trong ý nghĩa “trải qua, sắp tới, biến đổi không ngừng” lại càng đặc biệt vì không những hoàn toàn khế hợp với lý giải ngũ hành là để chỉ phương hướng, trong đó bao gồm cả chiều xoay thuận nghịch đối với một định vị, mà còn hoàn toàn khế hợp với hành trạng của tứ tượng. Chính điểm này giúp chúng ta mở ra một cánh cửa khác để nghiệm xét vấn đề ngũ hành: đó là sự khế hợp và không khế hợp giữa tứ tượng bát quái với ngũ hành.

Nếu lý giải thuyết ngũ hành trên căn bản kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là để chỉ 5 loại vật chất với 2 quy luật tương sinh tương khắc thì làm sao năm hành có thể phối hợp được với bốn tượng và tám quái? Thêm vào đó, như đã nói, bằg vào kiến

thức của nhân loại ngày hôm nay, rõ ràng thế giới này không cấu thành bởi 5 loại vật chất cũng không vận hành bởi quy luật tương sinh tương khắc như lý thuyết ngũ hành quen thuộc luôn vận dụng.



Hình 27: Hậu Thiên Bát Quái Phối Hà Đồ Toàn Vẹn

Nhưng ngược lại nếu lý giải thuyết ngũ hành trên căn bản thủy, mộc, hỏa, kim, thổ là để chỉ 4 hướng bắc, đông, nam, tây và trung tâm còn sinh hoặc khắc là để chỉ chiều xoay thuận hoặc nghịch so với phương hướng của một định vị thì năm hành kết hợp với bốn tượng và tám quái lại là một điều hoàn toàn khả dĩ và hoàn toàn hợp lý. Trong trường hợp này ngũ hành, tứ tượng và bát quái không những kế hợp về mặt cấu trúc mà còn kế hợp về mặt thể hiện thế giới hiện tượng một cách dung thông. Không chỉ vậy, đây còn là một sự kết hợp của hai vế chứa

đựng trong 67 lời. Sự kết hợp làm cho lý-sự của vô cực, thái cực, lưỡng nghi, tứ tượng, ngũ hành, bát quái có thể “hiển bày” vạn tượng trong một đồ hình đơn giản, đồ hình 27. Một sự kết hợp trọn vẹn và kỳ ảo!

Đồ hình 27 được cho là “một kết hợp trọn vẹn và kỳ ảo” là vì việc trời, việc đất, việc người đồng thể hiện. Được cho là trọn vẹn và kỳ ảo là vì lý của trời, lý của đất, lý của người đồng thể hiện. Được cho là trọn vẹn và kỳ ảo là vì lý sự của cá nhân, lý sự của tập thể, lý sự của nhân loại đồng thể hiện. Được cho là trọn vẹn và kỳ ảo là vì lý sự vô hình, lý sự hữu hình, lý sự qui ước đồng thể hiện. Được cho là trọn vẹn và kỳ ảo là vì nó hàm chứa minh triết của đông phương. Được cho là trọn vẹn và kỳ ảo là vì nó vạch ra phạm trù đồng quy và hiệp nhất của các giáo lý đông tây.

Dưới lăng kính hình học, chúng ta biết những vòng tròn đồng tâm O thì chỉ có một tâm điểm O ở giữa. Rời khỏi tâm điểm O đi dần ra ngoài thì có vô lượng vòng tròn bán kính $r=n$, từ số dương $n>0$ tiến tới số dương cực lớn và mỗi vòng tròn cũng có vô số điểm nằm trên vòng tròn đó. Một điểm của tâm O thì không xê dịch nhưng một điểm ngoài tâm O thì có thể chuyển động trên quỹ đạo gọi là vòng tròn và cứ mỗi một vòng tròn thì gồm vô lượng điểm cách tâm O một khoảng cách r không đổi.

Dưới lăng kính minh triết thì vòng ngoài là chỗ của nhiều còn tâm trung là nơi của một. Vòng ngoài là trú xứ của sinh sinh hoá hoá còn tâm trung là trú xứ của diệu diệu huyền huyền. Từ tâm đi ra ngoài là hướng ngoại, từ ngoài trở về tâm là hướng nội. Từ tâm đi ra ngoài là con đường của nhơn dục còn từ ngoài trở về tâm là con đường của thiên lý. Hướng ngoại để có nhiều, hướng nội để giữ một. Theo nhiều là lý do của điên đảo, quay cuồng. Giữ một là cái gốc của thường tịnh lặng lẽ. Tâm trung là đền thánh của nhơn sanh, tiến vào đền thánh lễ bái không ngoài một chữ tín của đức thờ. Vòng ngoài là nhà lửa của tam giới, lia bỏ đền thánh để chui vào nhà lửa vui đùa không ngoài một chữ dục của vọng ý.

Dưới lăng kính minh triết, tâm trung là chỗ để giữ đạo tam tông: tông thiên, tông địa và tông nhân. Vòng ngoài là chỗ để giới trì tứ đức: đức nhân của mộc, đức nghĩa của kim, đức trí của thủy, đức lễ của hỏa. Thế nào là giữ đạo tam tông? Trời vốn “*dĩ dị tri*” đất vốn “*dĩ giản năng*.” Mà giản dị thì “*dị tắc dị tri, giản tắc dị tông*”⁹ dễ biết dễ theo. Một khi đã dễ biết dễ theo thì có lắm người biết nhiều người theo do đó mà thành tựu công nghiệp lớn “*dị tri tắc hữu thân, dị tông tắc hữu công, hữu thân tắc khả cứu, hữu công tắc khả đại, khả cứu tắc hiền nhân chi đức, khả đại tắc hiền nhân chi nghiệp*.”¹⁰ Nắm được đạo lý giản dị là nắm được đạo lý trong thiên hạ. Đã nắm được đạo lý trong thiên hạ thì đứng giữa cùng với trời và đất “*dị giản nhi thiên hạ chi lí đắc hĩ, thiên hạ chi lí đắc nhi thành vị hồ kì trung hĩ*.”¹¹ Đứng chung được với trời đất tức là đã giữ đạo tam tông. Thế nào là giới trì tứ đức? Trời đất không có tư tâm, thánh nhân không có tư tâm, cho nên mới nói trời đất bất nhân coi vạn vật như chó rơm, thánh nhân bất nhân coi bá tánh như chó rơm, “*thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu, thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu*.”¹² Trời đất hành sự chẳng vì mình cũng chẳng vì ai. Thánh nhân hành sự chẳng vì mình cũng chẳng vì ai. Hành sự chẳng vì mình cũng chẳng vì ai chánh thật là giới trì. Ở giữa thiên hạ, lấy thiên hạ làm lòng mình, coi hết thấy như trẻ thơ, “*tại thiên hạ, hấp hấp vị thiên hạ hống kỳ tâm, thánh nhân dai hài nhi*,”¹³ đó chánh thật là đức nhân. Lấy đạo giúp cho người lãnh đạo, không lấy bạo quyền cưỡng bức thiên hạ, “*dĩ đạo tá nhân chủ dã, bất dĩ binh cường thiên hạ*,” giữ cái vô danh mộc mạc để trí vô dục, tâm yên tịnh, thiên hạ được bình yên “*dĩ vô danh chi phác, vô danh chi phác phù diệc tương vô dục, bất dục chi tĩnh, thiên hạ tương tự định*,”¹⁴ đó mới chánh thật là đức nghĩa. Không can thiệp dân sẽ tự nhiên vô tư, không áp bức dân sẽ tự nhiên ngay thẳng, không bày vẽ dân sẽ tự nhiên giàu có, không tham lam dân sẽ tự nhiên

⁹ Hán Văn trích từ Hệ Từ Truyện, Chương 1 của Kinh Dịch

¹⁰ Hán Văn trích từ Hệ Từ Truyện, Chương 1 của Kinh Dịch

¹¹ Hán văn trích từ Hệ Từ Truyện, Chương 1 của Kinh Dịch

¹² Đạo Đức Kinh, Hư Dụng, Lão Tử

¹³ Đạo Đức Kinh, Nhiệm Đức, Lão Tử

¹⁴ Đạo Đức Kinh, Vi Chính, Lão Tử

thật thà, “*ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nghi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phúc*,”¹⁵ cho nên lấy ngay thẳng mà trị quốc, lấy vô sự mà giữ yên thiên hạ, “*dĩ chính trị quốc . . . dĩ vô sự thủ thiên hạ*,”¹⁶ giúp dân từ bỏ cái quá độ để quay về với tự nhiên, “*phục chúng nhân chi sở quá, dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên*,”¹⁷ lấy thấp làm nền, lấy hèn là gốc “*dĩ tiện vi bản, dĩ hạ vi cơ*” để ngồi trên mà dân không thấy nặng, ở trước mà dân không thấy ngại, “*xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại*,”¹⁸ đó mới chánh thật là đức lễ. Biết đủ không nhục, biết ngừng không nguy, được cái lâu bền, “*tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi, khả dĩ trường cửu*,”¹⁹ làm trọn vẹn mà dường như dở dang nhưng dùng mãi chẳng hư, có đầy đủ mà dường như trống rỗng nhưng dùng mãi không hết, rất ngay thẳng mà như cong, rất hay mà như dở, rất hùng biện mà như áp úng, “*đại thành nhược khuyết kỳ dụng bất lệ, đại doanh nhược xung kỳ dụng bất cùng, đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nội*,”²⁰ không ra cửa mà biết khắp thiên hạ, thấy rõ đạo trời, “*bất xuất hạ tri thiên hạ, bất khuy dĩ kiến thiên đạo*,”²¹ quay về gốc tịnh, phục mệnh thường hằng, “*chí hư cực . . . phục mệnh viết hằng*,”²² đó mới chánh thật là đức trí. Ở chỗ điên đảo, quay cuồng mà vẫn ung dung tự tại là nhờ trong không xa đạo tam tông ngoài không lìa giới tứ đức. Giữ đạo tam tông, giới trì tứ đức là cung cách của hiền thánh.

Dưới lăng kính minh triết, tâm trung là trái tim nguyên thể và vô nhiễm. Vòng ngoài là nơi đã làm cho máu của Đức Chúa chảy ra. Ngài “*có khả năng chuyển hóa, đem tù hãm tối tăm, đốt tan trong ánh sáng, những nghiêng lệch tạm thời, bỗng chốc về đúng chỗ, trời người đất dung thông, thế giới hoá đại đồng, thiêng*

¹⁵ Đạo Đức Kinh, Thuần Phong, Lão Tử

¹⁶ Đạo Đức Kinh, Thuần Phong, Lão Tử

¹⁷ Đạo Đức Kinh, Thuần Phong, Lão Tử

¹⁸ Đạo Đức Kinh, Hậu Kỳ, Lão Tử.

¹⁹ Đạo Đức Kinh, Lập Giới, Lão Tử

²⁰ Đạo Đức Kinh, Hồng Đức, Lão Tử

²¹ Đạo Đức Kinh, Giám Viễn, Lão Tử

²² Đạo Đức Kinh, Quy Căn, Lão Tử

*liêng và huyền nhiệm*²³ là vì tâm nội chưa từng lìa nguyên thể và vô nhiễm, thân ngoại chưa từng lìa tôn nghiêm và hiền thiện. Ở chỗ ác trước tối tăm mà vẫn nguyên thể và vô nhiễm, vẫn tôn nghiêm và hiền thiện là phẩm hạnh của đấng chúa thánh thần.

Dưới lăng kính minh triết, tâm trung là chỗ vô chấp, vô cầu, vô sinh, vô diệt, bất đồng, bất dị. Vòng ngoài là chỗ không thực tánh thực tướng, của chấp trước, của trùng trùng duyên khởi, của huyền hóa, của vô minh, của sinh diệt, của biến nghiệp lực. Tâm trung là thế giới của “*diệu trạm tổng trì bất động tôn*,”²⁴ là đại viên cảnh trí, là đương xứ tức chân, là tuyệt thánh khí trí, là bất động hiện quán, là bản lai diện mục, là sanditthiko, là akàliko, là opanayiko. Vòng ngoài là thế giới “*như mộng huyền bào ảnh, như lộ diệc như điển*,”²⁵ là “*hoa đốm giữa hư không*,”²⁶ là lý trí vọng thức, là chỗ “*gate, gate, paragate, parasamgate*,”²⁷ là khổ đế và tập đế. Tâm trung là nhà của như lai. Vòng ngoài là chỗ hiển bày vạn pháp. Thường tịnh thường lặng ngay giữa chốn điên đảo quay cuồng là vì tâm nội chưa từng lìa nhà như lai, thân ngoại chưa từng lìa pháp giới; là vì vốn thấy rõ tất cả pháp đều huyền hóa nên lìa tâm thức phân biệt chẳng thấy bốn tướng nhân-ngã-chúng-sanh-thọ- giả, chẳng thương, chẳng ghét; là vì vốn thấy rõ mọi hiện tượng thế gian đều “*không thêm, không bớt, không dư, không sạch*”²⁸ nên chẳng lìa “*bình đẳng tánh trí*,” chẳng buông bỏ gì, chẳng nắm giữ gì, chẳng đến, chẳng đi; là vì vốn thấy rõ “*thế gian như chiêm bao mà khởi lòng đại bi*”²⁹ nên chẳng lìa thực tại hiện tiền, trong huyền cảnh hiện huyền thân dụng huyền pháp nương huyền phương tiện cứu độ huyền chúng sanh, tùy duyên bất biến. Giữa

²³ Thơ của Hà Hưng Quốc

²⁴ Kinh Thủ Lăng Nghiêm

²⁵ Kinh Kim Cang

²⁶ Kinh Hoa Nghiêm

²⁷ Kinh Bát Nhã Tâm

²⁸ Kinh Bát Nhã Tâm

²⁹ Kinh Lăng Già

thể gian mà không bị những cái khổ của thể gian trói buộc chính là tự tại của bồ tát.

Dưới lăng kính minh triết, tâm trung là Đạo, vòng ngoài là Danh. Danh là chỗ của có-không. Không là tên gọi lúc khởi đầu trời đất, là “*vô, danh thiên địa chi thủy.*”³⁰ Có là tên gọi lúc nảy sinh, là “*hữu, danh vạn vật chi mẫu.*”³¹ Thánh nhân lấy cái không để chiêm ngưỡng sự kỳ diệu, lấy cái có để xem xét sự tinh vi, “*cố thường vô dụng dĩ quan kỳ diệu, thường hữu dụng dĩ quan kỳ hiếu.*”³² Có không cùng hiện hữu. Thánh nhân không thiên vị. Theo đạo tự nhiên nên không cố làm, dạy đạo tự nhiên nên không cố nói, cùng một thể với đạo, “*xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo.*”³³ Ở chỗ có-không thánh nhân làm khe nước cho người khát, thành việc mà không kể công, thành công mà không ở lại, rỗng tâm, no lòng, mềm chí, cứng xương, khiến dân không dám tham, khiến kẻ trí không dám dùng thủ đoạn, thường hay cứu người nên không bị bỏ rơi, thường hay cứu vật nên không bị vứt đi. Thân tuy ở Danh nhưng tâm thì ở Đạo. Lòng đạo vốn trống không nên dung chứa vô cùng.

Dưới lăng kính minh triết, tâm trung là đất của tiên thiên, vòng ngoài là chỗ của hậu thiên. “*Tiên thiên thì tịch tịnh như nhiên, bất sanh bất diệt, hậu thiên thì luôn luôn biến dịch và có cơ biến hóa hai chiều: chiều sanh và chiều tử,*”³⁴ tâm trung là chỗ của “*thái cực hiện nơi cung vô cực, là hoa khai kiến Phật; thái cực có hiện nơi cung vô cực thì vô cực mới thành chí huyền chí diệu,*” mới là “*huyền chi hữu huyền.*”³⁵ Tâm nội là chỗ “*dùng chơn thủy giúp cho hỏa minh linh,*” là nơi “*để đức cương kiện hiệp với đức nhu thuận,*” là chân thổ để “*mậu kỹ hiệp nhau biến thành đạo khuê,*” là điểm để “*chân trí linh tri tương hiệp, chân tình chân tánh đồng khí,*

³⁰ Đạo Đức Kinh, Lão Tử

³¹ Đạo Đức Kinh, Lão Tử

³² Đạo Đức Kinh, Lão Tử

³³ Đạo Đức Kinh, Lão Tử

³⁴ Dịch Lý Khai Nguyên của Đức Đồng Phương Lão Tổ, thánh giáo Cao Đài.

³⁵ Đức Lão Tử

*cương nhu phối nhau quay về trung chánh;*³⁶ hợp nội ngoại chi đạo để “*kiến tổ*” để “*phục mệnh*”³⁷ chính là chỗ dụng tâm của tiên gia.

Giữa trung tâm với vòng bên ngoài của đồ hình có thể tóm lại trong một chữ “hành.” Nó hàm chứa sự thông dung và diệu dụng. Nó hàm chứa sự tự nhiên và vô ngại. Nó hàm chứa một thế giới nhị nguyên trong trạng thái tương tác hài hòa. Thiết lập hoặc trở về với sự tương tác hài hòa đó chính là nền tảng của minh triết phương đông.

Chữ hành tỏa sáng minh triết của đông phương không cho thấy một chút dấu vết nào để có thể nói ngũ hành là 5 loại vật chất. Cũng không thấy dấu vết nào của hai quy luật sinh khắc chi phối hay vận hành thế giới hiện tượng lẫn thế giới siêu hình như thuyết ngũ hành quen thuộc thường nói đến. Giữa ngũ hành trên nền tảng minh triết của đông phương với ngũ hành trên nền tảng mê tín mà đa số đều quen thuộc là một khoảng cách mênh mông. Cái gì tạo ra sự cách biệt mênh mông đó thì không thể khẳng định, nhưng có một điều có thể khẳng định là đem ngũ hành minh triết mà hạ xuống đẳng cấp của 5 loại vật chất vàng, gỗ, nước, lửa, đất rồi tùy tiện lý luận thì không khác nào đem những vì sao trên trời mà chà đạp dưới chân hoặc đem quy luật sinh khắc của lý thuyết ngũ hành mê tín mà vẽ ra sự vận hành của vũ trụ và nhân sinh thì không khác nào đem cái cọ cực kỳ thô phù để họa bức tranh cực kỳ tinh xảo.

Tìm trong kho tàng đạo học chúng ta cũng có không ít bằng chứng nói về ngũ hành. Trong một bài giảng về âm dương ngũ hành Đức Đông Phương Lão Tử đã nói:

“Thánh Nhân ngày xưa nhìn thấy lẽ siêu xuất của vũ trụ vạn vật, vạch ra Bát Quái, tham cứu Đồ Thư, tác thành Dịch Đạo, lưu lại cho đời tìm hiểu

³⁶ Trích thánh giáo Cao Đài.

³⁷ Đức Lão Tử

mối manh huyền bí của vũ trụ vạn vật. Tuy hình tướng lý thuyết bên ngoài, nhưng bên trong chứa đựng luật tắc ảo diệu biến hóa của Thái Cực Âm Dương. Người tu luyện nương vào đó để nhìn thấy sự luân động của bộ máy tối linh, nhận thấy được cái gì là chân thật, bất biến để gìn giữ, cái gì là giả tạm, sanh diệt diệt sanh trong thời gian nào đó để không bám víu.

Thiên nhất sanh thủy, Địa lục thành chi; Địa nhị sanh hỏa, Thiên thất thành chi; Thiên tam sanh mộc, Địa bát thành chi; Địa tứ sanh kim, Thiên ngũ thành chi; Thiên ngũ sanh thổ, Địa thập thành chi. Một sanh một thành một âm một dương, một động một tịnh.

Bởi có danh có chất nên gọi là Ngũ-Hành Tiên-Thiên. Bởi có hình có tướng nên gọi là Ngũ-Hành Hậu-Thiên. Trong trời đất vạn vật không có vật chi hóa sanh biến dưỡng mà không có Tiên Thiên, Hậu Thiên Ngũ Hành áp dụng vào nhân thân. Người tu luyện phải thấu suốt những tác năng sinh động hữu hình trong chính bản thân để hòa hợp tu chứng.

Ngươn Thần, ngươn Tinh, ngươn Tính, ngươn Tình, ngươn Khí là Ngũ Hành vô hình. Thức Thần, trược Tinh, quỷ Phách, du Hồn, vọng Ý là Ngũ Hành hữu chất. Bính Đinh, Nhâm Quý, Canh Tân, Giáp Ất, Mậu Kỷ là Ngũ Hành phương vị. Đó là hữu danh, hữu chất, vô hình là nguồn gốc của Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là tượng của Ngũ Hành ứng với phương vị để truyền sản tác thông, nguyên căn tổ khiếu của ngũ ngươn, ngũ tạng, lục phủ là hình trong hình, chất trong chất. Do đó có hỉ, nộ, ai, lạc, dục.

Biết được sự liên hệ mật thiết giữa máy Tạo tuần hoàn, nhân thân cùng vũ trụ thì tu luyện là cần thiết cho con người. Khi đã tạo thành, con người sống trong hai khí Tiên Thiên, Hậu Thiên; tinh thần hòa lẫn vật chất; hữu hình vật chất thì biến hiện, vô hình thì tiềm ẩn, thế nên con người chỉ thấy

giá trị của vật chất mà không thấy giá trị của tinh thần, vì vật chất hữu hình, quyến rũ, lôi cuốn, con người càng ngày càng bám víu; trong khi Chơn Tâm linh tánh càng ngày càng bị phủ mờ. Hỉ, nộ, ái, lạc, dục theo ngũ quan nhập vào tàn phá Ngũ Tạng Lục Phủ, làm thân phải bị thương tổn, khuynh khuyết, hoại tàn.

Muốn trị được chứng nội thương ấy, người tu luyện cần phải chuyên chú trong việc luyện kỹ. Dương là đầu mối hóa sanh, tác thành vạn vật. Một Âm không sanh, một Dương không trưởng; Âm thanh, Dương suy ắt bại hoại. Tạo thế quân bình cho trong định ngoài an là đời sống tự do, tự tại. Vượt ngoài lý Âm Dương là phản bổn hoàn nguyên, vĩnh cửu trường tồn. Tai nghe tiếng trần mà chẳng phân biệt; mắt nhìn thấy sắc trần mà chẳng phân biệt; mũi ngửi mùi trần mà chẳng phân biệt; lưỡi nếm vị trần mà chẳng phân biệt. Chính vì sự phân biệt mà có ưa ghét, thân thù, khao khát, ước vọng để kết thành của nghiệp luân hồi. Vui, giận, buồn, vui, thương, cảm khi chưa phát gọi là trung. Khi phát ra đúng tiết điệu hòa hài cảm ứng với nội tâm, ngoài cảm gọi là hòa. Trung Hòa là yếu tố đạt đến chỗ trong định ngoài an, để sống một cuộc sống siêu thoát; mà sống cuộc sống siêu thoát thì Tiên Phật cũng thế thôi.”³⁸

Qua đoạn giáo lý trên chúng ta thấy được ngũ hành trên nền tảng của đạo học cũng không có một chút dấu vết nào để có thể nói ngũ hành là 5 loại vật chất. Và không thấy dấu vết nào của hai quy luật tương sinh và tương khắc chi phối hay vận hành thế giới hiện tượng lẫn thế giới siêu hình như ngũ hành sai lạc thường nói tới.

6. Nghi Vấn Lạc Thư

³⁸ Giáo Lý Cao Đài

Trong tiến trình, chúng ta đã có nói sơ qua về lạc thư. Sự khác biệt giữa hà đồ và lạc thư không nhiều, chỉ đơn giản là sự hoán vị giữa cặp số 4-9 với cặp số 2-7 tức là sự hoán vị giữa hành kim với hành hỏa. Nhưng vấn đề được đặt ra ở đây là tại sao lại phải hoán đổi vị trí kim với hỏa? Dựa trên căn bản nào để hoán vị? Có bằng chứng nào trực tiếp hỗ trợ cho căn bản của sự hoán vị đó? Nhìn lại nguồn gốc xuất phát của các độ số và vị trí của các vì sao, chẳng phải là “cặp số 4-9 + sao kim + hướng tây” không thể tách rời nhau và “cặp số 2-7 + sao hỏa + hướng nam” không thể tách rời nhau hay sao? Không thể tách rời nhau bởi vì sự hiện hữu của chúng chỉ đúng trong điều kiện chúng đi chung với nhau mà thôi. Chẳng phải là sự tách rời một phần tử nào đó [sao, hướng, độ số] ra khỏi tập hợp tức khắc sẽ phá hủy ngay cái điều kiện mà mỗi phần tử của tập hợp đã tựa trên căn bản đó để mà tiếp tục đúng [tồn tại] hay sao? Chẳng phải là sự hoán vị đó đã xâm phạm ngay cả nguyên lý đã giúp thiết lập cấu trúc của bát quái và hà đồ hay sao? Chẳng phải là sự hoán vị đó sẽ làm hỗn loạn và lệch lạc tính như nhất, xuyên suốt, và hợp lý của 10 độ số, 8 quái, 5 hành, 10 thiên can và 12 địa chi kết hợp thành hệ thống hay sao?

Không chỉ có thế, nếu lý thuyết ngũ hành và lý thuyết sinh khắc của ngũ hành bị loại bỏ thì liệu là sự tồn tại của lạc thư có còn hợp lý hay không? Nhưng tại sao lại phải có sự hiện hữu của lạc thư? Không phải là đồ hình hậu thiên bát quái phối hà đồ đã có khả năng giải thích tất cả mọi hiện tượng sinh hoá trong đó rồi hay sao? Phải chăng là đã có sự lầm lẫn trong tên gọi khi người ta tách hà đồ ra khỏi bát quái để đem phối vào cửu cung rồi gọi sản phẩm mới đó là lạc thư, hay nói một cách khác lạc thư chính là hà đồ phối cửu cung? Hoặc là về sau nữa người ta đã gán ghép gượng gạo ngũ hành sai lạc với hà đồ cửu cung, nương vào lý thuyết sinh khắc sai lạc, nên mới có chuyện hoán vị kim hỏa và tên gọi lạc thư?

Hay là, hai chữ lạc thư nguyên thủy rất có thể trở vào một sản phẩm hoàn toàn khác chứ không phải chỉ là một đồ hình biến dạng của hà đồ. Về sau, với sự

vắng mặt hoàn toàn của sản phẩm đó trong khi tên gọi của nó tiếp tục sống mãi nên mới đưa tới chuyện nhập nhần lầm lẫn?

Có lẽ sự hiện hữu và giá trị của lạc thư vẫn là một nghi vấn chưa có đáp án.

7. Việt Dịch Ứng Dụng

Việt dịch không có lập sẵn quẻ cũng không có lập sẵn lời, như chu dịch. Việt dịch chỉ dựa vào 8 quái, tượng trưng của 8 nguyên tính đại diện cho thể-dạng-tính-trạng-hành của thế giới hiện tượng nằm trong phạm trù có thể hiểu được và lý giải được. Hay nói cho đúng hơn, Việt dịch chỉ gom gọn trong hai đồ hình. Một cái là tiên thiên bát quái đồ, tạm gọi là Việt Dịch Tiên Thiên Đồ và một cái là hậu thiên bát quái phối hà đồ, tạm gọi là Việt Dịch Hậu Thiên Đồ.

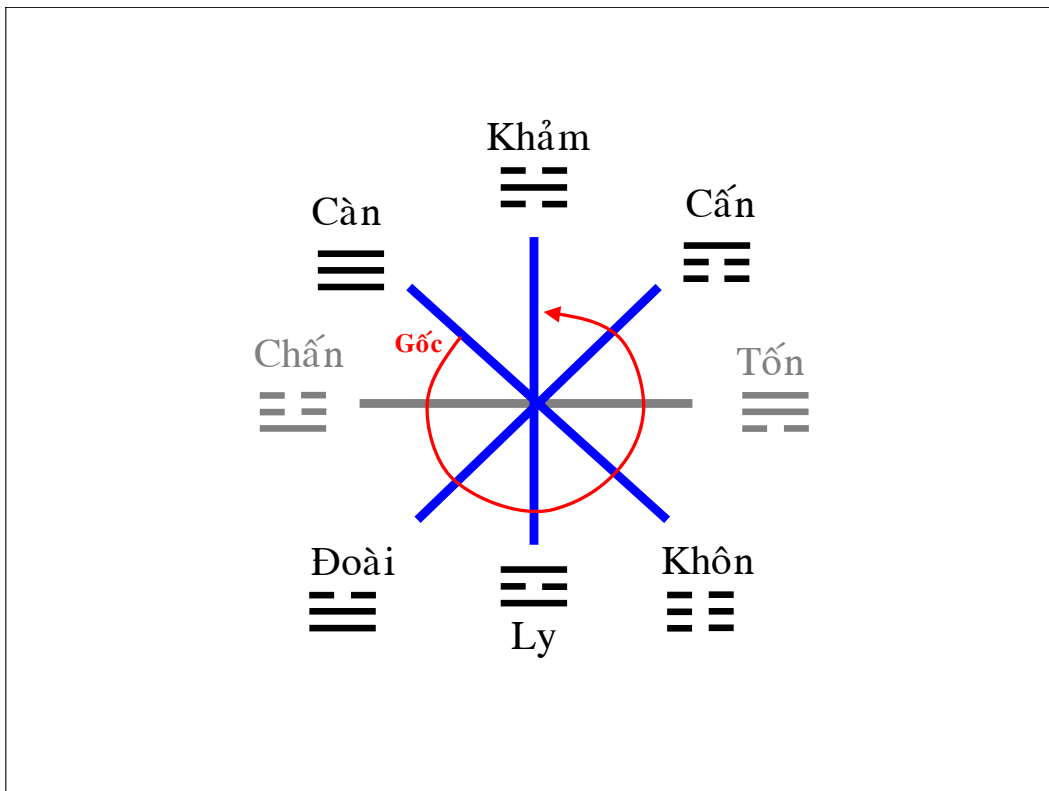
Vì việt dịch không lập sẵn quẻ cho nên không bị đóng khung trong một số quẻ nhất định như là chu dịch. Mỗi quẻ của việt dịch có thể lên đến 8 quái nhờ đó mà mỗi quẻ có thể chứa đựng nhiều thông tin hơn. Theo đó, tuy không lời và nhiều biến hóa mà ý nghĩa của quẻ lại được sáng tỏ hơn. Tùy sự việc mà lời được vận dụng, tùy sự ứng hiện của các quái mà cục diện được thành lập, tùy lời và cục diện mà lý nghĩa của quẻ được triển khai.

Nói cho có vẻ khoa học hơn thì Việt Dịch Tiên Thiên Đồ và Việt Dịch Hậu Thiên Đồ là hai mô hình có thể kích hoạt để tìm đáp án mà 8 quái của mỗi mô hình chính là 8 biến số dẫn đến đáp án. Tùy thuộc vào lĩnh vực hoặc vấn đề truy cứu mà mỗi biến số được xác định (defined) bằng lời. Tùy vào điều kiện có hưởng ứng hay không của mỗi biến số mà cấu trúc được thiết lập. Tùy vào lời và cấu trúc đã thiết lập mà lý nghĩa của tổng thể được triển khai và dẫn đến đáp án.

Lấy quẻ hay gieo quẻ bằng phương pháp nào không phải là chuyện quan trọng. Theo qui ước nào cũng được miễn là lấy một trong tám quái để xác định đâu là

gốc rồi xếp tất cả các quái theo thứ tự của đồ hình hậu thiên bát quái. Tất cả các hiện quái kết hợp với mũi tên chỉ gốc ngọn làm nên cấu trúc [còn gọi là cục diện] của một quẻ.

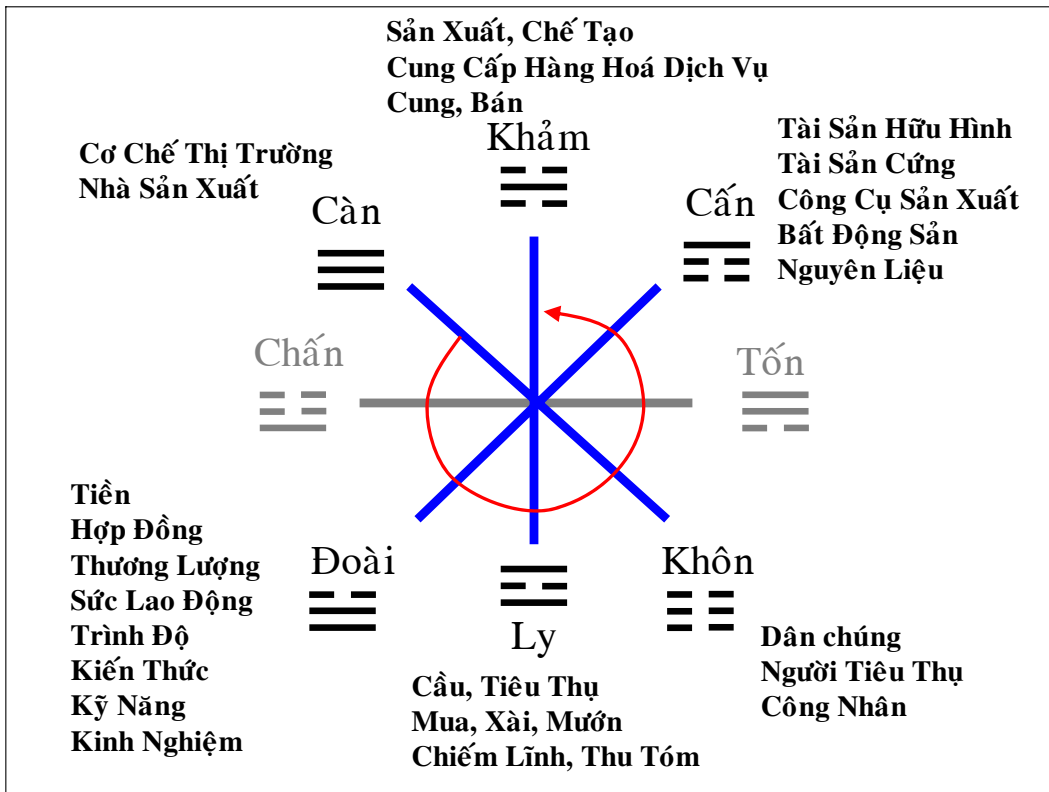
Giả dụ như một quẻ được gieo ra theo thứ tự trước sau như sau : càn, ly, cấn, 0, khảm, 0, khôn, đoài. Xếp tất cả quái vào mô hình mẫu theo thứ tự càn-0-đoài-ly-khôn-0-cấn-khảm. Nếu qui ước lấy quái đầu tiên làm gốc, và ngọn hướng theo chiều ngược kim đồng hồ, thì quái càn là gốc và quái khảm là ngọn, như trong hình 45A. Một tập hợp của 6 hiện quái theo thứ tự càn- đoài-ly-khôn-cấn-khảm được thành lập với càn là gốc và khảm là ngọn làm nên cấu trúc [còn gọi là cục diện] của quẻ. Quẻ 45A chính là “tùy sự ứng hiện của các quái mà cục diện được thành lập” và cũng chính là “tùy vào điều kiện có hưởng ứng hay không của mỗi biến số mà cấu trúc được thiết lập.”



Hình 45A : Tùy Ứng Hiện Của Quái Mà Cục Diện Được Thành Lập

Giả dụ như vấn đề đang được truy cứu thuộc lĩnh vực kinh tế có tính cách tổng quát thì một số từ vựng kinh tế thích hợp sẽ được chọn lọc để gắn vào mỗi quái, như trong hình 45B. Cho nên mới nói “tùy sự việc mà lời được vận dụng.” Đó cũng là “tùy thuộc vào lĩnh vực hoặc vấn đề truy cứu mà mỗi biến số được xác định bằng lời.” Và như đã từng trình bày, tất cả từ vựng được chọn lọc để gắn vào mỗi quái đều phải “truy cập tới,” phải “quy về được,” phải “liên kết với” yếu tính tối sơ của quái đó.

Sau khi đã có cục diện và lời, như trong hình 45B, thì việc triển khai nghĩa lý của quẻ không là việc khó. Với hai giả dụ trên, đáp án sẽ được mô tả đại khái như sau:



Hình 45B : Tùy Việc Mà Lời Được Chọn

Quẻ 45B :{(nhà sản xuất, cơ chế thị trường) + (tiền, thương lượng, hợp đồng) + (mua, mướn) + (công nhân) + (bất động sản, công cụ sản xuất, nguyên liệu) + (sản xuất, cung cấp hàng hóa dịch vụ)}. Hay trình bày một cách khác là Quẻ 45B :{nhà sản xuất [qua] cơ chế thị trường [dùng] tiền thương lượng hợp đồng [để] mua mướn công nhân, bất động sản, công cụ sản xuất, nguyên liệu [dùng vào việc] sản xuất, cung cấp hàng hóa dịch vụ}.

Thông tin [văn bản] chứa đựng trong đáp án của quẻ 45B có nghĩa lý như thế nào, sâu cạn tới đâu thì tùy thuộc vào suy nghĩ của người đặt câu hỏi.

Khác với chu dịch, lối thiết lập quẻ của Việt Dịch sẽ không cho ra trường hợp trùng quái [hai quái giống nhau]. Và với lối cho đáp án của Việt Dịch sẽ không có lời giải thích cho từng hào của quẻ.

Nếu là ứng dụng trong bói toán thì vấn đề “có linh hay không” không phụ thuộc vào môn bói toán, cũng không phụ thuộc vào qui ước của môn bói toán đó, cũng không phụ thuộc vào phương pháp thiết lập quẻ mà phụ thuộc vào sự tương thông tâm linh của người xin quẻ với cõi giới vô hình. Bói toán chỉ là vận dụng một qui ước truyền thông giữa con người với chúng sinh của cõi giới vô hình để “nhờ vả.” Họ, chúng sinh của cõi vô hình, có đáp ứng hay không và cho đáp án đúng hay sai thì không ai biết được. Việt Dịch chỉ một trong số những phương tiện.

Nếu là ứng dụng vào tiên đoán hoặc suy nghiệm có tính cách khoa học hay triết học thì việt dịch tiên thiên đồ và việt dịch hậu thiên đồ có nhiều triển vọng cho những khám phá lý thú.

Triển khai ứng dụng của việt dịch cần rất nhiều thời gian để nghiên cứu. Nó không phải là chủ đề của bài viết này vì vậy chúng ta nên dừng lại ở đây.

8. Vài Lời Để Khép Lại

Đúng ra tác giả có thể tóm tắt tất cả những điểm chính đã viết để chúng ta cùng lược lại nhưng vì điều này có lẽ cũng không thật sự cần thiết cho nên xin được phép được khép lại bài viết ở đây. Xin cảm ơn tất cả quý vị.